

Chương 3

Đức Maria Qua Chúng Từ Tân Ước

Tong 27 cuốn sách kết thành bộ Tân ước, chỉ có tất cả 5 văn bản nói về Đức Maria, và tước hiệu Maria được nhắc đến tất cả 19 lần. Những văn bản trên rút ra từ thư thánh Phaolô gửi giáo đoàn Galát, Tin mừng Máccô, Tin mừng thời thơ ấu Đức Giêsu trong Mátthêu và Luca, trong sách Công vụ các tông đồ và trong sách Khải Huyền. Khi nói đến Maria, các tác giả Tân ước không đơn thuần nhắc đến danh xưng ngài, nhưng chủ ý nhắc gửi sứ điệp nào đó.

Trong phần đầu dưới đây thử nhìn qua quan điểm chung các tác giả Tân ước khi nói về Maria, và phần kế tiếp lần lượt đọc lại các văn bản khám phá ra hình ảnh Đức Maria trong Tân ước.

A. QUAN ĐIỂM CHUNG CÁC TÁC GIẢ TÂN ƯỚC KHI NÓI VỀ ĐỨC MARIA

Quan điểm được tóm lược vào ba điểm: ngôn từ giản dị; dần dần các tín hữu khám phá vai trò quan trọng của Đức Maria; và khi nói về Đức Maria, các tín hữu tiên khởi khám phá ra chính họ.

B. NGÔN TỪ GIẢN DỊ

Tân ước nói đến Đức Maria tất cả 19 lần nhưng bình thường rất ngắn. Tính về số lượng xem ra quá ít, nhưng các tác giả không thêm thắt nhiều chỉ dẫn về Đức Maria. Họ không muốn nói hết, và ngay những điều họ viết cũng được lựa chọn nói lên điều cần thiết. Sau này,

chỉ trong các Ngụy thư, những văn bản không được Cộng đoàn Kitô hữu tiên khởi chấp nhận mới thấy các tác giả thêm thắt chi tiết hầu bỏ tước ngôn từ giản dị của Tân ước. Khác với Ngụy Thư, Tân ước không giải đáp những chi tiết về cuộc đời thơ ấu, cuộc hôn nhân giữa Đức Maria và thánh Giuse, hay những câu hỏi như Đức Maria có theo chân Đức Giêsu trong cuộc đời rao giảng công khai không? Đức Maria có mặt trong buổi Tiệc ly không? Đức Giêsu có hiện ra với mẹ mình sau khi sống lại không?... Nếu như Tân ước không giải đáp những câu hỏi trên vì tự nó quá bình thường không nhất thiết cho việc loan báo Tin mừng và không trọng yếu cho đức tin.

Tin mừng rất kín đáo khi viết về Đức Maria. Trong mọi diễn từ về Đức Maria cần giản dị và nghiêm túc chính xác. Khi nói về Đức Maria một cách đúng đắn không cần nói nhiều, liên li nhưng phải theo những gì Tin mừng ghi lại. Điều này đòi hỏi phải biết chú ý, và có thể mới vững vàng và gọi cảm đúng hơn. Ý không cảm suy tưởng, làm thơ hay viết kinh nguyện cho Đức Maria, nhưng các văn bản đó không thuộc quy tắc đức tin. Vì thế cần phải trở về với ý nghĩa Tân ước ghi về Đức Maria.

C. CÁC TÍN HỮU KHÁM PHÁ VAI TRÒ QUAN TRỌNG CỦA ĐỨC MARIA

Dần dà theo dòng thời gian các tín hữu mới khám phá vai trò quan trọng của Đức Maria trong lịch sử cứu độ. Từ thuở ban đầu, Đức Maria được biết như mẹ Đức Giêsu, và chỉ vào cuối thời Tân ước với Tin mừng Gioan, Đức Maria xuất hiện như mẹ người môn đệ Chúa yêu đại diện cho kẻ có lòng tin. Theo dòng thời gian diễn biến được biết như sau:

Khoảng năm 35: trong bài diễn từ truyền giáo trong sách Công Vụ các Tông đồ không nói gì về Đức Maria.

Thập niên 50: Khi thánh Phaolô viết các thư gửi các giáo đoàn chỉ có một đoạn ngắn ghi trong thư gửi Galát 4,4: “sinh từ người nữ”.

Khoảng năm 65: Tin mừng Máccô ghi lại hai đoạn ngắn: 3,31-35 và 6,3.

Khoảng năm 70: Tin mừng Máthêu để ra hai chương đầu gọi “Tin mừng thời thơ ấu”. Tên Đức Maria được nêu lên nhưng ngài không nói một lời nào. Trong đoạn 12,46-50, lời Đức Giêsu về gia đình đích thực có vẻ nhẹ nhàng hơn trong Tin mừng Máccô.

Khoảng giữa thập niên 70, thánh Luca trong cuốn Tin mừng và sách Công vụ tông đồ cho Đức Maria một vai trò quan trọng. Tác giả để ra hai chương đầu trong Tin mừng nói về thời thơ ấu Đức Giêsu. Ngoài ra, trong các đoạn 8,19-21; 11,27-28, Đức Maria mang danh hiệu danh dự thuộc gia đình đích thực Đức Giêsu. Trong sách Công vụ các Tông đồ 1,14 Đức Maria thuộc thành phần với nhóm 11 môn đệ chuyên cần vào việc cầu nguyện.

Khoảng năm 80, tác giả sách Khải Huyền nơi chương 12 viết về người phụ nữ mang thai trốn vào sa mạc. Hình ảnh diễn đạt nhiều ý: biểu tượng Giáo hội, cộng đoàn thiên sai, và biểu tượng chỉ định Đức Maria.

Khoảng năm 90-100, Tin mừng Gioan ra đời và tác giả nói về Đức Maria hiện diện trong giai đoạn Đức Giêsu khởi đầu hành trình rao giảng. Đức Maria có mặt tại tiệc cưới Cana (2,1-12). Vào giai đoạn cuối đời Đức Giêsu (19,25-27), Đức Maria cũng có mặt dưới chân thập giá. Tác giả không viết gì về thời thơ ấu.

Tóm lại cần nhấn mạnh, diễn từ truyền giáo tiên khởi (Cv 2,14-41; 3,12-26; 4,8-12; 5,29-32; 13,16-41...¹) chỉ nhắm vào biến cố Chúa Kitô chết và sống lại. Truyền khẩu rao giảng lúc ban đầu đi từ biến cố đó, rồi dần dà mới nói về cuộc đời công khai của Đức Giêsu.

Thánh Phaolô viết những văn bản Kitô giáo đầu tiên không nhắc đến ơn gọi hay vấn đề trinh thai của Đức Maria. Tác giả Máccô cũng cho biết rất ít về Đức Maria và văn bản hơi chi tiết về gia đình đích thực Đức Giêsu coi như một lời rất cứng rắn. Với Tin mừng Máttêu, người ta bắt đầu tìm về thời thơ ấu Đức Giêsu. Đức Maria chỉ được nhắc qua bằng gia phả và sự trinh thai. Trong suốt đoạn Tin mừng, vai trò Đức Maria gắn liền với định mệnh con trẻ Giêsu, nhưng không biết ngài nghĩ gì. Sau Đức Giêsu, thánh Giuse có vai trò quan trọng theo Máttêu 1-2. Tác giả Luca cho Đức Maria một chỗ đứng quan trọng. Ngài có vai trò trọng yếu trong Tin mừng thời thơ ấu. Đức Maria hành động trong đức tin với khôn ngoan và táo bạo. Truyền thống Kitô giáo mức lấy từ hai chương Luca 1-2 những suy tư sâu xa về Đức Maria. Bản văn Truyền tin được lấy làm bài đọc cho các lễ lớn kính Đức Maria. Cuối cùng, tới thời Gioan mới có thêm suy tư về màu

¹ Công vụ 2,14-41: diễn từ Lễ Hiện xuống; bài diễn từ được Luca biên soạn lại; Công vụ 3,12-26: diễn từ ông Phêrô tại Đền thờ. Bài diễn từ rất xưa cổ, và có thể trở thành một mẫu về lời cộng đoàn Kitô hữu gốc Do thái rao truyền; Công vụ 4,8-12: Lời các tông đồ tuyên xưng đức tin đầu tiên trước Hội đồng công tọa Do thái; Công vụ 5,29-32: Lời các tông đồ tuyên xưng đức tin lần thứ hai trước Hội đồng công tọa Do thái; Công vụ 7,2-53: diễn từ ông Têphanô, và có thể coi như mẫu lời cộng đoàn Kitô hữu nói tiếng Hy Lạp rao giảng; Công vụ 10,34-43: diễn từ ông Phêrô cho ông Corneille. Bài diễn từ được Luca biên soạn lại; Công vụ 13,15-41: diễn từ ông Phaolô tại Antiôchia. Khi khởi đầu sứ vụ, ông Phaolô có thể đã rao giảng như thế; Công vụ 17,22-31: diễn từ ông Phaolô tại thành Athènes. Mẫu lời Phaolô giảng dạy cho các quốc gia. Phần 1 (Cv 17,22-29) dự bị về Thiên Chúa duy nhất, hữu thể thiêng liêng và Đức Chúa phổ quát; phần 2 chưa hoàn toàn xong (Cv 17,30-31) có thể trình bày Tin mừng Đức Giêsu Kitô chết và sống lại.

nhiệm Đức Maria. Dưới chân thập giá, Đức Maria được Đức Giêsu chối lại làm mẹ người môn đệ. Từ đó, truyền thống Giáo hội coi Đức Maria như mẫu tính tinh thần.

Đoạn đường suy tư về Đức Maria được Giáo hội trải dài theo dòng thời gian. Ngài được nhìn nhận mẹ Đức Giêsu, xuất hiện trong lòng Giáo hội như người mang lòng tin ưu tú, và nên người môn đệ đầu tiên của Đức Giêsu.

D. KHI NÓI VỀ ĐỨC MARIA, CÁC TÍN HỮU TIÊN KHỞI KHÁM PHÁ VÀ NÓI LÊN MẪU NHIỆM CỦA HỌ

Các văn bản Tân ước đều mang dấu ấn cộng đoàn. Sứ điệp Đức Giêsu được đọc và thực hành trong các cộng đoàn; vì thế khi biết được điều gì đó về cộng đoàn cùng lúc biết thêm về Đức Giêsu. Lý luận cũng đúng khi đọc các văn bản Tân ước về Đức Maria vì qua đó sẽ khám phá ra đời sống các cộng đoàn tiên khởi. Nếu tác giả Luca giữ lại câu Đức Maria trả lời trong ngày truyền tin: “*vâng, tôi đây là nữ tỳ của Chúa, xin Chúa cứ làm cho tôi như lời sứ thần nói*”, vì qua câu này họ nhìn thấy ơn gọi Đức Maria như một phục vụ cho Thiên Chúa, và chỉ cần nghe theo Lời Thiên Chúa mọi chuyện sẽ được. Khi Luca ghi “*còn bà Maria thì hằng ghi nhớ mọi kỷ niệm ấy và suy đi nghĩ lại trong lòng*”, Giáo hội tiên khởi sống với ký ức về những lời và hành động của Đức Giêsu.

E. HÌNH ẢNH ĐỨC MARIA TRONG TÂN ƯỚC

E1. Thư gửi Ga lát 4,4-5: “*Nhưng khi thời gian tới hồi viên mãn, Thiên Chúa đã sai Con mình tới, sinh làm con một người đàn bà, và sống dưới Lê Luật, để chuộc những ai sống dưới Lê Luật, hầu chúng ta nhận được ơn làm nghĩa tử*”.

Các thư thánh Phaolô thuộc những văn bản xưa nhất trong Tân ước nhưng trong đó đã thấy thành hình một Kitô học vững chãi. Tác giả chưa tỏ hiện về Maria luận nên không nói gì về bà mẹ Đức Giêsu. Bối cảnh giúp hiểu đoạn thư Galát 4,4.

E11. Giáo đoàn Galát

Sách Công vụ (16,6-8) cho biết Phaolô đã bỏ đoạn đường chính phải đi, và quẹo đi qua miền Phrygie và Galát. Ngoài việc nêu lên ở đoạn này về thành Galát, trong sách Công vụ không có đoạn nào khác nói về việc rao giảng Tin mừng cho dân Galát. Ngoài ra còn có ở một đoạn sau (18,23) khi Phaolô bắt đầu hành trình thứ ba. Công vụ ghi *“ông lần lượt qua miền Galát, và Phrygie và làm cho tất cả các môn đệ được vững mạnh”*. Việc này đúng như những gì Phaolô đã viết trong thư gửi Galát 4,13-14 khi ngài gọi lại việc thành lập cộng đoàn tín hữu Galát: *“anh em biết, nhân khi thân xác bị đau ốm, tôi đã loan báo Tin mừng cho anh em lần đầu tiên. Mặc dù thân xác tôi là một dịp thử thách cho anh em, anh em đã không khinh, không tởm; trái lại anh em đã tiếp đón tôi như một sứ giả của Thiên Chúa, như Đức Giêsu Kitô”*.

E12. Thư gửi giáo đoàn Galát

Được trình bày như một lá thư luân lưu gửi cho các “giáo hội tại miền Galát” (1,2). Bình thường, Phaolô gửi thư cho Giáo hội Thiên Chúa tại một thành phố nào đó như các thành Côrintô, Thêxalônica, Côlôxê... Ở đây, tác giả chỉ nói tới miền Galát chứ không nêu rõ thành phố nào trong miền Galát. Vì thế đưa các nhà chuyên môn nghĩ rằng tại miền Galát có những tiểu cộng đoàn sống rải rác nhưng có mối liên hệ với nhau. Vào thời đó, miền Galát bao gồm vương quốc ở miền Bắc thường gọi Galát. Dân cư thuộc gốc người Galát tinh rông, ngoài ra còn có dãy đất ở phía miền Nam với Pisidie, Pamphylic và

Lycaonie được sát nhập vào miền Galát về phương diện hoàn toàn hành chánh.

Vì thế câu hỏi đặt ra, lá thư thánh Phaolô gửi cho dân Galát ở miền Bắc hay dân Galát thuộc miền Nam. Một số ít nhà chú giải cho lá thư được viết gửi các giáo đoàn Galát ở miền Nam, với lý do Phaolô viết cho những người ngài có dịp đến rao giảng trong cuộc hành trình truyền giáo lần thứ nhất: Pisidie (Antiôkhia), Pamphylie, Lycaonie (Iconium, Lystres và Derbé). Theo giả thuyết, thư gửi Galát coi như được biên soạn khoảng năm 48-49. Ngược lại, hầu hết các nhà chú giải cho lá thư được viết gửi các giáo đoàn ở miền Bắc Galát. Họ dựa vào ý gần gũi về nội dung cũng như hình thức giữa thư gửi Galát và thư gửi Rôma. Có tất cả 28 đoạn đối chiếu giống nhau giữa hai thư (Gl 2,6 = Rm 2,11... 6,5 = 4,12), và hai lá thư được biên soạn vào những năm rất gần nhau. Theo đó, thư gửi Galát được biên soạn vào khoảng năm 56-57.

- *Lý do viết thư.* Trong sách Công vụ, Luca ghi sau biến cố với nhóm thợ bạc ở Êphêxô, Phaolô lên đường đi Makêđônia (Cv 20,1), và khi lưu lại đây, ngài viết thư gửi tín hữu Galát xác nhận phẩm chất tông đồ. Lý do chẳng bao lâu, trên miền cao nguyên Galát, một cơn khủng hoảng xuất hiện đến từ những người Do thái. Ít lâu sau khi Phaolô ra đi, họ đã tìm cách lôi kéo cộng đoàn mới trở về việc giữ luật cách nghiêm nhặt, chịu phép cắt bì và giữ luật lệ về vấn đề ăn uống. Trước kia họ thuộc lương dân, nay đeo vào mình chiếc gông Luật Do Thái! Hẳn họ tưởng làm thế là đúng, nhưng Phaolô cảm thấy có nguy cơ: Nếu còn phải thêm điều nào (ở đây là tập tục Do thái) vào niềm tin Kitô giáo, như thế dấu chỉ cho thấy việc tin vào Chúa Kitô không đủ để cứu độ con người. Khi nghe biết điều đó, Phaolô lập tức viết bức thư gửi người Galát trả lời cách hùng mạnh và hăng say như trong đoạn đầu (Gl 1,6-8): *“Tôi rất ngỡ vì thấy anh chị em chóng bỏ*

Đáng đã gọi anh chị em lãnh ơn phúc của Chúa Kitô, mà theo một Tin mừng khác. Không có Tin mừng nào khác đâu, chẳng qua chỉ có mấy người quá rỗi anh chị em, và muốn đánh đổ Tin mừng Chúa Kitô thôi. Bởi vậy, dù ngay cả chúng tôi, dù một sứ thần nào từ trời xuống loan báo cho anh chị em một Tin mừng khác với Tin mừng chúng tôi đã loan báo cho anh chị em thì kẻ ấy là vô phúc”!

Phaolô phân tích một cách say mê nhưng có phần hơi phức tạp! Tuy vậy, cuối cùng ngài cũng chỉ có một câu hỏi đặt ra cho các tín hữu: “Anh em hãy nhớ lại anh em đã làm gì nhờ việc kết hợp với Đức Giêsu Kitô”. Anh em còn trung tín với những điều cam kết khi chịu phép Rửa Tội không? Sau khi nhập đề một cách sống động, ba lần Phaolô bênh vực Tin mừng rao giảng.

- Tin mừng mà Phaolô trực tiếp nhận nơi Chúa Kitô trên đường Damát (1,11–2,21).

- Tin mừng chứa đựng cái gì? Đọc lại lịch sử dân Chúa, Phaolô cho thấy luật chỉ dạy cho biết đường đến với Chúa Kitô. Giờ đây khi đã đạt đến Người rồi, không còn cần tới luật nữa (3–4). Khi đọc các đoạn này sẽ gặp những công thức tuyệt đẹp về niềm tin vào Chúa Kitô (2,6-20), về Ápraham (3,6-14), về sự bình đẳng trong Đức Giêsu Kitô (3,26-29), về tinh thần làm con (4,6-7).

- Tin mừng đưa tới tự do (5–6): Đối với Kitô hữu, không có giới răn nào, chỉ còn có Luật nội tâm - Thánh Thần - Đáng ở trong tâm hồn mỗi tín hữu, nói cho họ biết phải làm gì. Trong Chúa Kitô, anh em là một tạo vật mới, anh em hãy sống như những người tự do!

Thư Galát là một bản văn quyết đấu. Trong thư, có nhiều đoạn tối nghĩa. Nhưng sự say mê của Phaolô đem lại cho bức thư một luồng sinh khí phi thường. Lá thư cũng còn mang tính cách rất thời sự cho

mọi thể hệ tín hữu, cảnh báo họ chống lại thói vụ hình thức tôn giáo, sa lầy lòng tin vào những lễ chế, lòng kiêu ngạo vào những công đức riêng, không mở lòng đón nhận những điều mới... Thư gửi Galát không đồng hóa vào một nền văn hóa, cơ chế nào. Men Tin mừng bẻ gãy mọi chủ nghĩa đặc thù đi đến phổ quát: *“không còn chuyện phân biệt Do thái hay Hy lạp, nô lệ hay tự do, đàn ông hay đàn bà; nhưng tất cả anh em chỉ là một trong Chúa Kitô”* (3,28). Mấy tháng sau, Phaolô lại vận dụng cũng những ý tưởng đó trong một văn bản bao quát hơn diễn đạt một trong những đỉnh cao tư tưởng của ngài qua Thư gửi giáo đoàn Rôma.

E13. Galát 4,4-5: Như đã nói qua, thánh Phaolô trong thư gửi Galát chống lại một số Kitô hữu đến từ Do thái giáo vì họ áp đặt lề luật Môsê cho những người ngoại trở lại đạo. Tác giả nhấn mạnh đến đối kháng giữa Lề luật ban cho ông Môsê và Lời Thiên Chúa hứa cùng ông Ápraham. Lời hứa có trước khi lề luật được trao ban và lời hứa đánh dấu việc Thiên Chúa dán thân vào Giao ước. Đối lại nhân loại cần mang lòng tin nơi Thiên Chúa thôi. Giao ước giữa Thiên Chúa và Ápraham là *“một chúc thư xưa kia đã được Thiên Chúa lập đúng thể thức, thì lề luật mãi bốn trăm ba mươi năm sau mới có, không phé bỏ chúc thư đó được, và như vậy làm cho lời hứa ra vô hiệu”* (3,17). Lề luật *“chính là để gây ra các sự vi phạm mà lề luật đã được đặt thêm, cho tới khi Đấng là dòng dõi Ápraham đến, Đấng được hưởng lời hứa”* (3,19). Lề luật *“không có khả năng làm cho sống”* (3,18). Lề luật chỉ là quản giáo khi nhân loại thời còn trẻ, *“nhưng khi Đức tin đến, thì chúng ta không còn ở dưới quyền giám hộ nữa”* (3,25), nhưng thực sự được làm con cái Thiên Chúa. Phaolô viết: *“nhưng khi thời gian tới hồi viên mãn, Thiên Chúa đã sai Con mình tới, sinh làm con một người đàn bà, và sống dưới Lề Luật, để chuộc những ai sống dưới Lề Luật, hầu chúng ta nhận được ơn làm nghĩa tử”* (4,4-5).

Câu văn nằm ngay trung tâm một đơn vị văn chương đi từ câu 1 đến câu 7. Thánh Phaolô nhắc lại quy chế mới của những tín hữu cho những người Galát đang còn dằng co bị kéo về theo phong tục cũ người Do thái và tôn trọng những nghi thức lề luật. Thánh Phaolô không muốn họ quay trở lại: “*anh em không còn phải là nô lệ nữa, nhưng là con, mà đã là con thì cũng là người thừa kế, nhờ Thiên Chúa*” (câu 7). Toàn bộ đoạn văn coi như then chốt lá thư Galát, không có nó tất cả sẽ sụp đổ. Mẹ Đức Giêsu được đặt vào trong đó. Nếu như cuộc sống kitô hữu được nâng lên nhờ “*Thần Khí người Con kêu lên Abba, cha ơi!*” (câu 6), chuyện đó chỉ có thể được bởi ân huệ Thiên Chúa “Con của Người, và bởi sự tiếp đón người Con bởi mẹ Đức Giêsu, người được sinh ra từ “một người đàn bà” (câu 4).

Câu văn làm nổi bật ý nghĩa Con Thiên Chúa được trao ban cho nhân loại qua một người nữ, từ đó chúng ta nhận ơn nghĩa tử. Sinh làm con một người đàn bà, Con Thiên Chúa không phải một nhân vật từ trời cao xuất hiện trong thế giới, nhưng thuộc thành phần vũ trụ nhân loại vì mang thân phận loài người từ một người nữ như tất cả mọi người. Thiên Chúa đi vào lịch sử loài người qua Đức Maria. Qua Galát 4,4 còn mang ý tưởng về sự trinh thai của Đức Giêsu. Dù Phaolô chưa đưa ra hình ảnh rõ nét về Đức Maria, nhưng tác giả với đoạn văn làm nổi bật ý tưởng tiềm ẩn về điều Đức Maria đồng trinh và là mẹ Con Thiên Chúa.

F. ĐỨC MARIA TRONG TIN MỪNG NHẤT LÂM¹

Ngoài hai chương đầu ghi lại thời thơ ấu theo Tin mừng Mátthêu và Luca, Tin mừng Nhất Lâm còn nói đến Đức Maria trong một số

¹ Nhà chú giải Kinh Thánh Griesbach (1776) đặt tên Nhất Lâm cho ba cuốn Tin mừng Mátthêu, Máccô và Luca, vì có thể đặt ba bản văn thành ba cột song song và chỉ nhìn một lần mà đọc được cả ba để thấy những điểm tương đồng và khác biệt.

trình thuật có thể gom lại như sau. Tin mừng Nhất Lãm có bốn đoạn nói về chủ đề gia đình thực sự của Đức Giêsu ghi trong Máccô 3,31-35; Mátthêu 12,46-50; Luca 8,19-21; 11,27-28. Bốn đoạn văn có ít nhiều chi tiết bổ túc cho nhau. Ở đây không đi vào chi tiết nhưng phải hiểu sao về ý nghĩa mẹ và anh em Đức Giêsu. Trong các đoạn văn, Đức Giêsu nêu rõ ý liên đới với các môn đệ, với tất cả những ai thi hành ý Thiên Chúa. Các tác giả Nhất Lãm không nêu danh Đức Maria, nhưng chỉ gọi ngài là “mẹ” và kết hiệp ngài vào nhóm các “anh em”.

F1. Theo truyền thống Tin mừng Máccô

F11. Gia đình đích thực của Đức Giêsu: Máccô 3,31-35

Với câu văn 31, đoạn văn đóng ngoặc 22-30 được chấm dứt. Những người thân Đức Giêsu được nêu lên trong câu 21. Họ đã đến được gần nơi Đức Giêsu đang hoạt động. Người đầu tiên được nêu lên ở đây chính là mẹ Người, nhưng không cho biết tên. Điều ngạc nhiên hơn khi Máccô không nói đến cha Đức Giêsu. Và bên cạnh mẹ Người gồm có các anh em Đức Giêsu. Tên họ và con số bao nhiêu người cũng không được nói tới. Chỉ tới đoạn Máccô 6,3 mới thấy tác giả cho biết tên những người anh em Đức Giêsu. Đoạn văn nói đến những người anh em Đức Giêsu đã gây tranh luận lâu dài trong lịch sử Giáo hội, vì liên quan đến quan niệm Giáo hội Công giáo cho Đức Maria trọn đời đồng trinh. Vào cuối thế kỷ thứ IV, ông Helvidius cho những người anh em Đức Giêsu là những anh em ruột thịt với Người; ông Epiphane nói ngược lại, vì những người đó thuộc những người con ông Giuse với người vợ đầu. Giáo phụ Giêrônimô coi họ thuộc những người bà con họ hàng của Đức Giêsu. Họ là con bà Clopas và bà này thuộc hàng chị em với Đức Maria. Ngày nay, sau bao cuộc tranh luận, cũng như dựa vào từ ngữ học của những từ Hy Lạp như

adelphos = *anepsios* = bà con, nhưng cuộc tranh luận vẫn không ngừng. Phái Giáo hội Tin lành không coi tin điều Đức Maria trọn đời đồng trinh quan trọng, vì thế cho nên họ vẫn coi “*những người anh em Đức Giêsu*” là những người con thật đến từ Đức Maria và ông Giuse. Riêng Giáo hội Công giáo vẫn chú giải từ ngữ đó như những người anh em họ hàng của Đức Giêsu. Đứng trước vấn nạn nêu trên, khoa chú giải Kinh Thánh ngày nay ý tứ hơn và cho rằng rất khó biết được rõ ràng về gia đình Đức Giêsu. Vì thế cần phải lấy ý nghĩa tự nhiên của những từ ngữ trên, và khó có thể làm lại gia phả chính xác gia đình Đức Giêsu.

Trong đoạn văn Máccô 3,31-35 những người thuộc gia đình Đức Giêsu đứng ở ngoài, còn đám đông đang ở trong chung quanh Đức Giêsu. Tác giả Máccô muốn nêu lên nét tương phản đó. Những người thuộc gia đình Đức Giêsu lựa chọn đứng ngoài vòng những người môn đệ Đức Giêsu và họ lãnh nhận những hậu quả đến từ sự lựa chọn đó. Họ đến đây để bắt Người, vì thế cho người vào đưa tin cho Đức Giêsu ra ngoài để gặp gỡ họ. Đám đông đang ngồi chung quanh Đức Giêsu cũng đóng vai trò trung gian giữa Đức Giêsu và gia đình Người. Họ cho biết anh em Người đang hiện diện ở ngoài. Những người này đang tìm kiếm Người, trong đó gồm có mẹ và anh em, chị em Người. Họ muốn đến bắt Người về, nên đã có mặt thật đầy đủ. Chỉ có Máccô nêu lên ở đây chị em Đức Giêsu, chứ Mátthêu và Luca trong đoạn song song chỉ nói tới những anh em Đức Giêsu. Máccô thêm chi tiết “chị em” vào nhấn mạnh thái độ lạm dụng của gia đình Đức Giêsu, chứ Mátthêu và Luca ở đây giữ sát với truyền thống hơn.

Hai câu văn 33-34 không thể để tách rời nhau. Câu hỏi Đức Giêsu nêu lên “*Ai là mẹ tôi? Ai là anh em tôi?*” như lời khẳng định cắt đứt với gia đình. Những người đó không có quyền hành gì trên Người, và

họ đã được thay thế với những người đang bao quanh để lắng nghe lời Người giảng dạy. Những người ngồi chung quanh Người là những người thuộc gia đình thật của Người. Và câu 35 chỉ định một cách khác gia đình thật của Đức Giêsu không chỉ là người môn đệ ngồi dưới chân Người, nhưng những người làm theo “ý Thiên Chúa”. Vì thế, tất cả những ai sống tương ứng theo lề luật diễn đạt ý chí Thiên Chúa là người anh em, chị em Đức Giêsu. Lời Đức Giêsu trả lời cho gia đình như lời trách móc họ cứng lòng, và qua lời đó Đức Giêsu giảng dạy cho tất cả biết mọi mối tương quan chân thật với Người đều phải qua việc vâng lời ý Thiên Chúa (*to thélèma tou theou*).

Kết luận

Trong một số nhóm đọc và cầu nguyện với Kinh Thánh, khi đọc đoạn Máccô 3,20-35 thường gặp phải những điểm khó khăn để diễn đạt tư tưởng của mình. Lời Đức Giêsu nói về gia đình quá cứng rắn, và dường như không nhìn nhận mối liên hệ mật thiết của gia đình. Nhưng lời Đức Giêsu không có ý nghĩa vừa nêu trên. Lời Người biểu lộ trước hết sự tự do đối với tất cả những áp lực dù bất cứ điều đó đến từ đâu cho dù đến từ phía ngay chính những người trong gia đình. Và khi Đức Giêsu nêu lên nguyên tắc về mối liên hệ mới, Người không chỉ nói với những người trong gia đình nhưng đã rảo mắt nhìn đến tất cả những ai đang bao quanh. Đức Giêsu không chối bỏ gia đình, nhưng Người đưa họ hiểu để tham dự vào gia đình mới do chính Thiên Chúa thiết lập.

F12. Dân làng Nazareth biết gia đình Đức Giêsu: Máccô 6,2b-3

Có hai đoạn văn ghi lại trong Máccô 6,3 và những đoạn văn song song Máttêu 13,55-56 (và Gioan 6,42 = diễn từ về bánh trường sinh, không nêu danh Đức Maria, nhưng chỉ nói cha mẹ ông ta, chúng ta đều biết...) và chuyện xảy ra tại Nazareth. Hôm ấy Đức Giêsu giảng

dạy trong hội đường và mọi người đều ngạc nhiên: “bởi đâu ông ta được như thế... ông ta không phải là bác thợ, con bà Maria, và anh em họ hàng với các ông Giacôbê... chị em của ông không phải là bà con lối xóm với chúng ta sao?”. Những người nghe Đức Giêsu giảng dạy đều cho Người là con bà Maria. Và qua hai đoạn trên, Đức Maria cũng được kết hiệp vào anh em Đức Giêsu với đầy đủ các tên, ngược lại tên các chị em không được nêu lên.

Những người trong hội đường Nazareth khi nghe lời Đức Giêsu bình giảng phản ứng bằng hai câu hỏi: khôn ngoan (*sophia*) của ông đến từ đâu và sức mạnh quyền uy (*hai dunameis*) ông làm có nghĩa gì? Câu hỏi trong hội đường Nazareth làm vọng lại câu Hội đồng công tọa Do thái hỏi trong Máccô 11,28 “Ông lấy quyền nào mà làm các điều ấy, hay ai đã cho ông quyền làm các điều ấy?”. Sự khôn ngoan được biểu lộ trong lời Đức Giêsu vừa giảng dạy. Những lời đồn thổi về phép lạ chữa bệnh hay trừ quỷ cũng đã đến tai người dân làng Nazareth. Những câu hỏi nêu trên có thể được hiểu như họ mang ý muốn muốn hiểu biết thêm về con người Đức Giêsu cũng như về nguồn gốc sức mạnh của Người không đưa đến câu trả lời nào cả. Thật vậy câu hỏi thứ nhất muốn tìm hiểu xem nguồn gốc khôn ngoan và sức mạnh Đức Giêsu đến từ đâu, và câu hỏi thứ hai nhắm đến căn tính và nguồn gốc xã hội Đức Giêsu. Những câu hỏi thuộc loại hùng biện kéo đưa đến câu hỏi kế tiếp.

Câu hỏi thứ nhất về khôn ngoan và sức mạnh quyền uy. Máccô nói lần duy nhất trong đoạn văn về khôn ngoan Đức Giêsu trong suốt cuốn Tin mừng. Nhìn theo bối cảnh, có thể hiểu khôn ngoan gắn liền vào lời Đức Giêsu giảng dạy biểu lộ rõ ràng theo truyền thống khôn ngoan trong Kinh Thánh (*G* 33,33; *Cn* 4,11; *Gv* 12,9; *Kn* 6,9; *Hc* 4,24). Đức Giêsu nhận lãnh trong ngày chịu phép rửa nguồn gốc khôn

ngoan và sức mạnh đến từ Thần Khí Thiên Chúa. Được hiểu như vậy, nên câu hỏi nói lên lòng cảm phục. Thế nhưng điều đó lại không đúng với phản ứng tiếp theo của dân làng Nazareth. Họ nêu lên câu hỏi thứ hai như một lời bác bỏ Đức Giêsu rõ ràng. Họ lấy lý do Người là con một bác thợ mộc (*ho tekton*) trong làng, “con bà Maria”, anh em với các ông Giacôbê, Giuse, Giuđa và Simon, và chị em còn ở đây, “lối xóm với chúng ta”.

Trước hết đoạn văn cho biết Đức Giêsu con một người thợ mộc (*ho tekton*): một nghệ nhân, đặc biệt như người xây dựng một căn nhà. Nghệ nhân làm việc với gỗ, với đá cũng như những vật liệu khác. Từ ngữ “*tekton*” có mạo từ “*ho*” để chỉ định một hoàn cảnh ai cũng biết.

Tiếp theo, đoạn văn cho biết Đức Giêsu “con bà Maria”. Từ ngữ cũng gây nhiều tranh luận. Ít khi nào Đức Giêsu được gọi “con bà Maria”, vì thế có tác giả coi đây như điểm tranh luận nơi cộng đoàn Do thái về việc Đức Giêsu được sinh ra. Đức Giêsu chắc chắn sinh ra từ bà Maria, nhưng với một người cha vô danh. Bình thường, với não trạng Sê mít, người ta thường nêu danh người con theo người cha và không bao giờ theo người mẹ, cho dù người cha đã qua đời. Có tác giả nêu giả thuyết từ ngữ “con bà Maria”, có ý phân chia Đức Giêsu với những người anh em cùng cha khác mẹ. Giả thuyết cho ông Giuse đã có vợ trước và đã mấy người con trước khi về ở Đức Maria. Từ ngữ “con bà Maria”, cũng có thể hiểu như lời người ta nói về Đức Giêsu, người con một bà mẹ đang còn sống ở đây với họ, và có thể bà mẹ đó cũng đang hiện diện trong hội đường Nazareth và đang lắng nghe con mình bình giảng lời Kinh Thánh.

Người dân làng Nazareth còn nêu rõ danh sách bốn người thuộc gia đình Đức Giêsu: ông Giacôbê được nêu lên trước tiên như anh cả, và sau này ông giữ vai trò quan trọng trong Cộng đoàn tiên khởi (Cv 12,17; 15,13; 21,18; 1Cr 15,7; Gl 1,19; 2,12; Gc 1,1; Gđ 1). Sau ông Giacôbê, có người em mang tên Giôxết. Một nhân vật ít được biết đến và đọc theo Mátthêu 13,55 được biết ông còn có tên gọi Giuse. Ngoài ra không còn đoạn văn nào nhắc đến ông. Người thứ ba mang tên Giuđa. Một tên được dùng đến rất nhiều nơi dân Do thái. Ngoài đoạn văn Máccô này, Giuđa chỉ còn được nhắc đến thêm một lần khác theo Tin mừng Mátthêu 13,55. Trong Tân ước có một thánh thư mang tên Giuđa không do chính ông viết, nhưng một tác giả nào đó đã mượn danh ông. Người cuối cùng tên Simon, cũng chỉ được nhắc tới thêm một lần khác tại Mátthêu 13,55. Ông cũng thường hay bị lẫn lộn với một số nhân vật khác trong Tân ước cũng mang cùng tên Simon, như nhân vật Simêon, con ông Clopas, người cũng thuộc bà con với Đức Giêsu. Theo ông Hégésippe, ông Simêon đã kế nhiệm ông Giacôbê làm Giám mục Giêrusalem.

Cuối cùng đoạn văn ghi “*Chị em của ông không phải là bà con lối xóm với chúng ta sao?*”, nhưng không cho biết tên và con số có bao nhiêu người chị em. Vì họ không giữ một vai trò đặc biệt nào trong cộng đoàn tiên khởi tại Giêrusalem. Họ có thể đã lập gia đình tại làng Nazareth, và không có cơ hội theo các anh em trai lên lập cư tại thành Giêrusalem. Vì thế khi nói tới gia đình Đức Giêsu tại Nazareth nên có nói đến họ, nhưng rồi sau đó họ không còn được nói đến vì không có vai trò gì quan trọng đối với những biến cố xảy ra sau này tại Giêrusalem.

Đoạn văn gây nên nhiều tranh luận trong giới các nhà chú giải. Những người này có phải anh em ruột của Đức Giêsu, hay những

anh em trong họ hàng? Cuộc tranh luận vẫn còn tiếp tục và chưa đưa đến được một giải pháp ôn hòa cho mọi người. Có điều trong đoạn văn nêu ra rõ ràng tên những người đó “Giacôbê, Giuse, Giuda và Simon”. Bốn người đều mang tên các tổ phụ đến từ ông Giacóp và ba người con của ông, với ý diễn đạt như một gia đình đạo đức, và mang nguồn gốc trong dân tộc được tuyển chọn. Nhưng câu hỏi mang ý nghĩa rất rõ ràng. Người dân làng Nazareth cho biết Đức Giêsu quá quen thuộc với họ, vì thế rất khó để họ có thể tin và theo Người được. Họ không tin và chấp nhận Đức Giêsu có thể hơn họ và càng không thể tin tưởng những phép lạ do Người làm và được đồn đãi đến tai họ. Vì thế cảm xúc bị “đánh động” (*exoplèssento*) nơi câu 2b giờ đưa trở nên sự công phẫn (*eskandalizonto*).

F2. Theo truyền thống Tin mừng Mátthêu 1–2

Hai thánh sử Mátthêu và Luca mở đầu cuốn Tin mừng bằng một lời ngỏ thần học nơi chương 1–2. Hai chương được biên soạn với chủ đích mạc khải Đức Giêsu thành Nazareth mà Giáo hội tuyên xưng là Thiên Chúa.

Ngày hôm nay, có một số người đặt lại vấn đề sử tính Tin mừng thời thơ ấu. Văn bản thường gây nổi hoang mang với những dữ kiện như ngôi sao soi dẫn các nhà thông thái, các lần thiên thần xuất hiện... và câu hỏi đặt ra cần giữ lại những gì trong các sự kiện đó? Nếu như có nổi hoang mang, vì người ta cho các văn bản mang nhiều việc kỳ diệu quá. Khi xem xét kỹ, trong Tin mừng thời thơ ấu có ít phép lạ so với toàn bộ các sách Tin mừng, và có thể nói phép lạ duy nhất trong Tin mừng thời thơ ấu là sự trinh thai. Như thế, vấn đề các bản văn Tin mừng thời thơ ấu nêu lên không phải vì phần ấy có nhiều phép lạ

nhưng thuộc lãnh vực kỹ thuật như thể loại văn chương, và kỹ thuật đối chiếu song hành v.v... do tác giả sử dụng nhằm trình bày cho hiểu Chúa Giê-su Ki-tô luôn mãi là ai¹.

Tin mừng Mátthêu 1–2². Mátthêu ghi lại thời thơ ấu Đức Giê-su nơi hai chương đầu trong cuốn Tin mừng. Tác giả biên soạn hai chương đầu với mục đích cho biết Chúa Giê-su Ki-tô là Đấng đến hoàn thành Cựu ước. Mátthêu trình bày toàn bộ về con người Chúa Ki-tô và sứ mạng. Vì thế Mátthêu 1–2 như hai chương Ki-tô học phong phú. Tác giả Mátthêu biên soạn chương 1–2 dựa vào 5 lời trích dẫn Cựu ước hàm ý Đức Giê-su đã được các ngôn sứ loan báo. Ngài đến hoàn thành lời Kinh Thánh. Tác giả sử dụng khoảng non một tá công thức kiểu “xảy ra như thể để hoàn tất (nguyên nghĩa = hầu làm đầy đủ, trọn vẹn) lời Chúa phán qua miệng ngôn sứ rằng...” rồi kế tiếp một câu rút ra từ Cựu ước. Những lời “trích dẫn để được làm trọn” trước tiên đã gây ra điều rắc rối. Phải chăng Đức Giê-su tìm cách thực thi “theo lệnh” các ngôn sứ đã viết? Các vị có biết trước cuộc đời Đức Giê-su không? Nhằm đánh mạnh vào trí tưởng tượng độc giả, các ký lục Do thái rất sẵn lòng sử dụng cách nối kết giữa văn bản và biến cố. Và Mátthêu cũng là một ký lục được đào tạo hảnh hoi.

Nhưng những câu trích dẫn còn mang ý đồ rất sâu xa. Mátthêu viết cho những kẻ thẩm nhần Kinh Thánh, nhìn nhận Kinh Thánh như Lời Chúa: họ tin chắc Đức Giê-su là Đấng Mê-si-a chỉ khi nào họ thấy cuộc đời và công cuộc của Người phù hợp như lời Kinh Thánh đã viết ra. Bằng các câu “trích dẫn để nên trọn”, tác giả không chỉ muốn xác quyết sự cần thiết phải có mối quan hệ giữa Đức Giê-su và Cựu

¹ xem chi tiết trong tác phẩm: Augustin George, Đức Maria trong Tân ước, bản dịch Định Hướng từng thư 1995.

² Lm. Ph. Hoàng Minh Tuấn CSSR, Đọc Tin mừng Mátthêu Chương I-III, nhà xuất bản Tôn giáo, 2008.

ước mà còn muốn đảo ngược mối quan hệ đó nữa: không phải Kinh Thánh nói Đức Kitô phải là thế này, nhưng chính niềm tin vào Chúa Giêsu Kitô phán bảo phải đọc Kinh Thánh như thế nào. Đức Giêsu “làm trọn” lời các ngôn sứ trong Kinh Thánh, đem lại cho chúng một ý nghĩa trọn vẹn và mới mẻ. Kẻ nào tin vào Đức Giêsu cũng tin rằng trong Cựu ước, Thiên Chúa cũng chỉ nói về Chúa Kitô sẽ đến. Hãy mở Kinh Thánh ra và đọc thấy những lời đầu tiên của Thiên Chúa “Hãy có ánh sáng”, đó chính khuôn mặt Chúa Kitô đã ẩn náu sau câu nói đó.

Nói cách khác, qua các biến cố trong thời Cựu ước, Thiên Chúa đã đưa ra thứ trò chơi ghép hình để con người dùng lòng tin ghép lại: niềm tin Do thái giáo đã lắp ghép trò chơi theo một kiểu riêng, đức tin Kitô giáo lắp ráp trò chơi dựa vào khuôn mặt Đức Giêsu. Mátthêu muốn giúp đỡ độc giả lắp ráp trò chơi Kinh Thánh theo kiểu mẫu Kitô giáo nên mới đưa ra những “trích dẫn để nên trọn”¹.

Chương 1 bao gồm đoạn viết về gia phả Đức Giêsu (1,1-17) và Thiên Thần báo mộng cho ông Giuse (1,18-25). Qua hai đoạn văn trên, Mátthêu nói rõ Đức Giêsu không những con Đavít, Người chính Con Thiên Chúa và lịch sử hoàn thành nơi Người.

Vào chương hai, Mátthêu ghi truyện các nhà chiêm tinh (đạo sĩ) đến kính bái con trẻ Giêsu (1,1-12). Thiên Thần lại báo mộng cho ông Giuse và chỉ bảo ông dẫn gia đình trốn sang Ai cập (1,13-15). Vua Hêrôđê nổi giận ra lệnh giết hết các con trẻ trên toàn vùng Bethlehem (1,16-18). Sau khi bạo chúa qua đời, Thiên Thần lại hiện ra báo mộng cho ông Giuse đem gia đình trở về sinh sống tại Nazareth (2,19-23). Qua bốn đoạn văn nơi chương này, tác giả chủ định trả lời: Đức Giêsu

¹ Claude Tassin, L’Evangile de Matthieu, Commentaire pastorale, Centurion, Paris 1991.

đã sinh ra nhưng sự hiện diện của Người mang ý nghĩa gì? Người đến dẫn theo tác động nào trong lịch sử dân Do thái và các dân tộc?

F21. Gia phả Chúa Giêsu Kitô: Mátthêu 1,1-17

- Vai trò và bản chất của thể văn gia phả.

Mỗi bảng gia phả đều theo mục đích riêng, vì vậy một người có thể có nhiều gia phả khác nhau. Như đoạn giới thiệu một cuốn phim, một bảng gia phả mở đầu Tin mừng hẳn có thể làm cho độc giả ngày nay nhàm chán; nhưng đối với những người Đông phương thời cổ đại bảng gia phả rất quan trọng vì cho biết căn cước cũng như hoàn cảnh lịch sử và xã hội một người.

Đọc lại Cựu ước, dân Do thái sống đời du mục với những chi tộc khác nhau. Mỗi chi tộc có bốn phận nhìn đến thành phần trong chi họ mình. Bảng gia phả giúp cho người dân dẫn chứng họ thuộc chi họ nào. Khi người Do thái trở về từ cuộc lưu đày ở Babylone năm 538, tác giả sách Nôkhêmia, sau khi ghi lại những người đầu tiên trở về thuộc những chi họ nào, tác giả còn thêm: *“và đây là những người trở về từ Tel-Melah Tel-Harsha, Keroub-Abdôn và Immer, nhưng không thể cho biết gia tộc và dòng giống của họ có thuộc Ítraen hay không?”* (7,61). Ngoài ra, bảng gia phả còn chức năng phân chia thừa kế những chức vụ trong vương quốc hay những chức vụ tư tế. Những ai khẳng định chức vụ nào đó của mình họ phải dẫn chứng. Và cách dẫn chứng hiệu nghiệm là trưng bày bảng gia phả thuộc chi họ mà mình ở trong đó. Sách Nôkhêmia ghi: *“Và trong hàng tư tế, có con cháu ông... Những người này đã tìm kiếm bản tên của họ trong cuốn gia phả nhưng không thấy, nên đã bị loại ra khỏi hàng tư tế”* (7,63-64).

Từ đó, bảng gia phả xuất hiện rất nhiều ở Ítraen; thời Đức Giêsu, những bảng gia phả được gom lại và lưu giữ trong những sổ bộ chính

thức, vì thế từ những bản tài liệu căn cước, gia phả trở thành một thể loại văn chương với mục đích giới thiệu hay gọi lại hình ảnh một nhân vật. Cách giới thiệu được làm dưới nhiều hình thức:

- Sửa soạn một nhân vật sinh ra như trường hợp ông Noê trong sách Sáng thế 5,1-32; như trường hợp ông Ápraham (St 11,10-32). Mátthêu đã theo khuôn mẫu này khi soạn Tin mừng, ông cho bắt đầu cuốn sách với bảng gia phả sửa soạn cho Đức Giêsu ra đời.

- Xác định sứ mệnh trao cho một người nào đó như ví dụ trong câu chuyện ông Môsê. Ông cũng có gia phả dù bản này không được nêu ra khi ông sinh ra (Xh 2,1-2), nhưng lại đặt khi Thiên Chúa trao sứ mệnh cho ông đi giải thoát dân Ítraen (Xh 6,14-27). Với cùng một thể thức, tác giả Luca đặt gia phả Đức Giêsu khi Người bắt đầu cuộc đời công khai sau khi chịu phép rửa.

- Bảng gia phả được đặt vào chương cuối một cuốn sách như trường hợp sách bà Rút 4,18-22. Tác giả nối chuyện bà Rút vào chuyện ông Đavít tức là nối vào một trong những trục quan trọng lịch sử cứu rỗi. Cách đặt gia phả này không tìm thấy trong Tân ước, nhưng trong gia phả theo Mátthêu tác giả có nói đến bà Rút nơi câu 1,5.

Đặc biệt trong bảng gia phả Đức Giêsu theo Mátthêu có tất cả năm người đàn bà được nêu lên. Bình thường chờ mong thấy những khuôn mặt phụ nữ lớn của Ítraen như các bà Sara, Rêbêca và Lêa. Thế nhưng ở đây lại thấy đưa ra những người đàn bà khác được đưa vào dòng dõi thiên sai; Tác giả sách bà Rút (4,12 và 17tt) đã nói đến bà Thamar và bà Rút trong gia phả Đavít. Tác giả Mátthêu thêm các bà Rahab, Bethsabée và Đức Maria (1,3.5-6.10). Tạm nói qua hình ảnh bốn người đàn bà nói trên trước khi nói đến Đức Maria.

- **Thamar (tiếng Việt: Tama)**. Thamar được biết đến trong sách Sáng thế 38,1-30. Người con thứ tư của ông Giacóp tên Giuđa lập gia đình với một thiếu nữ người xứ Canaan tên Shoua. Họ có tất cả ba người con mang tên Er, Onân và Shêla. Người con cả Er lập gia đình với một thiếu nữ tên Thamar. Er qua đời và không để lại con nối dòng. Theo luật Lêvi, người em kế vị Onân lấy chị dâu mình về làm vợ; thế nhưng vì Onân không muốn có con với chị dâu và cuối cùng cũng chết. Giuđa bèn cho cô con dâu về lại gia đình trong khi chờ đợi người con thứ ba lớn lên, nhưng trong lòng ông lại nhủ rằng: “không nên để cho thằng này cũng chết như hai anh nó” (St 38,11). Khi vợ ông Giuđa, bà Shoua qua đời, ông liền đi lên miền Timma tìm thợ xén lông chiên. Người ta liền báo tin đó cho Thamar hay. Nàng biết rằng giờ đây Shêla đã lớn khôn nhưng ông bố vợ không muốn cho nàng lấy làm chồng, tức là Giuđa không còn tuân giữ luật Lêvi. Thamar liền giả dạng và ngồi làm gái giang hồ tại ngõ Einaim trên con đường vào Timma. Giuđa không nhận ra Thamar và cho đó là một cô gái điếm và ông muốn ăn ở với nàng. Sau khi hai bên đã thỏa thuận tiền là một con dê mà ông sẽ trả sau này. Thamar bằng lòng nhưng còn đòi thêm cái áo, sợi dây và cây gậy làm tin. Giuđa chấp nhận, ông ăn ở với nàng và sau đó Thamar mang thai.

Sau này, Giuđa gửi con dê đến để lấy lại những vật làm tin; thế nhưng người ta không còn tìm thấy “cô gái giang hồ” đó nữa. Ngược lại, người ta báo tin cho Giuđa hay cô con dâu của ông đã mang thai. Giuđa liền nói: “*lôi nó ra mà thiêu sống*” (St 38,24). Khi bị lôi ra, Thamar liền đưa ra những vật làm tin cho biết chính chủ những vật đó đã làm cho nàng có thai. Trước những vật đó, Giuđa nhìn nhận và nói: “*Nó tin nghĩa hơn tôi! Đúng vậy, vì lẽ ra tôi phải cho nó lấy Shêla con trai tôi!*” (St 38,26). Sau này, Thamar sinh đôi và đặt tên con Pharès

và Zara. Pharès lập gia đình và có con tên Etrôm nối dõi giòng giống Giuđa... Từ đó thoát ra dòng tộc Đavít.

- **Rahab (tiếng Việt: Ra Kháp).** Dân Do thái đã lưu lạc trong sa mạc gần 40 năm trời, và họ không biết có đến được đất mà Giavê hứa ban. Vấn đề thật không dễ vì theo các mật thám do ông Môsê gửi đi đưa tin về cho biết miền đất họ mong đến được bảo vệ rất kỹ càng (Ds 13,28), là nơi cư ngụ của những người cao lớn: *“chúng tôi thấy mình chỉ như châu chấu so với họ”* (Ds 13,33). Ông Giôsuê muốn bảo đảm sự an toàn khi vượt qua sông Giođan để chiếm thành Giêrikhô, nên gửi hai người mật thám đến đó trước (Gs 2,1). Họ vào nhà một người đàn bà sống nghề đi khách tên là Rahab. Tin hai viên mật thám vào đất Giêrikhô đến tai nhà vua, ông liền cho người đến tìm bắt họ tại nhà cô gái giang hồ. Rahab liền giấu họ trên sân thượng ở đót những cây gai, và cho người nhà vua hay những khách đó đã trốn ra khỏi thành trước khi cửa thành đóng, và Rahab còn nói: *“các ông mau đuổi theo họ, thế nào các ông cũng sẽ bắt kịp”* (Gs 2,5). Sau khi họ ra đi, Rahab lên sân thượng và nói với hai viên mật thám lòng tin của cô vào Thiên Chúa Ítraen. Cô kể họ nghe những kỳ công Thiên Chúa làm cho dân Người: *“chúng tôi nghe đồn mà tâm thần tan rã, không ai còn nhuệ khí nào nữa trước mặt các ông, vì Giavê Thiên Chúa của các ông, là Thiên Chúa cả trời cao lẫn đất thấp”* (Gs 2,11). Cô cũng xin họ giúp đỡ gia đình cô một mai kia khi quân Ítraen tiến vào Giêrikhô và bắt họ thề hứa. Họ chấp nhận, và sau này khi tiến vào chiếm Giêrikhô, Giôsuê đã để Rahab và gia đình sống an bình giữa dân Do thái. Trong giai đoạn quan trọng lịch sử dân Do thái, Rahab đã trở thành dụng cụ của Thiên Chúa và giữ một vai trò quan yếu. Nhờ nàng mà người Do thái đã chiếm được đất hứa.

Theo gia phả Đức Giêsu trong Tin mừng Mátthêu, Rahab đã chung sống với Salmon và sinh ra Booz, việc này không chỗ nào trong Kinh Thánh ghi lại. Khi cho Booz làm con bà Rahab lại càng khó chính xác, vì Booz chỉ có mặt trong lịch sử dân Do thái hai thế kỷ sau khi Giôsuê vào chiếm đất hứa. Theo truyền thống văn chương Rabbi, chính ông Giôsuê đã cưới Rahab làm vợ, vì thế bà trở thành tổ phụ các thầy cả và các ngôn sứ như Giêrêmia và Êdêkien... Theo một văn bản Midrash, Rahab đã trở về với lòng tin Ítraen khoảng 50 tuổi.

- **Ruth (tiếng Việt: Rút).** Vào thời các quan án (1200-1025), một nạn đói hoành hành toàn xứ và có một người xứ Giuđa thuộc Bethlehem tên Elimelek đã cùng vợ Noemi và hai người con trai tên Mahlôn và Kilyôn lên ở miền Moab (*R* 1,1). Khi Elimelek qua đời, hai người con lập gia đình với các thiếu nữ xứ Moab tên Orpa và Rút. Khoảng mười năm sau, hai người con trai Noemi qua đời. Bà quyết định trở về xứ Giuđa nên gọi hai cô con dâu lại và nói cho biết họ có thể tìm chồng khác (*R* 1,8.9). Ruth quyết định ở lại với mẹ chồng.

Về lại Bethlehem, cô ra đồng mót lúa và gặp Booz thuộc họ tộc bên ông Elimelek. Sau khi mua lại thửa đất Noemi, Booz có quyền lấy luôn Ruth làm vợ (*4,13*) và sinh một con trai đặt tên Obed. Obed trở thành ông của Đavít sau này. Bởi từ một người ngoại lai Môabít dòng dõi Giuđa được tiếp nối.

- **Bethsabée (tiếng Việt: Bát Se-va).** Vợ ông Urie, người Hittite, một tướng lãnh vua Đavít. Nhà vua trên sân thượng thấy bà tắm khóa thân, lấy bà về ăn ở. Sau này mang thai, bà cho người đi báo cho nhà vua biết. Đavít hoảng sợ liền cho ông Urie đang đánh trận ngoài biên thùy về lại nhà, ông nghĩ binh sĩ đang đánh giặc không lòng nào trở về với vợ. Đavít liền hạ lệnh đưa ông ra chỗ nguy hiểm nhất trong trận chiến và ông đền mạng (*2Sm* 11). Việc Đavít làm bị ngôn sứ Nathan

lên án mạnh mẽ cùng lúc loan báo đứa con trong bụng mẹ sẽ phải chết. Sau này, Bethsabée lại có người con thứ hai với Đavít đặt tên Salomon (= người yêu mến của Giavê) (2Sm 12). Khi Đavít về già và phải nhường ngôi cho trưởng nam Adonias, nhưng Bethsabée được ngôn sứ Nathan hỗ trợ đòi Đavít phải nhường ngôi cho Salomon vì một kế ước không được biết tới, trong đó Đavít hứa nhường ngôi cho Salomon. Thủ đoạn thành công và Adonias bị loại nhường Salomon lên ngôi (IV 1). Bà Bethsabée bằng lòng cho Adonias lấy bà vợ cuối cùng của Đavít là Avishag, nhưng Salomon xử khác đi và cuối cùng Adonias bị giết (IV 2,13-25).

Truyền thống rabbi Do thái ngưỡng mộ Bethsabée đã thành công đi vào dòng tộc Đấng Mêsia và tác giả Máttêu lấy lại ý tưởng nên ghi tên bà Bethsabée vào bảng gia phả và còn viết “vợ ông Urie”.

Tại sao Máttêu lại để tên những bà này vào vì trên nguyên tắc bảng gia phả xưa thường chỉ đến phái nam. Việc này mang ít nhất ba ý nghĩa:

a) Tất cả bốn bà kể trên đều thuộc dân ngoại. Trường hợp bà Bethsabée có thể không phải như thế, nhưng chính vì vậy mà Máttêu không nêu danh bà nhưng chỉ ghi “vợ ông Urie”, và ông thuộc người ngoại Hittite. Cho dù Kinh Thánh trình bày những bà này như những người tội lỗi, ngược lại dòng văn chương sau này của người Do thái không còn coi Thamar hay Rahab thuộc dân ngoại nữa, nhưng coi họ như những tân tông trở về Do thái giáo. Máttêu qua đó cho thấy Đức Giêsu có nguồn gốc “không phải người Do thái” sửa soạn mở đường cho việc rao giảng Tin mừng đến thế giới dân ngoại.

b) Tất cả bốn bà trên đều có đặc điểm riêng: Thamar, người đàn bà loạn luân; Rahab, cô gái giang hồ; Ruth, kẻ ngoại bang; và Bethsabée, người đàn bà ngoại tình. Cái đặc điểm đó làm cho họ bị coi như những

người bị lề luật Do thái loại trừ. Mátthêu nêu danh họ vào bảng gia phả Đức Giêsu ngụ ý Người là Đấng cứu độ cho mọi người tội lỗi.

c) Bốn bà đều có liên hệ với Đức Maria ở câu 16. Mỗi liên hệ giữa họ và ngài không phải nơi tội lỗi. Họ đều là những bà mẹ và qua họ dòng tộc được tiếp tục và bảo đảm lịch sử tiếp nối với chương trình của Thiên Chúa. Thiên Chúa đã ra tay can thiệp vào những tình huống bất thường hầu bảo đảm cho dòng dõi Đấng Mêsia. Đức Maria cũng như họ, dù không thuộc dòng dõi Đavít nhưng ngài được chọn lựa hầu cứu mang con vua Đavít theo một cách thức lạ lùng.

- **Đức Maria:** Bất cứ lần nào tác giả trình bày Đức Maria, Mátthêu cũng tinh tế chỉ cho thấy sự trình thai: tác giả không thấy một vai trò nào khác đối với Maria. Nên, khi viết gia phả Đức Giêsu, Mátthêu kết luận (1,16): “*Giacóp sinh ra Giuse, người chồng của Maria, và Chúa Giêsu sinh ra từ bà này*”. Giuse là người sau cùng trong tổng số 42 người đi từ tổ phụ Ápraham đến Chúa Kitô. Tác giả không nói Giuse sinh ra Giêsu như các tổ phụ khác, nhưng nói Giuse, chồng bà Maria, bà là mẹ Đức Giêsu cũng gọi Chúa Kitô. Đức Maria được trình bày với một tình huống đặc biệt trong dòng dõi các tổ phụ để Chúa Kitô được gọi con vua Đavít và con cháu tổ phụ Ápraham. Có một vài vấn đề kiểm thảo bản văn không mấy quan trọng, nhưng điểm này không thể chối cãi được: trong bản văn Mátthêu, tất cả các người đàn ông đều sinh ra con mình cho đến Giuse, người chồng của Maria, từ nơi bà Chúa Giêsu sinh ra. Người ta không viết gia phả Đức Maria vì trong xã hội đồng phương không có gia phả phụ nữ: chỉ có pháp quyền từ người cha. Nếu Đức Giêsu được gọi con Đavít, là do nơi Giuse, dầu vậy người ta đã không nói Giuse đã sinh ra Đức Giêsu. Đó là dấu vết về sự trình thai.

F22. Thiên sứ truyền tin cho ông Giuse: Mátthêu 1,18-25

Mátthêu cho biết ông Giuse không liên quan gì tới việc Đức Giêsu. Bà Maria thụ thai do quyền năng Thánh Thần. Tiếp theo, tác giả viết khá dài phản ứng của Giuse về sứ điệp Thiên sứ khuyến khích ông lấy Đức Maria làm vợ. Thiên sứ cho Giuse vai trò tích cực qua việc đặt tên cho con trẻ. Ông Giuse biết rõ điều đó, vì là người công chính nên không muốn lấy tên mình đặt cho con trẻ được sinh ra do phép lạ vì ông nghĩ tên gọi mình chỉ là một danh xưng của loài người. Thiên Chúa đến yêu cầu ông trao ban cho con trẻ một tên gọi và do đó nên một con người xã hội. Maria đã ban cho con trẻ “một con người”, nhưng chính ông sẽ đặt tên cho con trẻ và như thế hội nhập con trẻ vào trong dòng dõi ông. Thiên Thần loan báo cho ông Giuse biết con trẻ sẽ được gọi “Emmanuel”, nhưng Giuse lại đặt tên Giêsu (hay Thiên Chúa cứu độ). Chỉ sau khi đã trải qua cái chết và sống lại, Thiên Chúa cứu độ mới thực sự và chung cục là Chúa ở cùng chúng ta (Mt 28,20).

Vai trò ông Giuse hoàn tất trong niềm trung tín với Kinh Thánh, trong sự liên tục với những gì gia phả đã loan báo. Chính Thánh Thần Thiên Chúa, Đấng chủ sự công trình sáng tạo (từ “khởi nguyên” được nhắc lại hai lần 1,1-18), bây giờ lại dẫn khởi niềm tin ông Giuse và làm tròn tác động nơi Đức Maria. Mátthêu khẳng định Đức Maria thụ thai bởi Thánh Thần.

F23. Các nhà chiêm tinh: Mátthêu 2,1-12

Mátthêu không kể lại Đức Giêsu sinh ra cách nào, nhưng tác giả nói đến các nhà chiêm tinh đến bái lạy Hài nhi (2,1-12). Khi kể lại chuyện tác giả nói (2, 11): “*Khi đi vào trong chỗ trọ, họ đã thấy con trẻ với Maria, mẹ Ngài*”. Tác giả không nhắc đến tên Giêsu nhưng lại ghi rõ tên Đức Maria (2,11) gợi ý ngài thực sự được kết hiệp vào mầu nhiệm Đức Giêsu. Ở đây, việc trình bày đứa trẻ được lồng vào

bên trong một đức tin về trinh thai, nhất là đối với một tác giả rất Do thái như Máthêu; ông đã tìm cách kể sự trinh thai trong một cuộc đối thoại giữa Thiên Thần và Giuse, mà không nhắc đến tên Maria, cũng không nói Maria đã nghĩ gì. Một điều khó hiểu nhưng mang nét đặc trưng vùng Palestine: chỉ có nam nhi mới đáng kể. Như thế khi tác giả viết các nhà thông thái đông phương đã tìm thấy đứa trẻ và Maria, mẹ ngài, thì thực sự Maria có một chỗ quan trọng khác thường.

F.24. Trón sang Ai cập: Máthêu 2,13-15

Máthêu chỉ viết hai câu ngắn nói về việc lánh nạn bên Ai cập (2,13-15). Bộ cục đi song song với đoạn văn kể lại việc ông Giuse đưa gia đình về sinh sống tại Nazareth (2,19-23):

- Thiên Thần báo mộng cho ông Giuse và trao sứ vụ. Những từ trong hai đoạn đều giống nhau.

- Ông Giuse thi hành mệnh lệnh Thiên Thần.

- Câu trích dẫn từ Cựu ước để kết thúc.

Nếu thêm đoạn văn Thiên Thần báo mộng lần đầu tiên cho ông Giuse (1,18-25) song song với hai đoạn vừa nói sẽ có một đoạn văn ba hồi được cấu tạo giống nhau:

1. Máthêu 1,18-25: “*này Thiên Chúa hiện ra cho ông trong mộng... và người ta sẽ gọi tên Ngài là Emmanuel*”.

2. Máthêu 2,13-15: “*này Thiên Chúa hiện ra trong mộng cho Giuse... Từ Ai cập Ta đã gọi con Ta*”.

3. Máthêu 2,19-23: “*này Thiên Chúa hiện ra trong mộng cho Giuse... Ngài sẽ được gọi là Nazarêô*”.

Ngoài việc được biên soạn giống nhau, động từ “gọi” hợp nhất lại ba đoạn với ý nghĩa: Đức Giêsu là Đấng ngôn sứ ứng nghiệm lời Kinh Thánh. Người là Đấng cứu chuộc nhân loại (1,23-25), con Đavít và Con Thiên Chúa (2,25). Người biểu hiện cho một Giacóp/Ítraen mới và một Môsê mới. Tất cả đều xảy ra trong cuộc di tản từ Bethlehem sang Ai cập rồi trở về Nazareth.

Đoạn văn Mátthêu 2,13-15 nhắc nhớ lại những đoạn trong sách Sáng thế kể những chuyến đi liên miên các tổ phụ dân Do thái như Ápraham (St 12), và tổ phụ Giacóp (St 46,2-5): *Thiên Chúa phán với ông Ítraen trong thị kiến ban đêm, Người phán: “Giacóp! Giacóp!” Ông thưa: “Dạ, con đây!” Người phán: “Ta là En, Thiên Chúa của cha ngươi. Đừng sợ xuống Ai cập, vì ở đó Ta sẽ làm cho ngươi thành một dân lớn. Chính Ta sẽ xuống Ai cập với ngươi và chính Ta cũng sẽ đưa ngươi lên. Giuse sẽ vượt mắt cho ngươi.” Ông Giacóp rời Bơ Seva. Các con trai ông Ítraen đã chở ông Giacóp, cha họ, và đàn bà con trẻ của họ trên những chiếc xe Pharaô đã gửi đến để rước ông đi*. Vì thế câu trích dẫn “*từ Ai cập Ta đã gọi Con ta về*” là chóp đỉnh để giải thích đoạn Mátthêu 2,13-15. Mátthêu đã trích từ sách ngôn sứ Hôsê 11,1: “*Khi Ítraen còn là đứa trẻ, Ta đã yêu nó, từ Ai cập Ta đã gọi con Ta về*”. Sấm ngôn được viết vào thời vương quyền Ítraen dưới triều vua Salmanazar (-722). Câu sấm ám chỉ việc Thiên Chúa đem dân Do thái ra khỏi Ai cập. Đối với ngôn sứ Hôsê, lịch sử dân Do thái thực sự bắt đầu với biến cố Xuất hành. Khi trích lời sấm Hôsê, Mátthêu áp dụng cho Đức Giêsu (Con Ta = Giêsu). Tác giả đồng hóa Đức Giêsu với Ítraen, vì vậy Người chính thật Con Thiên Chúa. Với con trẻ Giêsu, thời đại thiên sai bắt đầu. Lời tiên tri đã ứng nghiệm.

Ai cập cũng là nơi tạm dung an toàn nhất, vì Bethlehem nằm phía Nam thành Giêrusalem. Nếu ông Giuse đi về phía Tây, ông sẽ ra biển

Địa Trung hải. Nhắm hướng Đông sẽ tới Biển Chết. Tiến về phía Bắc, Giuse sẽ trở về Giêrusalem. Hướng Nam duy nhất đưa mọi người tránh xa Hêrôđê. Hơn nữa, Ai cập luôn luôn như nơi lánh nạn của mọi người Do thái từ xưa đến nay. Sách các Vua quyển 1 kể khi Salomon tìm cách giết Giorôbôam, ông đã chạy sang trốn bên Ai cập (11,40). Sau này Uriyahu bị vua Yôyaquim tìm cách giết cũng chạy sang Ai cập (*Gr* 26,21). Nhưng đối với ý thức tôn giáo Do thái, Ai cập là đất của nô lệ. Chính tại nơi đó, Thiên Chúa đã giải thoát dân Người.

Trong hai câu viết về việc lánh nạn bên Ai cập, Mátthêu đã đề cập đến Hêrôđê ba lần (2,13.15.16). Sự kiện bạo chúa ra lệnh giết các trẻ nhỏ tại Bethlehem và vùng phụ cận gợi lại một biến cố khác trong Cựu ước. Vua Ai cập Pharaô cũng ra lệnh tàn sát tất cả trẻ nam người Do thái mới sinh (*Xh* 1,15-22); nhưng trong số trẻ nhỏ ấy cũng đã có một người thoát nạn, đó là ông Môsê (*Xh* 2,1-10). Sau này ông chạy sang lánh nạn ở Madian bên Ả Rập (*Xh* 2,11-15). Cuối cùng ông mới nhận được chỉ thị và sứ vụ giải thoát dân tộc mình. Đức Giêsu biểu hiện rõ ràng như một Môsê mới. Người cũng thoát khỏi tàn sát của bạo chúa, lánh nạn sang Ai cập, và rời từ cuộc sống lưu đày Người được gọi về nhận sứ mệnh giải thoát dân Chúa.

Trong đoạn văn Mátthêu 2,13-15, ông Giuse vâng lời thi hành ý định Thiên Chúa chứ không hốt hoảng hay sợ hãi. Ý định Thiên Chúa được Mátthêu nêu lên rõ qua việc trích dẫn sấm ngôn Hôsê 11,1 như lời người Cha gọi con về. Lời ca ngợi tình yêu Thiên Chúa vì Người giải thoát dân Người khỏi nô lệ. Vì vậy, con trẻ Giêsu mang hình ảnh Ítraen mới. Người con được Thiên Chúa Cha bao bọc.

Và Đức Maria? Trong đoạn văn Mátthêu cũng không ghi tên Maria nhưng chỉ nói “mẹ ngài”. Giuse giữ vai trò chủ động từ việc mang gia đình qua Ai cập (2,13), rồi đưa trở về định cư tại Nazareth

thuộc miền Galilê. Khi nghiên cứu bản văn, người ta thấy tác giả cảm ứng theo thời thơ ấu ông Môsê trong sách Xuất hành 4,19-20. Mátthêu đọc lịch sử Môsê, nhưng nếu trong lịch sử Môsê thường thấy: “hãy đem vợ người và các con người”, thì trong Mátthêu luôn được viết: “hãy đưa đứa trẻ và mẹ ngài”. Mátthêu không trình bày Maria như vợ ông Giuse nhưng mẹ đứa trẻ. Ngữ vựng mang dấu vết trình thai và vai trò đặc biệt của Đức Maria.

Qua hai chương đầu Tin mừng, Mátthêu xác định vai trò Đức Maria làm mẹ và đồng trình. Đức Giêsu làm con Đức Maria nhưng đến từ Thiên Chúa. Người là Thiên Chúa ở cùng chúng ta.

F.3. Theo truyền thống Tin mừng Luca 1-2

Thánh sử Luca bắt đầu cuốn Tin mừng bằng một câu văn mào đầu. Ông bắt chước các tác giả cùng thời đề tặng tác phẩm cho một nhân vật. Trong cuốn sách do ông biên soạn, nhân vật mang tên “Thêôphilô”. Lời đề tặng trong cuốn Tin mừng thứ ba là một câu văn dài mang một cấu trúc phức tạp thường được gọi “một câu nhiều đoạn”. Sau câu nhiều đoạn ấn định mục đích, Luca bắt đầu với giai đoạn thời thơ ấu Đức Giêsu (Lc 1,5-2,52). Hai đoạn riêng biệt theo Luca mang rất nhiều điều khác biệt với trình thuật thơ ấu theo Tin mừng Mátthêu. Luca khai triển những chủ đề chính ngay trong hai chương đầu cuốn Tin mừng.

Các nhà chú giải chỉ định hai chương đầu như lời mở đầu có tính chất Kitô học. Hơn nữa còn như lời tuyên xưng Đức tin với lý do, sức mạnh lấy ra từ biến cố Phục sinh và trù định khởi đầu cuộc đời Đức Giêsu một ánh sáng hoàn toàn về mầu nhiệm Ngài. Trình thuật đời thơ ấu rất quan trọng vì chứa vật liệu phong phú để suy tư. Hai chương

đầu khẳng định Đức Giêsu là Con Thiên Chúa và chỉ định nguồn gốc con người của Ngài.

Tin mừng thời thơ ấu theo Luca bao gồm tất cả bảy việc xảy ra có thể đặt song song.

A. Những cảnh truyền tin (1,5-56)

- | | |
|--|--|
| 1. Truyền tin cho ông Dacaria (1,5-25) | 2. Truyền tin cho Maria (1,26-38) |
| | 3. Đoạn chen:
Maria thăm viếng (1,39-45)
<i>Bài ca Magnificat</i> (1,46-56)
Kết thúc: Maria trở về (1,56) |

B. Những sự ra đời (1,57-2,52)

- | | |
|----------------------------------|--|
| 4. Ông Gioan ra đời (1,57-58) | 5. Đức Giêsu ra đời (2,1-20)
<i>Bài ca của các Thiên thần</i> (2,13-14) |
| Gioan chịu phép cắt bì (1,59-66) | Đức Giêsu chịu phép cắt bì (2,21) |
| | 6. Dâng Đức Giêsu trong Đền thánh (2,22-28) |
| Bài ca Benedictus (1,67-79) | Bài ca Nunc dimittis (2,29-35)
Đoạn chen: trở về Galilê (2,39) |
| Điệp khúc tăng trưởng (1,80) | Điệp khúc tăng trưởng (2,40) |
| | 7. Đoạn chen:
Đức Giêsu 12 tuổi (2,41-51)
Điệp khúc tăng trưởng (2,52) |

Như thấy trên, Tin mừng thời thơ ấu theo Luca được biên soạn bằng kỹ thuật đối chiếu song hành rất khoa học theo lối suy tư người Đông phương. Một phương cách không chỉ vạch rõ khái niệm nhưng trình bày thực tại trong điều thuật lại biểu lộ phong phú ẩn giấu. Các nhà chú giải đều nhấn mạnh đến hình thức văn chương song đối giữa nguồn gốc Đức Giêsu và Gioan Tẩy Giả cho dù chi tiết có thể thay đổi đôi chút. Cách thức đối chiếu song hành giữa Đức Giêsu và Gioan làm nổi bật tính đồng nhất Thiên Chúa hành động, đồng thời đưa ra ưu thế cao cả của Đức Giêsu đối với nhân vật Gioan. Dù hai nhân vật đều được gọi là lớn: Gioan lớn đối với những gì ông sẽ làm; riêng Đức Giêsu lớn vì Người hiện hữu. Cách thức đối chiếu trong Luca 1–2 không mang tương quan đối chọi nhưng tương quan giữa thời gian hứa và thời gian hoàn thành.

F31: Đức Maria: Trình Nữ & Mẹ: Luca 1,26-38

Trình thuật truyền tin theo Luca 1–2 trước hết là một văn bản mang rõ nét về Kitô học nhưng Đức Maria có một vai trò thật quan trọng. Qua biến cố truyền tin Đức Maria đã nhận ánh sáng thật cần thiết cho sứ mệnh của ngài. Một mẫu nhiệm vượt trên hết mọi ngôn ngữ, và sâu xa hơn nữa còn vượt trên mọi hiểu biết loài người. Dù bị đóng khung trong khung cảnh xã hội thời đó, Đức Maria đã nhận lời Thiên Chúa đề nghị mà những hậu quả vượt ngay tất cả những gì ngài có thể tưởng tượng được. Đức Maria nhận việc Thiên Chúa can thiệp giải phóng đầy ý thức và tự do. Ngài là mẫu gương mọi kẻ tin.

Trong tất cả các văn bản Kinh Thánh liên quan đến Đức Maria, trình thuật truyền tin được coi như bản văn quan trọng nhất. Từ ngàn xưa các danh họa cũng như văn thi sĩ tìm được nguồn cảm hứng bất tận nơi chương Tin mừng này, như hai thí dụ dưới đây:

Danh họa người ý Fra Angelico (1387-1455) đã để lại cho đời một bức tranh truyền tin nổi tiếng và hiện đang được trưng bày tại bảo tàng viện Saint Marc ở tỉnh Florence bên nước Ý. Riêng người Việt Nam trong giới Công Giáo không ai có thể quên được những vần thơ bất hủ của thi sĩ Hàn Mặc Tử cảm hứng từ cảnh truyền tin trong bài thơ “Thánh Nữ đồng trinh Maria”:

*“Hỡi sứ thần Thiên Chúa Gabriel
Khi người xuống truyền tin cho Thánh nữ
Người có nghe xôn xao muôn tinh tú?
Người có nghe náo động cả muôn trời?...”*

Sở dĩ văn bản truyền tin được nhiều người ưa thích vì tự nó đã là một áng văn đẹp và hay, ở đây tác giả Tin mừng thứ ba đã tỏ ra tài nghệ viết văn điêu luyện. Khi đi vào chi tiết, cảnh truyền tin còn mạc khải mầu nhiệm Đức Giêsu qua việc Đức Maria nhận lời ưng thuận. Biến cố truyền tin khởi đầu hoàn tất mầu nhiệm chan chứa ân sủng lấp đầy nỗi đợi chờ của muôn thế hệ và khai mào một thời đại mới. Các nhà chú giải coi trình thuật truyền tin như văn bản quan trọng nhất về mầu nhiệm nhập thể cũng như biến cố trung tâm điểm lịch sử ơn cứu rỗi.

Cho dù cảnh truyền tin đặt trọng tâm vào Đức Giêsu, Con Thiên Chúa nhưng cùng lúc Luca đã trung dẫn điều Maria đón nhận làm cho việc Thiên Chúa can thiệp vào lịch sử nhân loại có thể thành tựu. Cho nên Luca 1,26-38 còn là văn bản căn bản của khoa “Thánh mẫu học” vì hầu hết mọi phương diện về mầu nhiệm Đức Maria cũng đều được soi sáng qua bản văn. Khi đọc lại cảnh truyền tin cũng sẽ khám phá ra vai trò của Đức Maria.

1. Hai vấn đề văn chương: Cấu trúc và thể văn

1a. Cấu trúc bản văn

Cốt lõi trung tâm điểm bản văn Luca 1,26-38 nằm từ câu 28 đến câu 38: đoạn Thiên sứ Gabriel vào chào Maria cho đến lúc Thiên sứ từ giã ra về. Sự đơn nhất tổng hợp thể văn chương nổi kết sáng kiến Thiên Chúa và câu Đức Maria trả lời đầy nhân tính. Trình thuật mang tính đơn nhất muốn nhấn mạnh tinh thần trung thực mọi cuộc đối thoại trong đức tin. Với ý nghĩa trên rút ra cho cốt lõi một cấu trúc như sau:

1. (câu 28): Mở màn cuộc thăm viếng
2. (câu 29): Đức Maria phản ứng
3. (câu 30-33): Sự khích lệ và mạc khải chương trình Thiên Chúa
4. (câu 34): Đức Maria phản ứng
5. (câu 35-38a): Giải thích chương trình Thiên Chúa và Maria chấp thuận
6. (câu 38b): chấm dứt cuộc viếng thăm.

1b. Nhận xét về thể văn

Sau khi rút ra cấu trúc cho đoạn văn Luca 1,26-38, kế tiếp sẽ định nghĩa thể văn. Đoạn văn thuộc thể văn báo tin việc sinh hạ liên quan đến Đức Giêsu hay thể văn về ơn kêu gọi liên quan đến Đức Maria?

1b1. Thể văn báo tin việc sinh hạ

Cựu ước thường có những trình thuật nói về Thiên sứ đến báo tin cho một người đàn bà lớn tuổi hay son sẻ hiếm hoi sẽ trở thành người mẹ qua việc Thiên Chúa can thiệp. Sách Sáng thế nơi chương 18,9-15 có câu chuyện bà Sara vợ ông Ápraham. Hai ông bà đã già nhưng Thiên Chúa vẫn nhớ lời hứa với Ápraham và vợ ông đã được báo tin sẽ sinh ra Isaac. Trong sách Thủ lãnh nơi chương 13,2-7, Thiên sứ báo tin cho bà Manoa son sẻ hiếm muộn sẽ hạ sinh ra Samson. Trong Tân ước trình thuật truyền tin cho ông Dacaria (Lc 1,5-25) Thiên sứ

Gabriel báo cho ông biết bà Elisabeth sẽ sinh ra một người con và đặt tên Gioan.

Cấu trúc chung chung loại thể văn báo tin việc sinh hạ gồm năm phần:

1. Thiên sứ hiện ra
2. Phản ứng người được thị kiến: nghi ngờ, sợ hãi...
3. Thiên sứ loan báo
4. Người thị kiến chất vấn: bác bỏ...
5. Thiên sứ thuyết phục, khẳng định điều loan báo và cho một dấu hiệu.

Bản văn truyền tin cho Đức Maria mang nhiều yếu tố rất gần với cấu trúc thể văn báo tin việc sinh hạ nhưng cũng có ít nhất hai điểm dị đồng quan trọng: Thiên sứ Gabriel chào Maria không bằng tên gọi của Ngài nhưng lại kêu bằng danh hiệu “Đầy ơn phúc”; và ở phần cuối khi nhận lời thiên sứ Đức Maria cũng tự mình nhận là “tôi tá Chúa”.

1b2. Thể văn ơn kêu gọi

Luca đã hoàn thành đoạn văn truyền tin theo những mẫu văn chương Cựu ước. Tác giả Tin mừng thứ ba lấy lại cấu trúc, chủ đề và thể thức; hơn nữa trong cảnh truyền tin cũng có những chủ đề về ơn gọi với những cụm từ như “Chúa ở cùng người” và tên mới thiên sứ đặt cho Maria “Đầy ơn phúc”.

Trong sách Thủ lãnh nơi chương 6, 11-24 có nói về ơn gọi Gêđêôn con ông Giôát thuộc bộ lạc Abiezer ở Manassê và cư ngụ tại Ophra. Ông đang đập lúa trong bồn đập nho, Thiên Chúa gọi ông đi giải thoát Ítraen khỏi sự đàn áp người Mađian. Trước khi ông nhận lời, Gêđêôn tỏ ra hoài nghi khả năng và gốc gác nhỏ nhoi của mình. Ông xin Thiên Chúa một dấu chỉ để thật sự tin rằng chính Thiên Chúa đã gọi ông.

Thiên Chúa đã cho ông ba dấu chỉ: Thịt và bánh không men tự nhiên bốc cháy; lông chiên có sương mà đất vẫn khô và lông chiên khô còn sương vẫn thấm trên mặt đất. Sau khi nhận được những dấu chỉ trên ông mới thực sự nhận ra ơn gọi lên đường giải thoát Ítraen. Các nhà chú giải đều nhìn nhận đoạn văn Thủ Lãnh 6,11-24 tiêu biểu cho loại thể văn ơn gọi và có nhiều điểm giống với cảnh truyền tin cho Đức Maria. So sánh hai đoạn văn kể trên như sau:

1. Thiên sứ hiện ra chào người được thị kiến.

(Tl 6,12) “Giavê ở với ông, hồi chiến sĩ anh dũng”

(Lc 1,28bc) “Chúa ở cùng người”

2. Nghi ngờ & xao xuyến.

(Tl 6,13) “nếu Giavê ở với chúng tôi, thì tại sao lại xảy đến cho chúng tôi tất cả cơ sự này?”.

(Lc 1,29) “Nhưng lời đó đã làm bà xao xuyến lắm, và bà suy tính lời chào đó có nghĩa gì”.

3. Sứ điệp đầu tiên.

(Tl 6,14) “Với sức lực người có đó, hãy đi mà cứu Ítraen khỏi bàn tay Mađian. Há không phải Ta sai người đó sao?”.

(Lc 1,30-33) “người đã đặc sủng nơi Thiên Chúa. Và này nơi lòng dạ, người sẽ thụ thai, và sinh con, và người sẽ gọi tên tên Ngài là Giêsu. Ngài sẽ làm lớn, và được gọi là Con Đấng Tối Cao...”.

4. Khó khăn.

(Tl 6,15) “tôi sẽ lấy gì mà cứu Ítraen? Nay họ hàng tôi yếu thế nhất trong Manassê, và tôi là út trong nhà cha tôi”.

(Lc 1,34) “Điều ấy sẽ làm sao được? Vì việc phu thê tôi không nghĩ đến!”.

5. *Sứ điệp thứ hai.*

(Tl 6,16) “Ấy là vì Ta sẽ ở với người, và người sẽ đánh quân Mađian như thể chỉ có một người!”.

(Lc 1,35) “Thánh thần sẽ đến trên người, và quyền năng Đấng Tối Cao rợp bóng trên người; bởi thế mà trẻ sắp sinh sẽ được gọi là thánh, là Con Thiên Chúa”.

6. *Dấu chỉ.*

(Tl 6,17tt) “Nếu thực tôi được nghĩa với Người, xin Người làm một dấu cho tôi biết là chính Người đã phán với tôi....” (dấu chỉ được thực hiện).

(Lc 1,36) “Kìa Elisabeth trong hàng thân thích của người cũng đã mang thai lúc tuổi già, cái thai nay đã là sáu tháng nơi một kẻ đã từng mang tiếng là son sẻ hiếm hoi !”.

7. *Chấp nhận.*

(Tl 6,24) Gêđêôn đã xây ở đó một tế đàn và ông gọi là Giavê Bằng yên.

(Lc 1,38) “Này tôi là tôi tá Chúa, xin hãy thành sự cho tôi theo lời Ngài!”.

Độ tương hợp giữa hai đoạn văn thật khít khao như thể có một liên hệ trong cùng một thể loại văn chương và từ đó kết luận rằng Luca 1,26-38 mang thể văn on kêu gọi. Cảnh truyền tin cho Đức Maria là một sứ điệp. Nếu đi vào nội dung mới thấy có những điểm dị

biệt quan trọng. Nơi yếu tố dấu chỉ hai trình thuật đã khác nhau quá xa: một bên Gêđêôn đòi dấu chỉ và những dấu được trao ban như thể ma thuật, ngược lại dấu chỉ cho Đức Maria thật súc tích. Điểm khác biệt thứ hai ở sự chấp thuận của hai nhân vật được thị kiến. Câu Đức Maria trả lời thật ngắn gọn và rõ ràng còn Gêđêôn im lặng và làm một dấu hiệu khắc ghi.

Ngoài hai thể văn chính nêu trên, gần đây một số nhà chú giải lại đưa ra thêm những giải pháp mới. Khi nghiên cứu đoạn Tin mừng Mátthêu 28,16-20 kể cuộc Đức Giêsu hiện ra tại Galilê và sai các môn đệ đi đến với muôn dân, nhà chú giải Benjamin J.Hubbard tìm ra một thể văn mới và ông đặt tên “*Commission Form*” tức là thể văn “sai đi truyền giáo”. Dựa trên khám phá của Hubbard, nhà chú giải Terence Y. Mullins cũng tìm thấy trong Tân ước thể văn này được dùng tới 37 lần chia ra như sau: Mátthêu 6 lần, Máccô 2 lần, Gioan 2 lần (1 trong Tin mừng và 1 trong Khải huyền), còn lại Luca 10 lần trong Tin mừng và 17 lần trong Công vụ Tông đồ. Tóm lại tác giả Tin mừng thứ ba dùng thể văn này nhiều nhất với 7 yếu tố căn bản áp dụng vào cảnh truyền tin như sau:

1. (câu 26-27): Nhập đề
2. (câu 28): Chạm trán
3. (câu 29): Phản ứng
4. (câu 30-33): Sứ mệnh
5. (câu 34): Phản kháng
6. (câu 35-37): Lời bảo đảm
7. (câu 38): Kết luận

Thể văn “sai đi truyền giáo” rất gần với thể văn ơn kêu gọi vì vậy Terence Y.Mullins cho Luca 1,26-38 một trình thuật về ơn kêu gọi. Vào khoảng thập niên 1980, nhà chú giải Lucien Legrand, giáo sư Kinh Thánh tại Bangalore Ấn Độ, trình một luận án tại Paris về đoạn văn truyền tin theo Luca 1,26-38¹. Theo tác giả cảnh truyền tin cho Đức Maria thuộc thể văn báo tin việc sinh hạ nhưng theo hệ thống tư tưởng khải huyền. Một trình thuật trong đó điều mạc khải được gián tiếp hóa bởi một hữu thể đến từ trời cho một người nhận dưới thể để mở ra một thực tại siêu nghiệm. Bởi vậy đoạn văn Luca 1,26-38 không chỉ báo tin việc sinh hạ thần diệu nhưng còn nhắm về sự mạc khải huyền bí về mầu nhiệm chứa đựng trong con người Đức Giêsu.

Sau khi nhìn qua các thể văn, không một loại thể văn nào chắc chắn áp đặt hoàn toàn cho cảnh truyền tin vì đoạn văn Luca 1,26-38 mang đầy tiêu chuẩn có thể áp dụng vào cả bốn loại thể văn nêu trên. Dầu sao trình thuật truyền tin tương đối rất gần với đoạn văn ơn gọi Gêđêôn cho dù có những yếu tố trong thể loại báo tin sinh hạ hoặc gọi để gửi đi hay còn để mạc khải mầu nhiệm Đức Giêsu. Đoạn văn Luca 1,26-38 như một trình thuật về ơn gọi làm nổi bật vai trò Đức Maria với Con Thiên Chúa nhập thể.

2. Sự hình thành bản văn

Bài trình thuật truyền tin cho Đức Maria do chính Luca viết. Khi so sánh với đoạn truyền tin cho các mục đồng (*Lc 2,8-14*) hai bài có một liên hệ chặt chẽ. Nếu như thêm vào bài truyền tin cho ông Dacaria (*Lc 1,5-25*) sẽ có một bản văn tam bản về đề tài truyền tin trong hai chương đầu Tin mừng theo Luca. Ở đây tác giả trình bày một cách tổng hợp ba giai đoạn lịch sử cứu rỗi:

¹ Lucien Legrand, *L'annonce à Marie (Luc 1,26-38). Une apocalypse aux origines de l'Évangile*, Paris, Desclée de Brouwer, 1982.

- 1) Luca 1,5-25: tiêu biểu thời các ngôn Sứ và điều hứa trước.
- 2) Luca 1,26-38: tiêu biểu mầu nhiệm Đức Giêsu.
- 3) Luca 2, 8-14: tiêu biểu thời Giáo hội và rao truyền sứ điệp.

Với những tiêu chuẩn đề ra trên cho thấy rõ ý muốn của tác giả Tin mừng thứ ba: ông đã gom lại nơi hai chương đầu một “lời tựa” mang ý nghĩa thần học cho toàn cuốn sách.

3. Ý Nghĩa Luca 1,26-38

Sau khi nói về truyền tin cho ông Dacaria và sinh ra của Gioan Tẩy Giả ở Giêrusalem, Luca đưa người đọc về Nazareth. Trong hai chương đầu cuốn Tin mừng, Luca đã nói đến Nazareth tất cả bốn lần (1,26; 2,4.39.51). Một thị trấn không đáng kể ở miền Bắc xứ Galilê. Nazareth không được Cựu ước nói tới, sử gia Do thái Flavius Josêphe và kinh Talmud cũng không bao giờ nhắc tới. Dầu vậy, khoa khảo cổ xác nhận làng Nazareth thật sự hiện hữu từ thời vương quyền Ítraen. Chính nơi một làng quê không quan trọng, sau thời gian Elisabeth có ý ần dật, tháng thứ sáu thiên sứ Gabriel đã trở lại truyền tin một biến cố khác.

31. Một cách thức văn chương đối chiếu

Trình thuật truyền tin cho Đức Maria là một đơn vị văn chương không thấy chuyện đã có trước. Vấn đề nguồn gốc bản văn cũng gặp rất nhiều khó khăn nếu như không muốn nói không thể giải quyết được. Luca đã tỏ ra biệt tài viết văn, và không có một yếu tố nào hiển hiện trước mắt nhưng toàn bài văn bắt nguồn từ đức tin và viết cho đức tin. Tác giả đã dùng những cách thức văn chương khác nhau để soạn Tin mừng kể về thời thơ ấu Đức Giêsu. Một trong những phương pháp như cách đối chiếu gọi lên thông điệp mình muốn nói. Phương

pháp văn chương đối chiếu không có gì mới mẻ vì vẫn thường thấy trong Cựu ước, trong nền văn chương Hy La hay ngay trong Tân ước.

Trong Cựu ước có:

- Đối chiếu giữa ông Môsê và ông Giosuê là hai người đã dẫn dân Do thái về đất hứa (x. *Dnl* 31,1-18 với sách *Gs* 1,5.17).
- Đối chiếu giữa ông Môsê và ngôn sứ Êli (*Xh* 7,10 với *IV* 17,1).
- Đối chiếu giữa ngôn sứ Êli và ngôn sứ Êlisê (*IV* 17,7.24 với *2V* 4,1.37).

Nhìn qua thấy có điểm tương tự về mặt văn chương, nhưng các tác giả Cựu ước không bao giờ đặt chung nhau hai nhân vật đánh dấu tương phản như trong Luca 1–2.

Trong nền văn chương Hy La phương cách đối chiếu được các tác giả dùng đến thường xuyên như đối chiếu những cuộc đời ông Plutarque. Một đối chiếu phản đề mang sắc thái đặc biệt theo tinh thần Hy Lạp. Trong sách Công vụ các tông đồ, Luca có đối chiếu về hai nhân vật Phêrô và Phaolô nhưng không đặt hệ thống đối chiếu rõ ràng như hai chương đầu cuốn Tin mừng; ông không đối chọi cuộc đời hai thánh tông đồ nhưng có đối chiếu để nhận diện sứ mạng của từng người một.

Cách thức đối chiếu nơi Luca 1–2 giữa Đức Giêsu và ông Gioan phức tạp hơn vì hai trình thuật truyền tin có một liên hệ chặt chẽ. Tương ứng làm nổi bật tính đồng nhất hành động của Thiên Chúa, đồng thời đưa ra cái ưu thế cao cả của Đức Giêsu đối với nhân vật Gioan. Dù cả hai nhân vật đều được gọi “lớn”: Gioan lớn đối với những gì ông sẽ làm; riêng Đức Giêsu lớn vì lẽ Ngài hiện hữu. Cách thức đối chiếu trong Luca 1–2 không phải một tương quan đối chọi nhưng mỗi tương quan giữa thời gian hứa và thời gian hoàn thành.

32. Qui chiếu theo Cựu ước

Tác giả Luca cũng lấy lại những mô thức Cựu ước để viết những trình thuật truyền tin. Vấn đề sẽ rõ hơn khi so sánh những bài truyền tin trong Tin mừng Luca với những bài truyền tin về những con trẻ được sinh ra do ý Thiên Chúa: Isaac theo Sáng thế 16,7tt; 17,1tt; Samson theo Thủ lãnh 13 và theo Đanien 10,7.12.19. Luca lấy lại bố cục, đề tài và theo những khuôn mẫu đặt nguồn gốc Đức Giêsu trong đường hướng những sự sinh ra nhiệm mầu trong Cựu ước. Tác giả nhấn mạnh có sự tiếp nối giữa thời mới và thời cũ và cảnh truyền tin cho Đức Maria nhuộm màu sắc thời cánh chung vì mạc khải Con Thiên Chúa.

Thiên sứ Gabriel không giải quyết những vấn nạn đề ra cho Đức Maria nhưng lời truyền tin hoàn thành chung cuộc những lời tiên tri. Qua đức tin của Ngài mầu nhiệm sẽ được tỏ rõ trong hành động. Vì thế, trình thuật truyền tin Luca 1,26-38 trước hết mạc khải mầu nhiệm Đức Giêsu và tiếp theo mới trình bày sự tiếp đón cần thiết của Đức Maria để Thiên Chúa có thể can thiệp vào lịch sử nhân loại.

33. Mầu nhiệm Đức Giêsu

Cốt lõi toàn bản văn Luca 1,26-38 nhắm vào Đức Giêsu. Từ câu 32 đến câu 34 kết nên một đoạn diễn tả mầu nhiệm Chúa Kitô mang hai tầng lớp:

- Một tầng nói về Đấng Thiên Chúa với tước hiệu Con vua Đavít.
- Một tầng thuộc về Kitô học với tước hiệu Con Thiên Chúa.

Thật vậy, hai câu 32 và 33 được trình bày dưới hình thức lời tiên tri về Đức Giêsu như Đấng thiên sai thuộc dòng dõi Đavít. Luca đã gọi hứng từ lời sấm ngôn sứ Nathan:

2Samuen 7,9-16

Người sẽ làm lớn
 được gọi là Con Đấng Tối Cao
 Thiên Chúa sẽ ban cho Người
 ngai Đavít cha của Người
 Người sẽ làm vua
 trên nhà Giacóp
 cho đến đời đời

Luca 1,32-33

Ta sẽ làm cho người có danh lớn
 Nó sẽ là con ta
 Ta sẽ cho vương quyền
 nó kiên vững
 Nhà người
 Vương quyền của người
 sẽ kiên cố mãi mãi

Trong hai câu 32 và 33 chắc Luca lấy lại từ lời rao truyền nơi các Cộng đoàn Kitô hữu tiên khởi; vì ý hai câu gắn liền với trào lưu Kitô học của người Palestine và hai câu kết nên lời tuyên xưng về Kitô học.

Câu 35 lại cho Đức Giêsu thêm một danh hiệu khác. Khi viết câu này tác giả Luca đã hoàn toàn sử dụng ngữ vựng riêng với ba đề tài chính nói về Chúa Thánh Thần, Đấng Quyền Năng và dòng dõi Thánh. Ba đề tài liên kết với nhau thật chặt chẽ trong chiều hướng thần học sách Tin mừng thứ ba. Ngay từ “Thánh Thần”, Tân ước có hết thấy 63 lần và Luca đã một mình dùng đến 54 lần (13 lần trong Tin mừng và 41 lần trong sách Công vụ tông đồ). Hơn nữa Luca 1,35 còn có một đối chiếu với đoạn Công vụ tông đồ 1,8.

Công vụ tông đồ 1,8

quyền năng Đấng Tối cao
 sẽ đến
 Thánh Thần
 trên người

Luca 1,35

Đấng quyền năng
 xuống
 từ Thánh Thần
 trên anh em

Vì vậy Luca 1,35 như điểm mốc trong trình thuật truyền tin cho Đức Maria. Câu trích dẫn Công vụ tông đồ 1,8 là cao điểm cuộc gặp gỡ hậu Phục sinh giữa Chúa Kitô và các tông đồ. Và Luca 1,35 như thể một bản thân học tóm lược trong Tin mừng thứ ba và trong sách Công vụ tông đồ. Đáng quyền năng mà Chúa Thánh Thần làm cho sinh động cái tiếp nối giữa mầu nhiệm Đức Giêsu và mầu nhiệm Giáo Hội. Câu văn còn gọi lại lời tuyên xưng và mô thức lời truyền rao được thánh Phaolô ghi lại trong thư gửi Do thái 1,3-4: *“Người là phản ảnh về huy hoàng, là hình ảnh trung thực của bản thể Thiên Chúa. Người là Đấng dùng lời quyền năng của mình mà duy trì vạn vật. Sau khi đã tẩy trừ tội lỗi, Người lên ngự bên hữu Đấng Cao Cả trên trời. Danh hiệu Người được thừa hưởng, cao cả hơn danh hiệu các Thiên sứ bao nhiêu, thì Người lại trở hơn họ bấy nhiêu”*. Vì vậy khi viết câu 1,35 Luca đã lấy ý từ lời tuyên xưng các Cộng đoàn Kitô hữu đến từ Do thái cũng như những Cộng đoàn do thánh Phaolô thành lập. Tác giả chỉ đặt ý tưởng Kitô học vào một bối cảnh mới; ông muốn biểu lộ đồng ý thiết yếu với tư tưởng ghi trong thư gửi Do thái 1,3-4 và trình bày nhận diện đức tin qua mọi thời gian với Giáo hội tiếp nối. Tóm lại, Luca đã dựa vào truyền thống Giáo hội xưa để khai triển nét Kitô học riêng.

Thông điệp thiên sứ Gabriel trình bày Đức Giêsu như Con Đấng Tối Cao và Con Thiên Chúa:

“Con Đấng Tối Cao” được biết tới 13 lần trong Tân ước và Luca đã sử dụng hết 9 lần. Từ nguyên Hy Lạp *“Hysistos”* và Hípri *“Elyon”*, khi dùng không có mạo từ được coi như tên Thiên Chúa của người Do thái. Trong bối cảnh thiên sai, danh hiệu phải được hiểu theo nghĩa đế vương như các lời trích dẫn Cựu ước như sau:

2Samuen 7,14: *“Ta sẽ là Cha nó, và nó sẽ là Con Ta...”*.

Thánh vịnh 2,7: “*Tân vương lên tiếng: tôi xin đọc sắc phong của Chúa, Người phán bảo tôi rằng: Con là Con của Cha, ngày hôm nay Cha đã sinh ra Con*”.

Thánh vịnh 89,27.28: “*Người sẽ thừa với Ta: Ngài chính là Thân phụ, là Thiên Chúa con thờ, là núi đá cho con được cứu độ! Phận Ta, Ta sẽ đặt Người làm trưởng tử, cao cả hơn vua chúa trần gian*”.

Trong trình thuật Luca 1,26-38 “Con Đấng Tối Cao” sẽ lên ngôi như Đấng thiên sai. Tác giả đặt việc lên ngôi nơi nguồn gốc Đức Giêsu và cùng một lúc cho biết Người là Con Thiên Chúa khi vừa thụ thai.

Lời tựa Kitô học và Giáo hội học này nhắc nhở cái hiện tại được bắt nguồn từ trong quá khứ.

4. Hình ảnh Đức Maria trong Luca 1,26-38

Sau khi nhắm vào mẫu nhiệm Đức Giêsu, Luca trình bày khuôn mặt Đức Maria và cho thấy Ngài giữ một vai trò quan trọng trong mẫu nhiệm nhập thể.

Thiên sứ Gabriel được Thiên Chúa sai đến với một trinh nữ đã được thuận cưới. Từ nguyên Hy Lạp “*Mnèstenô*” thường được dịch “đính hôn”. Chữ “đính hôn” không diễn tả đầy đủ ý nghĩa vì vào thời đó và theo phong tục Do thái, các thiếu nữ khoảng từ 12 tuổi được gọi “*Naàràh*”: cô đã thành một thiếu nữ nhưng vẫn còn phải phục tùng dưới quyền năng người cha; song cô được nhìn nhận như người có trách nhiệm và có thể được hỏi cưới. Sau thời kỳ này cô mới được gọi “*bogeret*”. Trong hoàn cảnh Maria ở đoạn truyền tin, từ Hy Lạp “*parthenos*” mang nghĩa Maria như một “*Naàràh*” và đã được thuận cưới cho ông Giuse, mang tình trạng vừa trinh nữ vừa có chồng. Việc thuận cưới có hành vi pháp lý quan trọng, vì lúc “đính hôn” người ta

phải trả một phần hoặc đầy đủ món tiền cho phía thiếu nữ. Theo pháp lý từ lúc này người đàn ông đã có quyền trên cô thiếu nữ, thế nhưng trong khoảng thời gian cho tới lúc cưới, cô con gái vẫn dưới quyền cha mình nhưng cô đã thực sự được cưới trên mặt pháp lý. Dịch từ ra “đính hôn” không diễn tả hết ý nghĩa nên thiết tưởng cần giải rộng ý hơn như “một trinh nữ đã được thuận cưới” hay “một trinh nữ đã được cưới”.

Thiếu nữ đã được thuận cưới và được thiên sứ chào mang tên Maria. Qua hàng bao thế kỷ tên “Maria” đã gọi hứng biết bao nhiêu bài viết ca tụng. Nguyên gốc Hípri “Myriam”, và thời Tân ước tên gọi này rất thông thường. Trong Cựu ước, chị Môsê và Aarôn tên “Myriam, con gái ông Amran và bà Giôkebét thuộc chi họ Lêvi” (Ds 26,59; Xh 2,18); cũng vì vậy các nhà chú giải cho tên có nguồn gốc Ai cập “Meri” có nghĩa người được sủng ái. Từ nguyên Hípri “Myriam” có nguồn gốc “Ra’ah” (= thấy) mang nghĩa người có thiên nhãn. Luca ghi hai lần tên Maria nhưng không cho biết chi tiết về gia đình, nhân đức và tình cảm của Ngài.

➤ Thiên sứ vào và chào Maria bằng một từ rất khó giải thích “*chairè*” (Hãy vui lên). Từ mang hai ý nghĩa: có thể một lời chào hỏi đơn thuần như khi hai người Hy Lạp gặp nhau họ dùng từ “*chairè*” để chào nhau, hoặc khi người Do thái chào nhau họ chào bằng câu chúc bằng an “*Shalom*”; nhưng “*chairè*” còn mang một nghĩa khác sâu xa hơn như lời mời gọi vào vui mừng. Trong Kinh Thánh bản LXX (bảy mươi), từ “*chairè*” được dùng trong bối cảnh dân Sion được mời gọi vào vui mừng thiên sai trong một viễn tượng tương lai (Ge 2,21-23; Xp 3,14; Dcr 9,9). Vì thế trong trình thuật truyền tin, từ như thể gọi lại những câu sấm mời gọi vui mừng vì Thiên Chúa cứu chuộc đã trao ban cho nhân loại:

*“Reo vui lên ! hỡi thiếu nữ Sion!
hò vang dậy đi nào, Ítraen hỡi!
Hãy vui mừng, hãy hoan hỉ hết lòng,
Hỡi thiếu nữ Giêrusalem,
Án lệnh phạt ngươi, Giavê đã rút lại,
thù địch của ngươi, Người đã đẩy lùi xa.
Giavê của Ítraen ở cùng ngươi
sẽ chẳng còn tai ương nào khiến ngươi phải sợ” (Xp 3,14-15)*

Gọi lại câu sấm, Luca đưa hình ảnh Đức Maria biểu trưng cho toàn dân giao ước đón nhận biến cố cứu độ rao truyền. Maria như thiếu nữ Sion mới mà từ đây Thiên Chúa sẽ hiện diện ngay cung lòng. Ngài là khuôn mặt Giáo hội tông truyền.

➤ Thiên sứ gọi Maria: *“Kecharitômenê”*. Từ chỉ thấy có 2 lần trong Tân ước: thánh Phaolô trong thư gửi giáo đoàn Êphêxô 1,6 có nói về ân sủng dành cho Giáo hội ở thời sau hết: *“Theo ý muốn và lòng nhân ái của Người, Người đã tiên định cho ta làm nghĩa tử nhờ Đức Giêsu Kitô, để ta hằng ngợi khen ân sủng rạng ngời, ân sủng Người ban tặng cho ta trong Thánh Tử yêu dấu”*.

Trong từ nguyên Hy Lạp, đây là một từ kép đến từ động từ *“Charitoô”* ở thể cách quá khứ thụ động, có gốc *“charis”* mang nghĩa *“ân sủng”*. Trong Tân ước, ân sủng luôn luôn là một ân huệ do Thiên Chúa ban. Đức Maria ở đây được coi như một người đầy ân sủng Thiên Chúa, được Thiên Chúa chiếu cố cách đặc biệt và ân sủng đó tồn tại mãi mãi. Đức Maria người được Chúa chọn và người yêu quý của Đức Vua.

Câu hỏi đặt ra ân sủng Thiên Chúa hoàn thành nơi Đức Maria là gì? Trong thư thánh Phaolô gửi tín hữu Êphêxô anh em Kitô hữu đã được biến đổi bởi ân sủng Thiên Chúa, họ tìm thấy sự cứu chuộc

trong máu Người được tha thứ tội lỗi như câu tiếp theo câu nói về ân sủng: “Trong Thánh Tử, nhờ máu Thánh Tử đổ ra chúng ta được cứu chuộc, được tha thứ tội lỗi theo lượng ân sủng rất phong phú của Người” (1,7). Thật thế, ân sủng xóa bỏ tội lỗi, và Đức Maria được ân sủng để biến đổi cũng vì ngài được thánh hoá bằng ân sủng Thiên Chúa. Biến đổi bằng ân sủng như bước mở đường và một sửa soạn cho Đức Maria thiên chức làm mẹ Thiên Chúa và đồng trinh.

Sau hết, danh hiệu “*Kecharitomênê*” như một tên mới cho Đức Maria. Trong Kinh Thánh cũng đã từng có những nhân vật được thay đổi tên: Abram trở thành Ápraham; Sarai thành Sara (St 17,5-15); Simon thành Phêrô... Việc thay đổi tên mang ý nghĩa Thiên Chúa biến đổi Maria thành một thụ tạo mới. Nơi ngài sẽ hoàn thành lời hứa cho toàn dân Ítraen. Hình ảnh Maria nơi đây như mẫu gương một người mang lòng tin tưởng đón nhận Lời Chúa. Ở phần cuối đoạn truyền tin chính ngài đã tự tuyên bố như “tôi tá của Thiên Chúa” (câu 48). Một đức tin diễn tả đầy đủ tình yêu hơn là lòng khiêm nhường. Đức Maria trở thành mẫu gương cho tất cả những ai tin.

Ngoài ra còn có những dữ kiện việc Thiên Chúa lựa chọn Đức Maria. Ngài là một trinh nữ đã được thuận cưới. Luca nói 2 lần nơi câu 27 và 34 về sự thụ thai đồng trinh với bối cảnh hai từ “*chairè*”, “đầy ơn phúc” và câu trả lời “tôi là tôi tá Chúa” để có thể nói Đức Maria đồng trinh được trình bày như thuộc về Thiên Chúa. Maria, một trinh nữ nhận lời mời gọi tình yêu của Thiên Chúa để trở thành mẹ Đấng thiên sai. Maria sẽ mãi mãi là một trinh nữ và là mẹ. Đấng Cứu Thế được mạc khải sẽ là Con Ngài. Chỉ với vài câu tác giả đã đưa ra bốn hình thái căn bản về hình ảnh nhiệm mầu của Đức Maria: Ngài là thiếu Nữ Sion, Đấng Vô Nhiễm, Đồng Trinh và mẹ Thiên Chúa.

➤ “*Chúa ở cùng người*” kết thúc lời thiên sứ Gabriel chào chúc tụng đến Maria. Trong các trình thuật về ơn gọi theo Cựu ước, câu “*Chúa ở với người*” thường được dùng trong những cuộc loan báo trao ban một sứ mệnh khó khăn vượt khả năng thường tình loài người như: khi ông Môsê được gọi dẫn đưa dân Do thái khỏi đất nô lệ Ai Cập: “*Ta sẽ ở với các người*” (Xh 3,12); khi ông Giosuê nhận sứ mệnh vượt sông Giordan với dân Do thái (Gs 1,9); khi Gêđêôn được thiên sứ loan báo đi giải thoát dân tộc khỏi tay người Mađian: “*Ấy vì Ta sẽ ở với người và người sẽ đánh quân Mađian như thể chỉ có một mình người*” (Tl 6,16). Ngôn sứ Giêrêmia khi được gọi đã tìm mọi cách từ chối, và chỉ nhận khi nhận được lời hứa bảo đảm: “*Đừng sợ... vì Ta ở với người để cứu thoát người*” (I,8). Đó là lời Thiên Chúa hứa giúp đỡ cho những sứ mệnh đặc biệt khó khăn. Đối với Maria, không những Chúa ở cận bên nhưng còn ở ngay cung lòng cô. Câu “*Chúa ở cùng người*” trở thành “*nơi lòng dạ*” trong lời loan báo Maria sẽ thụ thai (câu 31).

Luca không ghi câu Maria trả lời khi nghe lời chào nhưng diễn tả hai phản ứng lo sợ và suy nghĩ. Maria xao xuyến thâm sâu (nghĩa động từ “*dietarachte*”), ngài bị dao động bởi lời thiên sứ chào nhưng có suy tư; Maria không bị xao xuyến trong việc sử dụng những khả năng nhưng tìm kiếm đi vào mầu nhiệm lời chào thật bất ngờ. Thiên sứ trấn an Maria và nhắc nhở ân sủng Thiên Chúa ban với từ “*đừng sợ!*” Từ này thường thấy nơi các trình thuật thần hiện trong Cựu ước như sách Tobia 12,17, và ngay cả trong Tân ước ở những trình thuật kể việc Đức Giêsu hiện ra cho các tông đồ sau khi sống lại (Mt 28,5; Mc 16,6, Lc 24,38...). Lời trấn an thuộc thể loại văn chương hiện ra. Trong Luca 1,26-38 lời trấn an cho Maria được kèm theo lời Thiên Chúa diễn đạt lựa chọn ngài với ân sủng Người.

Đức Maria suy tư và đặt câu hỏi như thể lời đối thoại với Thiên Chúa, và câu hỏi “*điều ấy sẽ làm sao được vì việc phu thê tôi không nghĩ đến!*” đã gây ra biết bao cuộc tranh luận giữa các nhà thần học. Câu hỏi không diễn đạt từ chối hay thiếu lòng tin. Vấn nạn đầu tiên thấy có khác biệt về ý nghĩa câu hỏi do ông Dacaria và Đức Maria đặt ra. Trong trình thuật truyền tin đến ông Dacaria, ông cũng đã đặt câu hỏi tương tự như câu Đức Maria hỏi: “*điều ấy làm sao tôi biết được*”. Câu Dacaria hỏi được coi như lời diễn tả cứng lòng tin nhưng câu Maria hỏi lại như biểu thức về đức tin tìm đặt hỏi. Hai cách cắt nghĩa khác nhau cho thấy nơi đây có nguồn khác biệt hai truyền thống văn chương. So sánh hai câu hỏi trên để thấy lòng đạo đức và đức tin được nội tâm hoá thời Tân ước hoàn thành. Một câu văn, một cử chỉ có thể một lời giải đáp về đức tin hay cứng lòng; có thể một hành động tốt cũng như xấu. Vấn nạn kế tiếp gây ra do động từ “*ginôsko*” (*biết*) mang nghĩa “*việc ăn ở vợ chồng*”, và động từ lại ở thể cách hiện tại và tự nó không nói gì về tương lai.

Câu văn dẫn nhận điều mới lạ quan trọng: việc trinh thai. Lời Đức Maria hỏi không nên được chú giải trên bình diện lịch sử tâm lý như thể mẫu đối thoại giữa Đức Maria và thiên sứ Gabriel được thâu băng; nhưng cần phải được hiểu theo ý thần học do Luca đề ra. Với câu Đức Maria hỏi, tác giả dẫn nhập vào truyền thống trinh thai nhận được từ các cộng đoàn Kitô hữu. Điều này cũng không loại bỏ thực tại lịch sử về Đức Maria nhưng chắc chắn đặt vào bình diện thần học thâm sâu của trình thuật tức là Đức Maria đã sinh ra Đấng thiên sai mà vẫn đồng trinh. Câu hỏi đặt ra Đức Maria có khẩn giữ mình đồng trinh không? Nếu vậy phải giải thích làm sao điều Maria đã được “*thuận cưới*”? Dù không có bằng cứ nào rõ ràng việc ngài khẩn giữ đồng trinh, cũng chẳng có cứ nào có thể trưng ra làm bằng chứng cho ý ngược lại; vì vậy ít ra câu văn cũng còn có thể hiểu như một định

hướng, một ước nguyện sâu kín của Đức Maria giữ mình đồng trinh nhưng chưa kết thành được như một ý định. Điều cũng có thể hiểu được vì lý do môi trường xã hội sinh sống ở thời đó.

Nhưng chính lúc này Thiên Chúa hành động bằng quyền năng Chúa Thánh Thần. Đáp lại câu Đức Maria hỏi, thiên sứ nói rõ việc thụ thai thuộc công trình Chúa Thánh Thần: Người can thiệp vào việc thụ thai nên con trẻ sẽ trở nên “thánh”. Nơi đây Chúa Thánh Thần và quyền năng Đấng Tối cao cùng kết hợp. Từ “Thánh Thần” không có mạo từ đi với từ “thánh” có nghĩa sức mạnh sáng tạo của Thiên Chúa. Chính vì thế câu văn giúp nhận ra Đức Giêsu thuộc dòng dõi Thiên Chúa, và Luca trình bày việc trình thai như một dấu chỉ giúp nhận ra tính siêu việt của Người. Quan niệm trình thai không mang dấu chỉ cho mục đích đức tin nhưng một dấu chỉ trao ban trong đức tin. Dấu chỉ chỉ được nhận ra với lòng tin trong ánh sáng mầu nhiệm Phục sinh.

➤ *“Dưới bóng Đấng Quyền Năng”*. Quyền năng Đấng Tối cao bao phủ Maria ngợp bóng như mây trải dài bao phủ trong Lều che hòm bia Giao ước và lấp tràn vinh quang Thiên Chúa để biểu hiện vinh quang Người. Trong bối cảnh truyền tin, Đức Maria chính là đền thờ mới mà vinh quang Chúa nhập thể nơi Đức Giêsu đến cư ngụ. Ý cũng dễ hiểu vì một khi ngài làm mẹ Con Thiên Chúa, ngài cũng trở nên một nơi mới để Thiên Chúa hiện diện.

Thiên sứ cũng cho Đức Maria một dấu hiệu khác để củng cố thêm: bà Elisabeth mang thai. Sự việc được giữ kín cho đến bây giờ như dấu chỉ Thiên Chúa cũng có thể làm tương tự nơi Đức Maria. Thật vậy, *“với Thiên Chúa, nào có gì lại là không có thể”*: khẳng định gọi lại điều Thiên Chúa báo điều bà Sara mang thai với ông Ápraham ở Mambê (St 18,14). Việc Elisabeth son sẻ hiếm muộn mang thai cũng

như điều Thiên Chúa thực hiện nơi Đức Maria phải coi như những hành động quyền năng Thiên Chúa. Người thực sự hành động vào trong những biến cố cuộc đời chứ không chỉ hiện diện trong những tư tưởng hay trong những ý thức.

➤ Qua lời “*này tôi là tôi tá Chúa, xin hãy thành sự cho tôi theo lời Ngài*”, Đức Maria đã chấp nhận. Một lời nói giản dị diễn đạt dần thân với lòng tin trước “Lời mà quyền năng Thiên Chúa có thể làm cho trở thành biến cố” vừa mới được tuyên báo, làm cho Đức Maria được tham dự vào lịch sử cứu rỗi và dần thân cũng mang chiều kích lịch sử. Một trinh nữ dần thân bỏ mình để hoàn toàn theo những đòi hỏi thuộc chương trình Thiên Chúa mà Đấng Toàn năng đã bắt đầu thực hiện nơi nàng. Đó không phải một chấp nhận cam chịu nhưng một ước ao hoan hỉ phó thác hoàn toàn theo ý Thiên Chúa. Vui mừng nơi phần cuối trình thuật đáp lại rõ ràng câu thiên sứ Gabriel chào hỏi “Hãy vui lên” ở đoạn đầu bài truyền tin.

Kết luận

Trình thuật truyền tin trước hết mang rõ nét Kitô học nhưng Đức Maria có một vai trò thật quan trọng. Qua biến cố truyền tin Đức Maria đã nhận ánh sáng thật cần thiết cho sứ mệnh. Một màu nhiệm vượt trên hết mọi ngôn ngữ, và sâu xa hơn nữa còn vượt trên mọi hiểu biết loài người. Dù bị đóng khung trong khung cảnh xã hội thời đó, Đức Maria đã nhận lời Thiên Chúa đề nghị với những hậu quả vượt ngay tất cả những gì có thể tưởng tượng được. Đức Maria nhận việc Thiên Chúa can thiệp giải phóng đầy ý thức và tự do. Ngài trở thành mẫu gương mọi kẻ tin.

F32: Đức Maria thăm viếng bà Êlisabét: Luca 1,39-45

Sau khi được thiên sứ đến báo tin, Đức Maria lên đường thăm viếng bà chị họ Elisabeth.

Trong những ngày ấy, Maria đơn đả ra đi lên miền sơn cước, đến một thành xứ Giuđa: bà vào nhà Dacaria và chào Êlisabet. Và xảy ra là thoạt Êlisabet nghe lời Maria chào, thì hài nhi nhảy mừng trong dạ mẹ; và Êlisabet thì được đầy Thánh Thần, mà thốt lên một tiếng kêu lớn và nói: “Trong nữ giới, có người là diễm phúc! Và đáng chúc tụng thay hoa quả lòng người! Và bởi đâu tôi được thể này, là mẹ Chúa tôi đến với tôi? Vì này thoạt tiếng người chào vừa đến tai tôi, thì hài nhi trong dạ tôi nhảy mừng. Phúc cho người, là kẻ đã tin rằng viên thành sẽ đến cho mọi điều Chúa truyền phán dạy cho người!”

Luca 1,39-56 thường được gọi trình thuật “Thăm viếng”. Bài văn nằm giữa hai trình thuật truyền tin (Lc 1,5-38) và hai trình thuật ra đời (1,57-2,52). Trình thuật Maria thăm viếng bà Elisabeth (Lc 1,39-56) mang tác dụng làm gạch nối giữa hai trình thuật truyền tin và biến cố những sự sinh ra. Luca 1,39-56 như đoạn văn mới đối với những gì xảy ra trước. Trong cùng một đoạn còn có thể chia ra làm hai phần. Luca 1,39-45 nói về việc thăm viếng. Trước hết tác giả trình thuật cuộc viếng thăm (câu 39-42a), và từ câu 42b đến câu 45 đoạn Elisabeth ca ngợi Maria đầy ơn Thánh Thần. Bắt đầu câu 46, Maria làm bung nổ nỗi vui mừng sau khi nghe lời người bà con ngợi khen mình và Maria tạ ơn Thiên Chúa.

Đoạn văn Luca 1,39-45 thuật cuộc gặp gỡ giữa hai người mẹ (Đức Maria và bà Elisabeth) và hai người con (Đức Giêsu và ông Gioan). Khi vừa vào nhà chào, con trẻ sắp sinh lại nhảy mừng trong dạ mẹ diễn đạt mối liên hệ gắn bó giữa Gioan và Đức Giêsu. Gioan được thánh hiến làm ngôn sứ. Elisabeth nhận ra người con bà đang cu mang là đối tượng Thiên Chúa phúc lành và bà đã tuyên xưng

Đức Maria “mẹ Chúa tôi”, xác nhận Lời Thiên Chúa được thực hiện. Elisabeth nói tới hai phúc lành: phúc cho Đức Maria giữa mọi người nữ và phúc lòng dạ Maria cuu mang Đức Giêsu diễn ý thánh thiện Hải nhi trong cung lòng ngài. Bài Thăm viếng còn đưa hình ảnh Đức Maria như hòm bia giao ước. Hòm bia giao ước trong Cựu ước phủ đầy vinh quang Thiên Chúa, và Maria nhận đầy tràn hiện diện Thiên Chúa.

- **Câu 39-40:** Đức Maria lên đường một mình. Khác với Luca 2 và Mátthêu 1-2 ở đây không nói gì đến ông Giuse. “*Anastasa* = chỗi dậy” một từ ngữ sê mít đến từ bản LXX và thường được Luca dùng tới. Từ ngữ mang ý nghĩa sửa soạn hay bắt đầu một hành động. “*Poreuomai* = lên đường, đi” trong Tin mừng Luca mang nghĩa thần học: Đức Giêsu, hay trường hợp nơi đây lên đường đi theo ý và chương trình Thiên Chúa. “Vội vã” nhấn mạnh Đức Maria vâng lời như điều hài hòa giữa lòng tin của ngài và chương trình Thiên Chúa. Trong Kinh Thánh, con người Nam và Nữ cũng “vội vã lên đường” khi hành động Thiên Chúa tỏ lộ. Tác giả Luca cũng như Đức Maria không mất thời giờ và cho biết cuộc hành trình kéo dài nhiều ngày. Theo cha Lagrange đã sống lâu năm ở Thánh địa cho cuộc hành trình như trên phải mất bốn ngày.

Miền đất hứa bao gồm nhiều núi đồi. Đức Maria lên miền cánh đồng Galilê thuộc miền núi Giuđá¹. Bình thường tác giả Luca hay xác định mục đích như tên thành phố, hay hội đường và nhà nào (Cv 13,14; 18,19; 21,8). Ở đây “lên miền sơn cước” và “trong một thành xứ Giuđá”.

¹ Giuđê hay Giuđá tên tô phụ, con ông Giacóp, và cũng tên bộ tộc mang tên ông. Đây cũng là vùng bộ tộc Giuđá cư ngụ.

Đức Maria đến và chào bà Elisabeth. Trong chương này có nhiều lời chào (câu 28-29 và 40-41.44) vì có nhiều cuộc gặp gỡ. Và có nhiều cuộc gặp gỡ vì Thiên Chúa can thiệp khai mào cứu độ qua những tương quan con người. Lời chào trở thành dấu chỉ tình yêu, và giống như cuộc sinh nở được báo trước bắt đầu cho một cuộc sống mới. Thời cổ đại và nhất là trong môi trường Do thái và Kitô giáo, lời chào chưa trở thành công thức (*Rm* 16,16; *ICr* 16,19-20; *IPr* 5,13-14): lời chào không chỉ như lời chúc nhưng còn mang lại sự thoải mái, sung túc. Tác giả Luca không cho biết những lời Đức Maria chào, và ông để ý đến phản ứng của bà Elisabeth nhiều hơn.

- **Câu 41-42a:** Các câu văn hơi nặng nề như việc nhắc lại tên Elisabeth, và các câu đặt sát nhau không từ nối lại với điều thay đổi chủ thể. Con trẻ nhảy mừng trong bụng mẹ (câu 41.44), một hành vi mang giá trị biểu tượng. Thiên Chúa không những dùng lời nói, nhưng còn dùng đến ngôn ngữ thân xác. Thời cổ đại đã cho những lời đoán trước trong tương lai những dấu chỉ huyền diệu các trẻ mới sinh. Vì thế trong Sáng thế 25,22-28, ông Esau và Giacóp đã đánh nhau ngay từ trong bụng mẹ, cho thấy trước cuộc tranh chấp sau này của hai người. Gioan Tẩy giả ngay từ lòng mẹ đã thực hành chức năng ngôn sứ và tiên hô.

Sau dấu chỉ đó, bà Elisabeth tràn ngập Chúa Thánh thần và công bố một lời sấm. Một lời vang vui mừng vì hành vi đưa trẻ cho thấy được rạng đông sự cứu độ.

- **Câu 42b:** *“trong nữ giới có người là diễm phúc ! và đáng chúc tụng thay hoa quả lòng người”*: Một câu thơ song đối được làm với hai mệnh đề danh từ, và câu văn quy chiếu sách Giuditha 13,18: *“Này trang nữ kiệt, bà được Thiên Chúa Tối Cao ban phúc hơn tất cả các phụ nữ trên cõi đất này. Chúc tụng Đức Chúa là Thiên Chúa, Đáng*

dựng nên trời đất; Người đã hướng dẫn bà chặt đầu tướng giặc!”. Thiên Chúa chúc phúc và lựa chọn: Thiên Chúa chúc phúc những con người mới, những con người bị loại khỏi Ítraen và hoàn toàn xa lạ với chức vụ tư tế. Theo quan niệm thời bấy giờ, chính người con trao ban phẩm giá mình cho một người đàn bà. Lời chúc bắt nguồn và đưa đến mục đích trong hoa quả Đức Maria. Sự song đôi diễn đạt cái đối xứng chứ không phải một điều lặp lại. Lời Thiên Chúa chúc phúc trước hết là Lời, nhưng Lời Chúa nên sức mạnh Thiên Chúa. Lời chúc đồng hành với tất cả những ai nhận sứ vụ Thiên Chúa nhưng không loại nổi gian truân (2,35). Tin mừng mở ra với lời chúc phúc cho Đức Maria và Đức Giêsu, và được đóng lại trên các môn đệ đến từ Đấng sống lại (24,50).

- **Câu 43-44:** câu bà Elisabeth hỏi không được đáp trả. Một tiếng reo cho thấy sự khác biệt giữa Đức Giêsu và ông Gioan. Từ “mẹ Chúa tôi” mang âm hưởng Do thái như Philipphê 3,8: *“Hơn nữa, tôi coi tất cả mọi sự là thiệt thòi, so với mối lợi tuyệt vời, là được biết Chúa Kitô Giêsu, Chúa của tôi”*; và Gioan 20,13.28: *“Này bà, sao bà khóc” Bà thưa: “Người ta đã lấy mất Chúa tôi rồi, và tôi không biết họ để Người ở đâu!... Ông Tôma thưa Người: “Lạy Chúa của con, lạy Thiên Chúa của con!”*. Ngoài ra tác giả cũng cho thấy cái khó khăn có sự liên kết trong những lời bà Elisabeth: câu 42 với lời chúc phúc theo thể loại thơ, sau đó tác giả lại đi về thể văn xuôi; câu 43 thuộc loại câu hỏi *“Và bởi đâu tôi được thế này, là mẹ Chúa tôi đến với tôi?”*, tác giả kết tóm lại và câu 44 lặp lại câu văn 41. Từ đây bà mẹ ngôn sứ như chỉ một người phụ nữ ngạc nhiên và không hiểu chuyện gì đã xảy ra. Thiếu liên kết có thể đến từ công thức truyền thống nhưng cũng có thể từ ý chí diễn đạt cảm xúc. Nhưng từ câu 45, cảm hứng trở lại với một lời phúc. Vì thế diễn từ Elisabeth gồm ba phần: câu 42: chương

trình Thiên Chúa; câu 43-44 nói về sự gặp gỡ hai bà mẹ và câu 45: lòng tin Đức Maria.

- Câu 45: tác giả Luca đã nói đến việc ông Dacaria hoài nghi (1,20), nhắc lại với mỗi phúc nói lên thái độ đầy lòng tin Đức Maria với câu 38. Cho dù tác giả Luca rất thích nêu lên chủ đề “lời hứa - hoàn thành”, nhưng ở đây tác giả chỉ nêu lên từ “teleiosis = hoàn thành”. Ngược lại tác giả dùng từ “lalêô = nói” theo nghĩa Hípri “hứa” hơi vụng về, vì ở đây là những lời Thiên Chúa. Trong chương này chủ đề hoàn thành có vai trò quan trọng, nhưng chương trình Thiên Chúa chưa được thực hiện.

F33: Bài ca Magnificat: Luca 1,46b-56

Đức Maria đã xướng lên bài ca Magnificat. Maria làm bung nổ nỗi vui mừng sau khi nghe lời người bà con ngợi khen mình và Maria tạ ơn Thiên Chúa. Đoạn văn 1,46b-55 cấu tạo thành một tổng hợp. Câu 56 thu tóm tổng thể trình thuật thăm viếng và tác giả chỉ định Maria trở về nhà, tương hợp với việc Maria ra đi ở câu 39.

- Magnificat: Bài ca Cứu Độ

Những trình thuật về truyền tin (Lc 1,5-25 và Lc 1,26-38) và sự ra đời (Lc 1,57-58 và Lc 2,1-20) mang một đối chiếu hiển nhiên. Ngoài ra, cấu trúc song đối cho thấy tác giả Luca đã thêm vào bốn bài ca giữa những trình thuật bằng thể văn xuôi: bài ca *Magnificat* do Đức Maria xướng lên lúc đi thăm viếng bà chị họ Elisabeth (Lc 1,46-55), bài ca *Benedictus* do ông Dacaria xướng hát (Lc 1,68-79), bài ca *Gloria* do các Thiên Thần hát vang tại cánh đồng Bethlehem (Lc 2,14), và bài ca *Nunc Dimittis* do ông già Simêôn chúc tụng tại đền thờ (Lc 2,29-32). Những bài ca mang âm hưởng trữ tình nhưng có tính cách chủ quan diễn đạt niềm xác quyết cứu độ trong biến cố nhập thể.

Hơn nữa, những bài ca không có gì mới mẻ về chất liệu văn chương vì chất chứa đầy điển ngữ Cựu ước. Cái mới chỉ nằm trong ý nghĩa.

Với vài điều nhận xét mở đầu, có thể đặt ra ít nhất hai câu hỏi:

- Những bài ca có phải những mảnh tài liệu thuật lại?
- Nguồn gốc phát xuất từ đâu?

Nơi đây cùng tìm hiểu về bài ca thứ nhất trong Tin mừng thời thơ ấu theo Luca: Bài ca ngợi khen Magnificat 1,46b-55.

1. Ấn định phạm vi bản văn

Luca 1,39-56 thường được gọi trình thuật “Thăm viếng”. Bài văn nằm giữa hai trình thuật truyền tin (*Lc* 1,5-38) và hai trình thuật ra đời (1,57–2,52). Trình thuật Maria thăm viếng bà Elisabeth mang tác dụng làm gạch nối giữa hai trình thuật truyền tin và biến cố những sự sinh ra. Việc ấn định phạm vi trình thuật thăm viếng khá dễ dàng.

- Luca 1,38: Thiên thần Gabriel kết thúc việc truyền tin cho Maria
- Luca 1,39: một chỉ số thời gian “Trong những ngày ấy”
cộng thêm nhân vật Maria.
- Luca 1,56: một chỉ số niên biểu “ba tháng”
cộng thêm nhân vật Maria.

Luca 1,39-56 là một đoạn văn mới đối với những gì xảy ra trước.

Bắt đầu câu 46, Maria làm bung nổ nỗi vui mừng sau khi nghe lời người bà con ngợi khen mình và Maria tạ ơn Thiên Chúa. Đoạn văn 1,46b-55 cấu tạo thành một tổng hợp. Câu 56 thu tóm tổng thể trình thuật thăm viếng và tác giả chỉ định Maria trở về nhà, tương hợp với việc Maria ra đi ở câu 39. Bản văn được cấu tạo thật chặt chẽ và nêu lên sự ra đi là cách Luca thường dùng đến để chấm dứt một đoạn trình thuật trong hai chương đầu cuốn Tin mừng.

2. Kiểm tra bản văn

Luca 1,46-55 không có nhiều dị bản, nhưng câu nhập đề bài ca 1,46 đặt ra một vài vấn nạn: phải đọc: “và Maria nói” hay “và Elisabeth nói”? Phê bình về mặt ngoài cho bài ca do chính Maria cất lời ca ngợi. Tất cả các thủ bản bằng tiếng Hy Lạp đều ghi “*Mariam*” hoặc “*Maria*” trong thủ bản C và D. Các văn bản sao bằng tiếng La tinh, các tác giả Hy Lạp và Syriaque đều ghi như trên. Các tác giả trước thế kỷ thứ III theo cùng giải pháp.

Thế nhưng, dị bản hiếm hoi cho Elisabeth như tác giả bài ca được ba thủ bản bằng tiếng La tinh chứng nhận:

- thủ bản a (Vercellensis) ở thế kỷ IV - V ghi Elisabet.
- thủ bản b (Veronensis) ở thế kỷ thứ V ghi Elisabel.
- thủ bản l (Rhedigeranus) ở thế kỷ thứ VIII ghi Elisabeth.

Hơn nữa, Đức Giám mục Nicetas, thành Remisiana miền Dacie, nay thuộc nước Nam Tư (Yougoslavie), sống khoảng năm 400, trung dẫn tên Elisabeth trong trong bản văn “De psalmodiae Bono” 9.11.

3. Cấu trúc bản văn

Cấu trúc bài ca Magnificat tương đối dễ thấy, được chia ra làm bốn phần hài hòa và không bị phản nghĩa:

- A. câu 46-47 : Lời huấn dụ
- B. câu 48-50 : Lý do Tạ ơn
- C. câu 51-53 : Thiên Chúa can thiệp giúp kẻ hèn kém
- D. câu 54-55 : Thiên Chúa can thiệp cho Apraham và miêu duệ.

4. Thể loại văn chương đoạn văn Luca 1,46-55

Bài Magnificat thường được gọi bài thánh ca Đức Maria, và cũng dễ dàng chấp nhận đoạn văn Luca 1,46b-56 như một bài ca chúc tụng và tạ ơn Thiên Chúa. Trước hết lời Maria tạ ơn và kế tiếp ngài đại diện cho dân tộc Ítraen ca tụng ơn cứu độ Thiên Chúa mang lại cho dân. Tác giả L.Ramoroson, trong bài nghiên cứu “*Ad structuram cantici Magnificat*” cho bài thánh ca Đức Maria thuộc loại thánh thi theo truyền thống Thánh vịnh 136. Câu hỏi đặt ra: Bài ca Magnificat là một thánh thi hay một thánh vịnh tạ ơn? Các nhà chú giải thường phân tách rất rõ hai thể loại văn chương này, vì nó thiết giả hai thái độ dân Ítraen cầu nguyện. Tạ ơn tương ứng vào lời cảm ơn còn thánh thi diễn đạt chúc tụng quy hướng trước hết vào Thiên Chúa. Bài thánh thi phản ánh một trong những thái độ tôn giáo căn bản của con người.

Cụm ước có thể loại thánh thi trong bài ca Myriam theo sách Xuất hành: “*Hãy hát mừng Đức Chúa, Đấng cao cả uy hùng. Kỵ binh cùng chiến mã, Người xô xuống đại dương*” (15,21). Bài ca Myriam thường được coi như một thánh thi mang tính cách mệnh lệnh và thúc bách, thuộc thể loại văn chương được thấy nhiều trong Kinh Thánh. Thánh thi thường được dẫn nhập bằng mệnh lệnh ở số nhiều, mời gọi người tín hữu ca tụng và cử hành cho Thiên Chúa. Thân bài thánh thi thường viết lên những việc cao cả Thiên Chúa làm cho dân Ítraen hay cho cả loài người.

Trong một cấu trúc hơi đóng kín như thế, bài ca Magnificat một cách nào đó có thể thuộc thể loại thánh thi. Bài ca của người nữ tỳ làng Nazareth không được bắt đầu với một mệnh lệnh, nhưng lời Maria huấn dụ là cách chúc tụng và cử hành Thiên Chúa (câu 46-47). Cũng vậy, thân bài Magnificat nói đến việc Thiên Chúa can thiệp cho Maria, cho nên Magnificat có dấu một bản Thánh thi.

Có thể nào một bài thánh vịnh tạ ơn không? Thể loại thánh vịnh tạ ơn cá nhân rất gần với thể loại thánh vịnh thỉnh cầu (9-10; 18; 30; 32; 34; 40; 116; 138); ngoài ra không quên có những lời tạ ơn tập thể (65; 66; 67; 83; 94; 124; 127;...). Bình thường thánh vịnh tạ ơn mang nhập đề hướng về Thiên Chúa, nhưng cũng có thể hướng về cộng đoàn như nhân chứng, hoặc mời họ nhập vào làm một với ca viên. Phần khai triển thường được viết kiểu trình thuật. Những câu chuyện gian khó, những cuộc bách hại hay những thử thách được trao ban. Sau đó ca viên nhắc lại lời thỉnh cầu lên Thiên Chúa và Thiên Chúa nhận lời giải thoát. Sự can thiệp cứu rỗi như một yếu tố đặc điểm thánh vịnh tạ ơn. Phần kết luôn hướng về tương lai mang tiếng kêu cảm tạ và lời mời gọi ca tụng Thiên Chúa.

Nhìn lại bài ca Magnificat, thấy có những yếu tố cấu trúc như trên. Trong phần nhập đề, Maria thưa cùng Thiên Chúa như đối tượng cho việc cảm tạ. Trong thân bài, điểm hẹn với thánh vịnh tạ ơn thấy qua sự gọi lại việc Thiên Chúa can thiệp cứu độ. Vì thế bài ca Magnificat cũng có thể coi như thánh vịnh tạ ơn.

Thật ra, thánh thi hay thánh vịnh tạ ơn không khác nhau nhiều lắm. Và ngay cả trong thánh vịnh cũng có những mảnh thánh thi như thấy trong các Thánh vịnh 8; 19; 29; 33; 67; 100... Lời cầu thốt lên từ tâm hồn và thoát ra từ môi miệng một người Do thái không chỉ tạ ơn nhưng còn chúc tụng hay ca tụng. Tạ ơn chỉ như hình thức khác để ca tụng Thiên Chúa. Bởi vậy, bài ca Magnificat cũng có thể một bài thánh vịnh tạ ơn cho việc cứu rỗi đã hoàn thành trong việc Maria được thụ thai (46-49). Ôn cứu rỗi trao ban trước hết cho những người khiêm hạ (51-53) và đến Ítraen (54-55).

5. Tác giả bài Magnificat

Theo truyền thống Giáo hội, Đức Maria được coi như tác giả hát lên bài Magnificat. Các nhà nghiên cứu có một cái nhìn khác. Dựa vào những điểm văn chương để thấy có thể tác giả bài Magnificat thuộc người Do thái, hay một người trong nhóm “kính sợ Thiên Chúa”. Tác giả Luca lấy lại bản văn nơi môi trường truyền thống trên. Vì ngoài những vay mượn đến từ bài ca Anna trong sách Samuen, bài ca Magnificat có rất nhiều từ ngữ gần với những từ thấy trong văn bản Ngụy thư gọi “Thánh vịnh Salomon”. Văn bản được các nhà chú giải cho đến từ một nhóm mang tư tưởng Phariseu. Một nhóm tôn giáo ủng hộ những Kitô hữu tiên khởi và kính ông Giacôbê người anh em của Chúa. Ngoài ra, bài ca có thể đến từ nhóm Tẩy giả nhắm vào khuôn mặt Samuen mới như vị ngôn sứ đang được chờ đợi. Dầu sao cũng phải chấp nhận không có gì cấm cản một thiếu nữ Do thái như Đức Maria thấm nhuần ngôn ngữ Thánh vịnh được hát trong Đền thờ cũng như được nhóm người đạo đức “hassidim” hát. Giữa nhóm mang tinh thần đạo đức kể trên ngôn ngữ nhiều lúc cũng rất mạnh bạo. Bài ca Magnificat như mang tiếng vọng một phụ nữ gắn bó vào dân tộc, về mặt tôn giáo đứng về phía người nghèo, đồng hóa với tư tưởng bà mẹ ngôn sứ Samuen và các bà thánh thiện tại Ítraen.

6. Ý nghĩa bài ca

A. Lời khuyến dụ: Lc 1,46b-47

Lời khuyến dụ nói với tâm trí người nghe, mời gọi và khích lệ họ. Lời khuyến dụ bài ca Magnificat đưa người nghe vào toàn bộ bản thi ca mang nội dung ngợi ca và diễn tả tâm tình vui mừng, và diễn tả lòng hân hoan.

1. Linh hồn tôi “ngợi khen” Chúa.

Maria tán tụng Chúa, Đấng đã chọn ngài. Động từ “tán dương”, “ngợi khen” nguyên nghĩa Hy Lạp diễn tả một lời ca ngợi và tâm tình biết ơn đối với Thiên Chúa. Nếu Maria ca ngợi Thiên Chúa, vì Chúa là nguồn ơn phúc ban cho ngài trở nên mẹ Đấng Cứu Độ, nơi lời thiên sứ Gabriel truyền tin (*Lc 1,26-38*).

2. Thần trí tôi hớn hở.

Từ ngữ thứ hai diễn tả nỗi vui mừng ở động từ “hớn hở”. Một từ ngữ Cựu ước quen thuộc nói lên một nỗi vui khi thấy Chúa hiện diện và ơn Chúa cứu độ đến với mình (x. *Tv 9,15; Is 25,9; Is 61,10*). Động từ gọi lên niềm hân hoan tràn ngập lòng Maria, đang đội ơn Thiên Chúa. Đồng thời Maria nói lên lòng biết ơn đối với những ơn ích nhận được. Chính Thiên Chúa đến cứu độ.

3. Vì Thiên Chúa Đấng cứu độ tôi.

Trong hành vi hoan hỉ tạ ơn, trước hết Maria ca ngợi công trình Thiên Chúa cứu độ. Trong các chương Luca 1–2, Thiên Chúa các tổ phụ đã thực sự biểu lộ lòng nhân hậu (*Lc 1,50-54.58.72.78*) nơi Đức Giêsu Kitô. Còn bài Magnificat và đoạn Benedictus (*Lc 1,6-79*) với những từ ngữ Cựu ước, diễn tả việc Thiên Chúa cứu độ được trải dài trong lịch sử dân Ítraen, thể hiện liên tục ý định của Người.

Câu văn mang những ngữ vựng giao ước. Bài Đức Maria tán tụng, như thế trở thành một bài ca về ơn cứu chuộc. Trong Cựu ước, từ ngữ được nhắc đến để chỉ về Thiên Chúa Đấng cứu thoát Ítraen khỏi vòng nô lệ Ai cập và làm thành dân Chúa (*ISm 10,19; Is 12,2; 17,10 và 29,9; Tv 24,5; 25,5*). Trong bài Magnificat, Maria kêu lên đến Đấng Cứu Độ, cũng như một mạc khải lớn lao về Thiên Chúa. Dân Ítraen đã nhận lãnh ơn đặc biệt khi Thiên Chúa mạc khải danh thánh “Ta là Đấng Hng Hữu” (*Xh 3,14*). Khi mạc khải tên mình, Thiên

Chúa cam kết với dân Ítraen can thiệp cứu thoát họ khỏi tay người Ai cập (Xh 3,8). Mạc Khải Danh Thiên Chúa, như thế, gắn liền với việc Thiên Chúa cứu thoát các con cái Ítraen. Người là Đấng giải thoát và Đấng cứu độ. Và suốt lịch sử, Ítraen tiếp tục suy niệm về việc Thiên Chúa cứu thoát. Nếu việc ra khỏi Ai cập như một biến cố quyết định trong lịch sử Ítraen, cũng còn một công trình giải thoát. Khi tôn vinh Thiên Chúa như “Đấng Cứu Độ”, Maria nhắc lại chính Thiên Chúa đến lập lại việc giải thoát, nói lên sự cứu thoát trong Đức Giêsu Kitô mà Thiên Chúa ban cho để cứu độ con người.

B. Những lý do Tạ ơn

1. Vì Người đã nhìn đến phận nữ tỳ hèn mọn.

Động từ “nhìn đến (đoái nhìn)” rất hiếm trong các văn bản Tân ước, Luca duy nhất dùng động từ này (Lc 1,48 và Lc 9,38). Điều Thiên Chúa nhìn đến trước hết: “*Sự thấp hèn của nữ tỳ của Người*”. Khiêm tốn trước hết như một thái độ phục vụ và tiếp cận với tha nhân. Tâm tình tôn giáo và đạo đức mang thái độ hướng đến Thiên Chúa và những người khác. Những người khiêm tốn thuộc những người thực thi công lý Chúa đòi hỏi. Nên họ có một thái độ sẵn sàng và nhìn nhận sự lệ thuộc (tùy thuộc) vào Thiên Chúa. Thái độ con người dấy lên lòng khoan hậu của Chúa. Thiên Chúa tỏ bày lòng ưu ái đối với những người khiêm tốn.

Maria tiêu biểu cho người nghèo Thiên Chúa một cách tuyệt vời. Ngài hiện thân thái độ nền tảng những người nghèo Giavê qua thái độ luôn sẵn sàng, hoàn toàn tin cậy vào Chúa. Hơn thế nữa, Luca nhấn mạnh đến căn nguồn lòng khiêm hạ Maria khi tuyên dương ngài như “nữ tỳ của Chúa” (1,38) và “sự thấp hèn của nữ tỳ của Người” (1,48). Chắc chắn thành ngữ rõ ràng nói đến một phụ nữ làm đầy tớ nhưng tước hiệu cũng thường áp dụng cho Ítraen (như một dân). Như thế,

Maria đã lên tiếng nhân danh Ítraen. Người nữ tì vô điều kiện tin vào việc Chúa làm để “cứu thoát dân mình” như trong Cựu ước Thiên Chúa đã nhìn thấy cảnh khốn khổ của Ítraen (*Đnl 26,7*) và sẽ hành động để cứu thoát. Những việc Thiên Chúa đã làm khi đưa Ítraen ra khỏi Ai Cập.

Ngày nay, tất cả truyền thống những người khiêm hạ cô đọng lại trong đức tin và lòng Maria trông cậy. Thiên Chúa tác năng biết bao sự việc xảy ra không kể hết “vì không có gì mà Thiên Chúa không thể thực hiện” (1,37). Khi cúi nhìn xuống thân phận khiêm hạ người nữ tỳ, Thiên Chúa đã chọn Maria và đồng thời nâng cao tất cả những người nghèo Ítraen làm tôi tớ Chúa (*Lc 1,48.52.54*). Ítraen luôn luôn thuộc dân Chúa chọn, nhưng giây phút chọn lựa quy về Maria, đáng đại diện cho những người nghèo Giavê. Kể từ nay, nghèo khó đối với Maria triển nở nơi việc tự dâng hiến cho bản thân và công việc Con ngài để phục vụ nhân loại.

2. Từ nay tất cả muôn thế hệ sẽ khen tôi diễm phúc.

Luca 1,48 dùng động từ “diễm phúc” nhằm diễn tả: Tuyên dương (là) có phúc hoặc đánh giá (là) có phúc. Động từ phát sinh từ tính từ “có phúc”. Một hình thức văn chương thường được gọi các mối phúc. Trong Luca 1,45, Elisabeth đã ngợi khen Maria, mẹ Đấng thiên sai “Phúc cho kẻ đã tin...”. Nơi chính miệng Maria, từ lại nói rộng. Maria được đầy phúc vì lời Thiên Chúa hứa được hoàn thành, nghĩa là việc làm mẹ Đấng thiên sai hoàn thành nơi ngài. Khi viết những chữ này, chắc hẳn Luca nghĩ đến lời Đức Giêsu nói trong 11,28: “Phúc hơn nữa cho những ai nghe lời Thiên Chúa và tuân giữ lời ấy”. Maria được tuyên dương có phúc làm nổi bật đức tin Maria và ý định Thiên Chúa. Đấng ban cho ngài tất cả ân huệ (1,28-30) và hoàn tất sự liên tục lịch sử ơn cứu độ.

3. Vì Đấng Toàn năng đã làm cho tôi những điều lớn lao. Danh Ngài là thánh. Lòng tốt của Ngài trải lan từ đời nọ đến đời kia trên những người kính sợ Ngài (câu 49-50).

Lý do câu 49-50 tạ ơn không chứa đựng những điều gì khác lạ. Thật thế, câu văn lấy lại những lời nói Cựu ước với những nội dung đặc biệt rất phong phú.

3.1. Đấng Toàn năng đã làm cho tôi những điều lớn lao

Tương tự giữa bài ca Magnificat với các bản văn Cựu ước cho thấy câu 49a là một lời nói cổ điển nơi lịch sử Giavê cứu độ dân Ítraen (Đnl 10,21; Hc 50,22). Tất cả các biến cố xảy ra trong bài ca Magnificat có danh hiệu “Toàn năng”. Trong nội dung trực tiếp Tin mừng Luca 1-2, ở đoạn truyền tin “quyền năng Đấng tối cao” phải đến nơi Maria (1,35). Trong câu văn, Maria được hiểu như thánh cung để Con Thiên Chúa đến cư ngụ. Vào phần cuối cuộc gặp gỡ giữa Maria với thiên sứ Gabriel, ngài lại được Thiên thần trấn an: “không có gì mà Thiên Chúa không làm được”. Thiên Chúa cho biểu lộ một dấu chỉ về quyền năng của Người nơi Elisabeth, và dấu chỉ cũng sẽ thể hiện nơi Maria.

Khi tuyên xưng Thiên Chúa “Đấng Toàn Năng”, Maria nói trước nguyên lý theo Tin mừng Luca “điều gì con người không thể làm thì Thiên Chúa có thể làm” (Lc 18,27). Bài Magnificat nêu lên việc Thiên Chúa làm những điều lớn lao nơi Maria, như thế xác quyết Đức Giêsu đến là một việc làm cao cả của Thiên Chúa, một cao điểm ưu thế trong lịch sử cứu độ.

3.2. Danh Người là Thánh

Thành ngữ trong bài ca Magnificat bắt nguồn từ các bản văn Cựu ước, xác quyết long trọng Thiên Chúa siêu việt và nội dung Thánh

của Người. Tước hiệu “Thánh” trong Cựu ước chủ yếu nói về Thiên Chúa, nhưng cũng áp dụng (một cách tương đối) cho những gì dâng hiến cho Người, đặc biệt dân Chúa.

Luca đã áp dụng tính từ cho Đức Giêsu trong lời tuyên bố quan trọng về bản tính Chúa Kitô lúc truyền tin (1,35). Maria bấy giờ đầu tiên tiếp nhận điều Thiên Chúa mạc khải nơi Đức Giêsu. Đức Giêsu “thánh” vì Người chủ thể hành vi Thiên Chúa nhân hậu. Hành động Thiên Chúa cứu độ trong Cựu ước được tiếp nối trong Tân ước.

3.3. Và lòng khoan hậu của Người từ đời này đến đời kia đối với những ai kính sợ Người.

Maria đầy lòng tin, đón nhận và chuyển đạt lòng khoan hậu Chúa qua hành động làm cho Đấng Thiên Sai đến. Trong bài ca, lòng Thiên Chúa khoan hậu đặc biệt hướng đến những ai kính sợ Chúa. Trong Kinh Thánh, lòng kính sợ Thiên Chúa làm nền tảng tất cả mọi thái độ tôn giáo chân thật. Đây không phải sợ hãi Thiên Chúa, nhưng nhìn nhận sự kiện Thiên Chúa vượt lên trên sức lực con người và Người không thể tùy thuộc vào uốn nắn tài trí kẻ hữu hạn.

Bài ca Magnificat trước hết nhấn mạnh đến ân huệ lòng khoan hậu nơi Thiên Chúa ban cho Maria, kẻ đại diện cho Ítraen. Ngài hiện thân tiêu biểu việc Thiên Chúa thực thi lòng yêu thương đối với con người. Rồi nhờ ngài, ơn cứu độ được thực hiện hoàn thành những lời hứa đối với tổ tiên. Cuối cùng sứ điệp áp dụng cho tất cả những ai tin vào Đức Giêsu Đấng Cứu Độ. Chúa Kitô kiểu mẫu lòng khoan hậu Thiên Chúa muôn đời, để mọi người nhờ Người kết thành dân Thiên Chúa mới.

C. Thiên Chúa bên vực những người bé nhỏ

Maria nhìn ngắm tình trạng biến chuyển đạo đức sắp được hoàn thành. Những kẻ kiêu căng, những người quyền thế và những người giàu có bị hạ xuống, trong khi những người khiêm hạ và người nghèo được nâng lên. Trong lời cảm ơn, Maria, thiếu nữ Sion, tung hô Thiên Chúa toàn năng thực thi lòng khoan hậu và đảo ngược hoàn cảnh với Chúa Kitô xuất hiện.

C.1. Luca 1,51: “Người đã làm (thực thi) sức mạnh của cánh tay Người. Người làm rã tan những người kiêu căng trong tâm tưởng của họ”.

Trong bài Magnificat, Luca dùng thành ngữ “cánh tay Người” để xếp Đức Giêsu xuất hiện ngang tầm với những biểu dương vĩ đại quyền năng Thiên Chúa như tạo dựng, xuất hành và thời chung mãn. Thật thế, biến cố Đấng Thiên Sai nơi Giêsu như một giải thích cho Ítraen, đồng thời mở ra những thời mới cho vũ trụ. Phần hai câu 51 cho hay việc Chúa can thiệp “làm rã tan những kẻ kiêu căng nơi tâm lòng họ”. Thành ngữ cũng rất quen thuộc với văn chương Cựu ước (St 11,1 9; Đnl 28,64; 30,3; Gr 9,15; 13,24; 18,17; 23,1; 30,4...). Câu văn cần được giải thích dưới ánh sáng Cựu ước. Thiên Chúa hành động nhằm hạ bệ những ý đồ cao ngạo những người chống lại Thiên Chúa, những kẻ kiêu căng. Thường trong Cựu ước họ được diễn tả như những kẻ thù của Thiên Chúa. Trong thư gửi Rôma, Phaolô xếp kẻ kiêu căng vào danh sách tội của kẻ ngoại đạo (Rm 1,30).

Trong Tin mừng về thời thơ ấu, Maria được trình bày như kẻ khiêm tốn tuyệt vời. Ở đoạn truyền tin và ở phần đầu bài Magnificat cho thấy lòng khiêm nhường rõ ràng dựa vào lòng tin tưởng nơi Thiên Chúa. Maria được tuyên dương “kẻ có phúc” vì lòng khiêm tốn (Lc 1,48b). Qua Maria, nỗi hân hoan tràn trề trên tất cả những người khiêm tốn (Lc 1,52). Thiên Chúa dùng sức mạnh cứu người

khiêm tốn, những kẻ đặt niềm tin vào Người, nhưng đồng thời Thiên Chúa cũng giơ tay làm tan rã quân thù. Hình ảnh Thiên Chúa dường như thiên vị, nhưng Thiên Chúa yêu mọi người, vì thế Người đứng lên chống lại những kẻ dùng bạo lực, của cải, hoặc lòng vị kỷ phá hại đời sống kẻ khác. Nếu Người lật nhào những kẻ quyền thế khỏi ngai, và làm tan tác những kẻ kiêu căng, để cho họ tìm lại nhân tính của chính họ.

C.2. Luca 1,52-53: Người đánh đổ những người quyền thế khỏi ngai (của họ) và nâng người khiêm tốn lên; những kẻ đói khát, Người thỏa mãn (họ) bằng của cải, những kẻ giàu, Người đuổi (họ) đi hai tay không có gì.

Các câu 52 và 53 xác quyết Thiên Chúa đến cứu giúp những kẻ nghèo và những kẻ bé bỏng chống lại những kẻ giàu và quyền thế.

C.21. Người lật nhào những người quyền thế khỏi ngai và nâng người hèn mọn lên.

Những chữ trong đảo từ nhắc nhớ lại từ ngữ được dùng ở trong các câu 48-49. Đấng (quyền năng) (câu 49) đã làm nên những việc cao trọng cho Maria, nhưng ở đây Người lật nhào những người tự nghĩ mình như “những kẻ quyền năng” (câu 52a). Nhưng Đấng đã “nhìn đến phận hèn của nữ tì Người” (câu 48) cũng là Đấng “nâng những kẻ hèn mọn” lên. (câu 52). Câu văn công hiến hai hình ảnh: Những kẻ quyền năng nên dịch đúng hơn kẻ có quyền thế (54) và ngai (55) dấu chỉ tượng trưng cho sức mạnh những kẻ có quyền thế. Chính Thiên Chúa nâng cao kẻ hèn mọn. Việc nâng cao đã được bà Anna ngợi ca trong bài tụng ca: “*Chúa sẽ phán xét toàn trái đất. Ngài sẽ ban cho vua của Ngài quyền năng, Ngài sẽ nâng cao trán của Đấng Thiên Sai Ngài gửi đến*” (1Sm 2,10). Đề tài Thiên Chúa ưu đãi đối với kẻ có lòng khiêm hạ cũng được thấy trong câu chuyện ông Gióp.

Trong bài thuyết, Eliphaz xin ông Gióp đừng phàn nàn nữa. Thiên Chúa đến giúp ông vì Người chỉ sửa dạy những kẻ trung tín hầu chữa lành và cho họ biết đến hạnh phúc (G 5,11).

Chính Chúa nâng cao kẻ hèn mọn và đôi khi nâng họ lên đến tận quyền năng chúa tể. Maria ở vào trong hàng ngũ những kẻ hèn mọn và nghèo. Thiên Chúa đã nhìn đến cô trong “lòng khiêm cung” (Lc 1,48). Đồng thời Maria cũng như mẫu mực những người nghèo được Thiên Chúa nâng lên (Lc 1,52). Do đó Maria lòn mình vào những kẻ nhỏ mọn để trở thành kiêu mẫu tuyệt vời những người nghèo Thiên Chúa. Nơi Maria, hoàn thành việc hèn mọn được nâng lên và nơi niềm hy vọng được thỏa mãn.

C.22. Những người đói khát, Người thỏa mãn bằng của cải

Những kẻ đói khát có nghĩa “đói” hay “bị cơn đói làm cơn cào”. Động từ nhằm chỉ người không có gì để nuôi sống. (St 41,45; Is 8,21; 2V 7,12; Tv 107,36.41; G 24,4.10; Tb 4,7.16). Những người đói khát thuộc thành phần những người nghèo không có phương tiện cần thiết để sống và không cách gì có được lương thực tối thiểu nuôi thân.

Câu 53 chắc chắn nhằm nói đến những người nghèo đói. Những người biết lương thực không phải chỉ của vật chất, nhưng Tin mừng cho họ còn ở bình diện tâm linh. Sự đói khát tinh thần tiếp nhận một mở ra và sẵn sàng tiếp nhận Thiên Chúa, cũng như khiêm cung trước mặt Người. Trong Tin mừng thời thơ ấu, Luca giới thiệu những khuôn mặt mẫu về những người nghèo: Dacaria và Elisabeth, Simon và Anna và nhất là Maria. Magnificat bài ca về lòng nghèo khó. Nghèo khó hầu như về mặt kinh tế, nhưng cũng liên quan đến những thái độ nội tâm. Người nghèo quay về với Thiên Chúa và không nương cậy vào một trợ lực nào về phía con người. Khi hát Thiên Chúa đã đổ đầy của cải cho người đói khát, Maria loan báo Thiên Chúa bên đờ

người nghèo khó. Và lời loan báo sẽ kéo dài trong tương lai, từ nay mời gọi những người nghèo hãy hy vọng vào Thiên Chúa. Thiên Chúa trung tín và quyền năng hơn con người. Sự kiện đã được minh chứng trong Cựu ước. Khi dân kêu đến Thiên Chúa, Người hành động cho họ hết đời: “*Người đã ban cho họ bánh từ trời để cho họ khỏi đói và đã làm cho nước từ tảng đá phun lên để giải cơn khát của họ*” (Lc 9,15). Bài Magnificat mở ra một niềm hy vọng cho kẻ nghèo như một trong những câu Cách ngôn đã từng hát: “*Chúa không cho phép kẻ công chính phải đói*” (10,3). Đây không phải một vay trả, nhưng trong Magnificat, Luca muốn tuyên dương đặc ân những người nghèo; và Maria trong lời tạ ơn, xác quyết về niềm hy vọng cho một tương lai tốt đẹp hơn, dành cho những ai thiếu thốn những gì cần thiết để sống.

C.23. Những người giàu, Người đuổi đi, tay không.

Những người giàu ở đây có nghĩa những người mãi làm giàu. Thực ra, họ tạo nên một lớp người giàu với tâm tưởng riêng. Trong bài ca Magnificat, Luca mạnh dạn quả quyết những kẻ làm giàu bất chính không chia sẻ sẽ bị đuổi về tay không. Maria hát lên rằng Thiên Chúa đuổi những người giàu đi không có gì trong tay. Tình trạng đảo lộn diễn tả ngay từ bây giờ những người giàu có không có của cải thật bền vững vì họ không thể hưởng đến những ơn ích cứu độ. Ở đây người giàu giống như người Pharisêu cho mình đạo hạnh, không màng xin Thiên Chúa một điều gì nữa (Lc 18,9-18). Vì thế những người giàu không tiếp nhận được ân sủng nào vì họ tin không cần gì cả.

D. Luca 1,54-55 Thiên Chúa bênh đỡ Ápraham và con cháu người

Những câu 54-55 được xem như phần kết. Maria suy gẫm sự kiện hoàn thành trong mình. Lòng Thiên Chúa khoan hồng thực hiện những lời hứa đối với dân Ítraen. Với từ “Ítraen” ghi ở câu 54, lời

dùng chữ nói đến “chủng tộc” xác định Thiên Chúa chọn “noi” Người hành động.

D.1. Người đã giúp Ítraen tôi tớ Người

Từ ngữ Hy Lạp “tôi tớ” thường được dịch cũng có thể chỉ một đứa trẻ (Mt 17,18; Lc 2,43; 9,42; Cv 20,12) một đứa con (Mt 8,6; Ga 4,51) hay một người con gái nhỏ (8,52). Trong câu Luca 7,7 chữ này được vị đội trưởng La mã nói đến người “nô lệ” của ông. Trong Luca 1,54 được dùng nói đến Ítraen. Thành ngữ thông dụng trong Cựu ước. Thật thế “tôi tớ” thường dùng chỉ một người được Chúa chọn hầu trở nên “tôi tớ Thiên Chúa”. Danh xưng bấy giờ trở thành một tước hiệu danh dự vì “Thiên Chúa chỉ định đầy tớ Người”, kẻ được gọi để hợp tác thực thi ý định của Người. Tước hiệu gán cho những người đóng một vai trò quyết định trong lịch sử dân Thiên Chúa (x. St 32,11; Xh 14,31; Ds 12,7; Đnl 34,5; 1V 8,56...). Cuối cùng Cựu ước thường gọi Ítraen tôi tớ Chúa. Trong một bài tụng ca tạ ơn Thiên Chúa vũ trụ và Đấng bênh đỡ cho Ítraen, tác giả thánh vịnh nhắc lại rằng lòng Chúa khoan hậu thúc đẩy Người có những hành động tác tạo trời đất và điều hành lịch sử “*Để lại cho Ítraen, tôi tớ Người làm gia sản, vì Người muôn đời luôn trung kiên*” (136,22). Ítraen được chọn để phục vụ Thiên Chúa. Công việc phục vụ không phải chỉ hoàn thành những việc phụng tự nhưng “*một tổng hợp những tâm tình và cách suy nghĩ, của cả con người mình, một thái độ và một cuộc sống linh hoạt bởi một đức tin sâu xa, một tình cảm tôn giáo thấm nhập cả đời sống, trong sự biến mình, tận tụy, vâng lời cần mẫn, hoàn toàn trung tín*” (Georges Auzou).

D.2. (Để) nhớ lại lòng khoan hậu

Dầu Ítraen tôi tớ không phải khi nào cũng trung tín, nhưng Thiên Chúa vẫn không bỏ vì Thiên Chúa đã nhớ lại lòng khoan hậu

của mình. Trong Cựu ước, động từ “nhớ lại” thuộc từ ngữ kiểu mẫu gắn liền với giao ước giữa Thiên Chúa và dân Người đã chọn. Một mặt, Thiên Chúa đòi hỏi Ítraen nhớ lại những ân huệ đã qua, hoặc những điều luật xin Ítraen trung tín và vâng phục. Mặt khác, Ítraen cũng xin Thiên Chúa nhớ lại giao ước, những lời Người hứa để xin bênh đỡ mình.

Động từ “nhớ lại” xuất hiện hai lần trong Luca 1-2 và trong các bài ca ngợi có những liên hệ về ngữ vựng Cựu ước. Động từ “nhớ lại” do đó, gắn chặt với sự kiện Thiên Chúa cứu độ được tán dương qua biến cố Đấng Thiên Sai đến. Từ nay lòng Thiên Chúa khoan hậu được thực hiện cho tội tớ Ítraen trong Đức Giêsu. Thật vậy, trong Tin mừng thời thơ ấu, Luca trình bày Đức Giêsu như sự cứu độ của Ítraen. Trong buổi truyền tin, thiên sứ Gabriel giải thích cho Maria rằng cô sẽ làm mẹ Chúa Kitô, vua Ítraen từng được trông đợi từ bấy lâu (Lc 1,31-33). Sau khi Gioan Tẩy Giả sinh ra, Dacaria cảm tạ ơn cứu độ từ Đấng Thiên Sai (1,68-79). Trong lúc Đức Giêsu sinh ra, thiên thần báo cho các mục đồng hôm nay “trong thành Đavít, một Đấng Cứu Độ đã sinh ra cho các người, đó là Chúa Kitô” (2,11). Đức Giêsu là “niềm an ủi cho Ítraen” (2,25) và Siméon nhận ra lời Thiên Chúa hứa đã thực hiện, vì mắt tôi đã thấy ơn cứu độ của Người, mà Người đã dọn sẵn trước mặt mọi dân tộc, là ánh sáng để soi dẫn cho dân ngoại và vinh quang Ítraen (2,30-32). Cuối cùng Chúa Kitô là “sự giải thoát cho Giêrusalem” (2,38). Cũng như trong buổi truyền tin, Maria làm phát ngôn cho dân Ítraen để ca tụng Thiên Chúa. Việc Ngôi Hai nhập thể là hiện thân, thấy trước mắt lòng khoan hậu Thiên Chúa. Một giải thoát dứt khoát cho con người cũng như xưa kia Thiên Chúa đã giải thoát Ítraen tội tớ Người.

D.3. Như Người đã từng nói với cha ông chúng tôi, cho Ápraham và hậu duệ ông ấy đến muôn đời.

Ápraham nhân vật duy nhất được nêu đích danh trong bài Magnificat. Ông lại xuất hiện trong bài ca Dacaria. Luca nói đến Ápraham trong các bài ca ngợi để nhắc lại lời Chúa hứa cho tổ phụ. Tác giả Tin mừng thứ ba, trước tiên cho hình ảnh Ápraham như một nhân vật lịch sử. Trong một vài đoạn, Luca đưa nhân vật Ápraham vào một bối cảnh thời chung mãn (13,28 tt). Tổ phụ mang một ý nghĩa chung mãn vì “ở với Ápraham” có ý nghĩa chắc chắn sẽ được cứu độ vào ngày cuối cùng. Luca nhấn mạnh các lời tiên tri hoàn thành khi nhắc đến hình ảnh người Do thái, chứ không được gọi cha những người tin như trường hợp trong các bản văn Phaolô. Việc quy chiếu vào Ápraham trong bản Magnificat cũng như trong bài ca Bénedictus lấy lại mẫu mực các bản văn Cựu ước, nhấn mạnh đến việc Chúa làm nhằm bênh đỡ dân Người, vì Chúa nhớ lại giao ước với các vị tổ phụ (*Xh 2,24; 6,3-4; 32,13; Tv 105, 8-11; Mt 7,20*).

Ở buổi truyền tin, ơn cứu độ được loan báo cho Maria và từ nay được thực hiện. Từ miệng Maria, người thiếu nữ Ítraen, lời hứa cho Ápraham được hoàn thành vì Maria biết dân không còn sống trong thời trông đợi Đấng Thiên Sai đến để mang hành động bênh đỡ tất cả mọi người trong mọi thời đại. Ơn cứu độ ban cho mọi người. Luca đã loan báo đề tài này trong bài ca ngợi của Syméon (*Lc 2,32*) “Ánh sáng để mạc khải cho dân ngoại” (*Cv 2,39; 3,25-26; 13,46-47*). Maria Mẹ Đấng cứu độ, hậu duệ Ápraham, ngay từ bây giờ chia sẻ lời chúc phúc đã hứa cho tổ phụ.

Kết luận

Chúng ta thường lầm khi nghĩ rằng hát Magnificat để cầu nguyện lên cùng Đức Maria. Magnificat đúng hơn lời Đức Maria cầu nguyện lên Thiên Chúa. Magnificat bài ca cứu độ vì nội dung loan báo những mối phúc và đảo ngược hoàn cảnh với Đức Giêsu. Khi xướng lên

ca tụng Thiên Chúa, Maria hát lên ơn cứu độ đã hoàn thành từ bây giờ cũng như muôn thế hệ trong Giáo hội sẽ ca tụng. Vì vậy bài ca Magnificat không chỉ một bài ca xưa cũ nhưng rất hiện đại. Ngày nay, rất nhiều nhóm trong Giáo hội lấy bài Magnificat để tiếp tục ca tụng Thiên Chúa như một chương trình cho cuộc sống với một nhãn quan đạo đức.

Vào thời đại hôm nay, thánh thi Magnificat còn đưa đến cho nhân loại một sức mạnh mới. Giải thoát trong bài thánh thi được tiếp nhận như lời hứa cho tất cả những ai dẫn thân tranh đấu giải phóng cá nhân con người và các dân tộc. Như tất cả các văn bản Kinh Thánh, thánh thi Magnificat được tiếp nhận trong lịch nhiều cách chú giải văn chương và nghĩa bóng. Tác giả L.Schottroff¹ chống lại việc cho ý nghĩa “nghèo” trong thánh thi một ý nghĩa hoàn toàn thiêng liêng. Không thể nào tách biệt hai dạng thái “nghèo”, vì những người nghèo không có của cải gắn liền tâm hồn họ vào thế gian; và cũng không có gì ngăn cản họ tận hiến cho những đòi hỏi của Nước Thiên Chúa.

Đối với những nhà thần học thuộc thế giới đệ tam, dạng thái xã hội học trở nên cần thiết để đôi khi họ chỉ thấy chiều kích ngang mà quên đi chiều kích thẳng. Nhà thần học G.Gutierrez² coi thấy trong thánh thi Magnificat một “tinh thần giải phóng”, một cách sống Tin mừng cụ thể, được Chúa Thánh Thần hướng dẫn bước đi và mang tình liên đới với tất cả nhân loại trong Thiên Chúa. Theo nghĩa đó, thánh thi Magnificat là một kinh nguyện mẫu cho mọi kinh và mọi lời tạ ơn; và thánh thi Magnificat cũng thuộc một trong những văn bản Tân ước với nội dung mang âm hưởng chính trị và giải phóng. Bài ca kêu

¹ L.Schottroff, Das Magnificat und die älteste Tradition über Jesus von Nazareth, EvTh 38 (1978), trang 298-312.

² G.Gutierrez, Théologie de la libération. Perspectives, traduction F.Malley, Bruxelles 1974, trang 206-212.

gọi chồng lại mọi áp bức nếu như muốn đi theo đúng dẫn con đường Thiên Chúa lịch sử.

F34. Đức Giêsu ra đời: Luca 2,1-21.

Những người chăn chiên đến viếng thăm

Thời ấy, hoàng đế Augútô ra chiếu chỉ, truyền kiểm tra dân số trong khắp cả thiên hạ. Đây là cuộc kiểm tra đầu tiên, được thực hiện thời ông Quiriniô làm tổng trấn xứ Xyri. Ai nấy đều phải về nguyên quán mà khai tên tuổi. Bởi thế, ông Giuse từ thành Nadarét, miền Galilê lên thành vua Đavít tức là Bêlem, miền Giuđê, vì ông thuộc gia đình dòng tộc vua Đavít. Ông lên đó khai tên cùng với người đã thành hôn với ông là bà Maria, lúc ấy đang có thai. Khi hai người đang ở đó, thì bà Maria đã tới ngày mãn nguyệt khai hoa. Bà sinh con trai đầu lòng, lấy tã bọc con, rồi đặt nằm trong máng cỏ, vì hai ông bà không tìm được chỗ trong nhà trọ.

Trong vùng ấy, có những người chăn chiên sống ngoài đồng và thức đêm canh giữ đàn vật. Bỗng sứ thần Chúa đứng bên họ, và vinh quang của Chúa chiếu toả chung quanh, khiến họ kinh khiếp hãi hùng. Nhưng sứ thần bảo họ: “Anh em đừng sợ. Nay tôi báo cho anh em một Tin mừng trọng đại, cũng là Tin mừng cho toàn dân: Hôm nay, một Đấng Cứu Độ đã sinh ra cho anh em trong thành vua Đavít, Người là Đấng Kitô Đức Chúa. Anh em cứ dấu này mà nhận ra Người: anh em sẽ gặp thấy một trẻ sơ sinh bọc tã, nằm trong máng cỏ.” Bỗng có muôn vàn thiên binh hợp với sứ thần cất tiếng ngợi khen Thiên Chúa rằng:

“Vinh danh Thiên Chúa trên trời,
bình an dưới thế cho loài người Chúa thương.”

Khi các thiên sứ từ biệt mấy người chăn chiên để về trời, những người này bảo nhau: “Nào chúng ta sang Bêlem, để xem sự việc đã xảy ra, như Chúa đã tỏ cho ta biết.” Họ liền hối hả ra đi. Đến nơi, họ gặp bà Maria, ông Giuse, cùng với Hài Nhi đặt nằm trong máng cỏ. Thấy thế, họ liền kể lại điều đã được nói với họ về Hài Nhi này. Nghe các người chăn chiên thuật chuyện, ai cũng ngạc nhiên. Còn bà Maria thì hằng ghi nhớ mọi kỷ niệm ấy, và suy đi nghĩ lại trong lòng. Rồi các người chăn chiên ra về, vừa đi vừa tôn vinh ca tụng Thiên Chúa, vì mọi điều họ đã được mắt thấy tai nghe, đúng như đã được nói với họ.

Khi Hài Nhi được đủ tám ngày, nghĩa là đến lúc phải làm lễ cắt bì, người ta đặt tên cho Hài Nhi là Giêsu; đó là tên mà sứ thần đã đặt cho Người trước khi Người được thụ thai trong lòng mẹ.

Các tác giả như René Laurentin¹, và Raymond Brown² nhấn mạnh nghệ thuật hành văn Luca trong đoạn văn thuộc thể loại Midrash³. Trong đó nơi cảnh sau mang dấu ấn những văn bản Cựu ước về Bethlehem như Mikha 5,1-5 và Migdal Eder (vọng gác đàn vật) như Mikha 4,8; Sáng thế 35,19-21.

- **Câu 1-5:** Dưới triều hoàng đế Auguste (Augútô): Thánh Luca thường hay nói về thời gian. Nơi chương 3,1-2 tác giả cũng cho biết thời gian ông Gioan bắt đầu “*Năm thứ mười lăm dưới triều hoàng đế Tibêriô, thời Phongxiô Philatô làm tổng trấn miền Giuđê, Hêrôđê làm tiểu vương miền Galilê, người em là Philipphê làm tiểu vương*

¹ René Laurentin, Structure, trang 99-101.

² Raymond E. Brown, Birth of Mesia, trang 422-423.

³ Midrash, mang nguồn gốc Hípri darash = giải thích. Từ ngữ Hípri chỉ định một phương pháp chú giải. Phương pháp mang sắc thái như một bài giảng. Về số nhiều từ midradhim chỉ định những sách văn chương như chú giải Kinh Thánh được gom lại thành một bộ sưu tập.

miền Iturê và Trakhônít, Lyxania làm tiểu vương miền Abilên, 2 Khanan và Caipha làm thượng tế, có lời Thiên Chúa phán cùng con ông Dacaria là ông Gioan trong hoang địa”. Nơi chương 1,5 tác giả cho biết việc truyền tin cho ông Dacaria xảy ra dưới thời vua Hêrôđê. Viễn ảnh mang màu sắc Do thái và gắn liền vào lời hứa. Nơi chương 2, việc hoàn thành bắt đầu và mở rộng ra toàn cõi đế quốc La mã. Khi khẳng định việc cứu độ xảy ra trong lịch sử đưa đến màu sắc chính trị: Khẳng định Kitô học làm lấp đi khuôn mặt Auguste cũng được thần dân kính trọng như vị thần; ngược lại ông Giuse và bà Maria cũng chấp nhận tuân theo sắc lệnh Auguste chống lại tư tưởng nhóm Xêlôtê; vì thế tác giả Luca chỉ trích hệ tư tưởng quyền hành chính trị cũng như nhóm Xêlôtê.

Ngày nay việc kiểm tra dân số không còn được coi quan trọng, nhưng thời bấy giờ Auguste làm kiểm tra dân để đưa kế hoạch về quân sự lẫn thuế má. Trong Cựu ước với thí dụ Đavít cho thấy cái nguy hiểm việc kiểm tra dân (2Sm 24 và Sbn 21). Dân thuộc về Thiên Chúa, vì thế mọi vua chúa không có quyền kiểm tra dân nhưng chỉ nhờ vào sức mạnh Thiên Chúa. Chỉ một mình Thiên Chúa mới có quyền kiểm tra dân Người (Ds 1,26). Câu hỏi đặt ra tác giả Luca có biết Thánh vịnh 86 (87) với lời giải thích thiên sai cho Đấng Thiên Sai được sinh ra trong thời kiểm tra dân số phổ quát? Thật ra, tại Ítraen người ta chống đối việc kiểm tra, vì thế chấp nhận theo việc kiểm tra của quân đô hộ La mã là từ chối Thiên Chúa Ítraen? Vấn đề đã phân chia dân tộc Ítraen, và theo sử gia Flavius Josèphe nó làm khai sinh ra phong trào Xêlôtê.

Có hai từ cần phân biệt: “apographe = ghi danh, kiểm tra, kiểm kê”; và “apotimesis = lượng định, đánh giá”. Từ “apographe” bao gồm việc ghi danh từng người (tuổi tác, nghề nghiệp, khai sinh...) để

thi hành nhiệm vụ quân sự và đóng thuế; Từ “apotimesis” kiểm kê tài sản và tiền lương.

Theo các văn bản đời, Auguste đã muốn làm kiểm tra một số tỉnh hay lượng định số tài sản. Và cuộc kiểm tra đó được làm theo định kỳ mỗi mười bốn năm, nhất là tại Ai cập. Nhưng không bao giờ có cuộc kiểm tra duy nhất trên toàn cõi đế quốc. Vì thế theo các sử gia, Luca đã sai lệch theo dữ kiện chính xác. Theo niên biểu Luca (1,5.24.26.39.56.67) cho biết đang còn dưới triều đại Hêrôđê đại đế hoặc một ít lâu sau ông vừa qua đời (4 trước công nguyên). Nhưng theo Flavius Josèphe, tổng trấn Quiriniô chỉ đến xứ Syrie vào năm thứ 6 công nguyên để trở thành tổng trấn một tỉnh đế quốc (legatus Augusti pro praetore), và ông làm kiểm tra tại xứ Syrie, Palestine, cũng như thanh toán của cải ông Archelaus, con vua Hêrôđê Cả vừa bị truất phế. Vì thế thời gian niên biểu theo Luca hoàn toàn không tương ứng với những gì theo Flavius Josephe đưa ra. Và nhiều học giả cố gắng tìm điểm hài hòa giải quyết vấn nạn trên nhưng chưa có giải pháp ổn thỏa.

Trong câu 4, Luca hiểu áp dụng sắc chỉ và cũng là lý do đưa ông Giuse làm cuộc hành trình về Bethlehem. Thế nhưng, việc kiểm tra dân số thường tổ chức tại nơi mình cư ngụ chứ không phải nơi sinh ra. Tác giả Luca chắc chắn biết luật lệ này, nhưng đã thay đổi để nhắm đến hướng thần học, và đưa ông Giuse và bà Maria từ Nazareth về lại thành thiên sai Bethlehem.

- Câu 6-7.21: Đức Giêsu sinh ra

Ông Giuse và bà Maria đã đến nơi, và ngày “hoàn thành” biên cố tự nhiên và con người. Luca dùng từ “prototokos = con đầu lòng” không có nghĩa Đức Giêsu còn có những người em theo xác thịt sau đó. Từ rất hiếm thấy ngoài Kinh Thánh, gọi nhắc các tổ phụ sinh ra hay Ítraen hiện hữu như con đầu lòng của Thiên Chúa. Vì thế, tác

giả Luca đặt Đức Giêsu vào tương quan ưu tiên với Thiên Chúa, chứ không vào những người anh em theo xác thịt.

Như câu văn 6, câu văn 21 nói về hoàn thành các ngày; vì vậy việc được thể hiện theo đúng chương trình trong Luca 1,26-38. Đức Giêsu một trẻ nhỏ Do thái, nhập vào dân của lời hứa: Nhận dấu chỉ Thiên Chúa trung thành và giao ước với Ítraen qua việc cắt bì. Tác giả đưa ra dữ kiện nhưng không giải thích, tại vì theo tác giả một Kitô hữu không phải người Do thái, việc cắt bì không cần thiết. Tác giả không từ chối Đức Giêsu thuộc người Do thái và việc sinh ra và thời niên thiếu thuộc giao ước cũ. Điều quan trọng nơi tương lai trẻ nhỏ, và qua đó tương lai dân Chúa. Thời gian đức tin và phép rửa sẽ thay thế việc cắt bì.

Câu 7b nói về nơi sinh ra. Từ nguyên gốc “kataluma” không có nghĩa quán trọ như thường hiểu. Quán trọ có từ “pandocheio” như thấy trong 10,34. “Kataluma” chỉ định một nơi dừng chân, tháo giày cương cho súc vật hay bỏ hành lý khỏi súc vật xuống đất, và người ta có thể nghỉ qua đêm. Dân tộc gốc Sêmit sau này khá trễ mới có những quán trọ hay khách sạn dưới ảnh hưởng người Hy Lạp. Khách lữ hành thường được tiếp đón trong các nhà dân. Thời Tân ước, ngoài những nhà dân tiếp đón, còn có những nhà khách nơi các Hội đường, những chòi cất cho khách hành hương, những nơi dừng chân, những quán trọ và trạm du khách, những “mutationes” (trạm dừng cho những con vật kéo xe); những “mansiones” để nghỉ qua đêm trong các thành phố. Từ “kataluma” được dùng ở đây với nghĩa chung chung. Rất có thể như một nơi trong một ngôi nhà dành cho khách lữ hành nghỉ qua đêm.

- Câu 8-13: Các mục đồng

Tác giả Luca không nói gì thêm về việc Đức Giêsu sinh ra, và nói tiếp đến những mục đồng. Những văn bản Rabbi thường chỉ trích

nhóm mục đồng, thế nhưng nhóm họ lại có vai trò tích cực trong Kinh Thánh. Dân Ítraen thường được coi như dân tộc chăn chiên đối chọi lại với các nước lân bang thuộc thành phố hay nông dân định cư. Ngoài ra dân Ítraen còn dùng tước hiệu chăn chiên để chỉ định Thiên Chúa, nhà vua hay Đấng Thiên Sai.

Sách ngôn sứ Edêkien chương 34, chỉ trích những người chăn chiên xấu xa (câu 1-10), Thiên Chúa quy tụ dân như Đấng chăn chiên thật, Thiên Chúa phán xét đàn chiên tức là dân, những con cừu đực, những con dê đực tức là những thủ lãnh (câu 16-22), và cuối cùng lời loan báo người chăn chiên cánh chung (câu 25-31). Ngược lại Luca 2,8-20 không mang hình ảnh tiêu cực về những người chăn chiên. Trong thành Đavít, gần “tháp các đàn vật”, những người chăn chiên trở thành những đại diện cho dân và những người đầu tiên nghe Tin mừng. Với đoạn văn Mikha 5, điều chờ đợi cho Bethlehem không phải việc Đấng Mêsia sinh ra, nhưng Đấng chăn chiên thiên sai sinh ra.

Thời gian ban đêm phác họa biến cố bất chợt cũng như tình hình đen tối của dân tộc Ítraen. Hình ảnh những mục đồng tìm thấy trẻ Giêsu giống như lý do đến từ truyền thống Hy - La nói về Ædipe, Pâris và Romulus. Câu văn 8 còn cho biết đám mục đồng canh đàn vật ngoài đồng, và tác giả Homère cũng đã nói các mục đồng sống trong cánh đồng và ngủ đêm ngoài trời.

Câu 9 cho biết mạc khải từ một thiên thần, nhưng Luca không trình bày thiên thần đó là ai. Thiên thần “*aggelos kurios* = sứ giả Thiên Chúa” như trong Luca 1,1, vì thế có thể là thiên thần Gabriel. Luca còn cho biết thêm: Vinh quang Thiên Chúa xuất hiện và bao trùm các mục đồng. Tương phản giữa đêm tối và ánh sáng như thấy trong đoạn văn thiên sai trong sách Isaia 9,1 “*Dân đang lặn bước giữa*

tối tăm, đã thấy một ánh sáng huy hoàng; đám người sống trong vùng bóng tối, nay được ánh sáng bừng lên chiếu rọi”. Thời gian sửa soạn (1,11.26) đã qua đi, và hôm nay (câu 11) triều đại Thiên Chúa đến gần rồi. Vinh quang Thiên Chúa không chiếu rọi máng cỏ, nhưng thiên thần và sứ điệp. Ngoài ra, Luca còn nói việc hoảng sợ Thiên Chúa cũng lớn (câu 9). Tác giả không định nghĩa đức tin, nhưng viết lên bằng những tác dụng như hành động Thiên Chúa không thể quay trở lại. Vinh quang Thiên Chúa không hiện hữu nếu như không có triều thần thiên quốc. Nó không biến mất, không bị gian hãm trong Đền thờ, nhưng sống động và rực chiếu ngay từ bây giờ và tại đây. Vinh quang Thiên Chúa biểu lộ trong Xuất hành (16,10), cho ông Môsê (*Xh* 24,16-18; 33,18-23; 34,29-35). Vinh quang ngự trong Đền thờ (*Sbn* 7,1) và trên trời (*Tb* 12,15). Các Thiên thần rời vinh quang để xuống trần gian (*Tb* 3,16-17).

Thiên sứ hoàn thành sứ vụ (câu 10-12), cho biết sứ vụ là một tin vui. Các mục đồng giữ vai trò trung gian đưa sứ vụ đến cho mọi người. Tin vui nơi người Con được sinh ra. Câu 11 các mục đồng biết tin vui. Từ “hôm nay” đánh dấu sự hoàn thành và tính hiện tại. Khi Thiên Chúa hành động trong cuộc sống, chính hôm nay mà ta nghe thấy tiếng Người (*Hr* 3,7-4,13). Thiên thần báo tin sinh hạ bằng một từ dễ hiểu cho người Do thái và Hy Lạp: “soter” (Đấng cứu thế). Tước hiệu giữ vai trò quan trọng thời bấy giờ, nhất là trong hệ tư tưởng chính trị quyền hành Hy Lạp. Luca lấy tước hiệu cho Đấng Mêsia, và trong những chương đầu mang hình ảnh một thiên sai cứu chữa. Trong Kinh Thánh LXX, tước hiệu dành cho những đấng cứu độ Ítraen do Thiên Chúa dấy lên (*Tl* 3,9-15), hoặc chính Thiên Chúa làm như Thánh vịnh 24,5.

Luca không những cho Đức Giêsu sinh ra tại thành Đavít theo lịch sử nhưng còn theo Kinh Thánh như việc hoàn thành lời sấm Mikha 5,1. Địa danh gắn liền sắc thái thiên sai của Đấng cứu độ. Thế nhưng tước hiệu “christos kurios = Kitô-Đức Chúa” hơi khác thường. Trong Cựu ước “christos kurios” được gọi Đấng được Thiên Chúa xúc dầu. Thời thánh Luca, tước hiệu “kurios” thuộc thành phần Kitô học, nhưng để hai tước hiệu vào với nhau “christos kurios” không thấy có nơi nào khác trong Tân ước. Luca muốn nhấn mạnh quyền Đức Giêsu lãnh chúa cũng như sứ vụ cứu độ. Đối với một độc giả Do thái tước hiệu “christos” gắn với Bethlehem cho ý nghĩa quá rõ ràng; nhưng đối với người Hy Lạp phải thêm từ “Kurios” để khẳng định quyền lãnh Chúa. Quyền hành đấng Mêsia đi với việc xúc dầu trong Do thái giáo, và cũng thấy có đây đó đi với tước hiệu “kurios” cho dù trong Kinh Thánh LXX tước hiệu chỉ dành riêng cho Thiên Chúa. Vì thế “christos kurios” như tước hiệu truyền thống trong Do thái giáo nói tiếng Hy Lạp (*Ac* 4,20 và *Tv* 17,32).

Câu 12 Luca đưa ra một dấu chỉ: Đức Giêsu, trẻ sơ sinh bọc tã như dấu chỉ Đức Giêsu Cứu Độ, Đấng Mêsia và Đức Chúa. Quần tã một trẻ mới sinh là một việc bình thường bên Palestine, ngược lại với cách thực hành bên Ai cập. Điều đi ra cái bình thường và kết thành một dấu chỉ là “phaten”. Ý nghĩa đầu tiên theo Homère “máng ăn”, nhưng cũng có thể mang thể “chuồng”, và bên xứ Giuđê một khoảng không gian có mái che một nửa, đôi lúc được thiết kế trong một hang đá để nuôi súc vật. Cho dù có tương phản giữa “kataluma và phanen” nhưng phải lấy từ “phanen” theo nghĩa đầu tiên. Trong những đất đai sở hữu lớn, người ta làm những chuồng trong các hang đá, nhưng tại trong nhà nông dân “máng ăn cho súc vật và nhà ở thường chung nhau trong một gian lớn”. Ngoài ra cũng biết có những chuồng súc vật ở tầng dưới nhà, hoặc những máng ăn lộ thiên như trong sân một nông

trại. Máng ăn thường làm bằng đá, đục trong vách một hang đá vì gỗ quá đắt.

- *câu 13-14: Lời các Thiên thần chúc tụng*

Giống như trong sách Isaia 6,1-2 vinh quang Thiên Chúa và vô số thiên thần hợp nhau. “Bỗng nhiên” (nhấn mạnh phép lạ), các mục đồng tham dự vào phụng vụ trên trời. Luca không nhắm vào ánh nhìn các mục đồng đang chiêm ngắm nhưng vào cơ binh, triều thần bao quanh Thiên Chúa, Đức Chúa vua. Một thị kiến “một đoàn cơ binh trên trời” (IV 22,19). Theo truyền thống, Thiên thần khai nhập một cuộc thần hiện (Thiên Chúa xuống gần chúng ta), và cơ binh thiên thần “những tôi tá của Người” là hai lý do hoàn toàn độc lập, nhưng Luca tại đây kết hợp lại hai điều và cho mỗi “người” có chức năng khác nhau. Thiên thần loan báo mang sắc thái mạc khải (câu 10-12), và nhóm thiên thần dùng cho việc phụng vụ và ca đoàn kết cục (câu 13-14). Điều các Thiên thần ca hát mang mạc khải Kitô học các câu 10-12 trong một bối cảnh rộng lớn về giao ước Thiên Chúa với dân Người.

Nhưng vinh quang Thiên Chúa không tụ lại cho mình nhưng chiếu tỏa ra giữa các mục đồng. Bình an đồng hành với vinh quang và mang sắc thái giao ước Thiên Chúa dành cho dân Người (câu 14). Bình an thể hiện bây giờ qua việc Đấng Mêsia được sinh ra. Mọi dân thân người đời cho bình an đều gắn liền với bình an đó. Bình an như ân huệ Thiên Chúa.

Bài ca chúc tụng mang cấu trúc một thánh thi hai phần. Phần thứ hai dài hơn phần nhất tương ứng với những kinh nguyện Do thái. Các thiên thần không nêu danh Đức Giêsu, nhưng trong lời kinh (câu 14), họ giải nghĩa sinh nở (câu 6-7) và bổ túc ý nghĩa con người của Người (câu 10-11). Đức Giêsu Mêsia và Đức Chúa sinh hạ như một

biến cố cánh chung được giải thích bằng Lời Chúa làm bùng nổ vui mừng nơi các thiên thần và điểm hài hòa giữa phụng vụ trên trời và bình an dưới thế.

- Câu 15-20: Các mục đồng thăm viếng

Câu 15 cho biết cơ binh thiên thần đến từ trời và các mục đồng không phải chỉ thấy một thị kiến. Các mục đồng được Ngụy thư Tiên Tin mừng Giacôbê 18,2-3 nói đến rõ hơn, nhưng ở đây họ bàn tính với nhau. Rồi họ vội vàng lên đường, và cuộc viếng thăm được diễn đạt bằng câu văn ngắn 16b “*Đến nơi, họ gặp bà Maria, ông Giuse, cùng với Hai Nhi đặt nằm trong máng cỏ*”.

Câu 17-18: “*Thấy thế, họ liền kể lại điều đã được nói với họ về Hai Nhi này. Nghe các người chần chừ thuật chuyện, ai cũng ngạc nhiên*” lấy lại lý do thường thấy trong một số trình thuật về phép lạ: Người bệnh hoạn được chữa lành kể lại tiến trình họ được cứu chữa.

Câu 19 “*Còn bà Maria thì hằng ghi nhớ mọi kỷ niệm ấy, và suy đi nghĩ lại trong lòng*”. Đức Maria ở cùng tình trạng như các mục đồng giống như ông Dacaria trước gia đình và bà con họ hàng (1,63-67). Những từ Luca dùng trong câu văn cũng khác thường với những gì tác giả thường sử dụng: “*Eutereo = ghi nhớ*”; “*sumballo = bỏ vào cùng nhau*”. Những từ diễn đạt một thái độ tích cực. Đức Maria mẫu gương những người tin cần phải hiểu và diễn giải. Đức Maria hiểu những gì đã thấy và đã nghe. Đức Maria không giải thích bằng tri thức nhưng với ý chí và với cảm xúc trong con tim mình.

Kết luận

Ngôn ngữ đoạn văn đặc trưng Luca, và nội dung tương ứng với chương trình thần học của tác giả: Nơi Đức Giêsu hoàn thành hành vi cứu độ chung cục của Thiên Chúa. Luca diễn tả thật đơn sơ việc

Đức Giêsu sinh ra. Điều kỳ diệu nơi cảnh mạc khải cho các mục đồng đang canh giữ đàn vật chung quanh vùng. Họ được Thiên sứ đến báo Tin mừng và vinh quang Thiên Chúa bao trùm họ. Những kẻ bị xã hội thời đó khinh bỉ nhất trở nên những người đầu tiên đón nhận mạc khải. Họ đã đến nơi Đức Giêsu sinh ra và sau đó lại lên đường loan báo và tôn vinh Thiên Chúa. Luca ghi thêm “*còn bà Maria thì hằng ghi nhớ mọi kỷ niệm ấy và suy đi nghĩ lại trong lòng*”. Nếu như trong ngày thăm viếng bà chị họ, Đức Maria làm bung nổ đức tin qua bài ca Magnificat, giờ đây đức tin thể hiện nơi chiêm ngắm và thình lạng.

F35. Tiên dăng Đức Giêsu cho Thiên Chúa Luca 2,22-40

Khi đã đến ngày lễ thanh tẩy của các ngài theo luật Môsê, bà Maria và ông Giuse đem con lên Giêrusalem, để tiến dâng cho Chúa, như đã chép trong Luật Chúa rằng: “Mọi con trai đầu lòng phải được gọi là của thánh, dành cho Chúa”, và cũng để dâng của lễ theo Luật Chúa truyền, là một đôi chim gáy hay một cặp bồ câu non. Hài ấy ở Giêrusalem, có một người tên là Simêôn. Ông là người công chính và sùng đạo, ông những mong chờ niềm an ủi của Ítraen, và Thánh Thần hằng ngự trên ông. Ông đã được Thánh Thần linh báo cho biết là ông sẽ không thấy cái chết trước khi được thấy Đấng Kitô của Đức Chúa. Được Thần Khí thúc đẩy, ông lên Đền Thờ. Vào lúc cha mẹ Hài Nhi Giêsu đem con tới để chu toàn tập tục Luật đã truyền liên quan đến Người, thì ông ẵm lấy Hài Nhi trên tay, và chúc tụng Thiên Chúa rằng:

*“Muôn lạy Chúa, giờ đây
theo lời Ngài đã hứa,
xin để tôi tớ này được an bình ra đi.
Vì chính mắt con được thấy ơn cứu độ
Chúa đã dành sẵn cho muôn dân:
Đó là ánh sáng soi đường cho dân ngoại,*

là vinh quang của Ítraen Dân Ngài.”

Cha và mẹ Hài Nhi ngạc nhiên vì những lời ông Simêôn vừa nói về Người. Ông Simêôn chúc phúc cho hai ông bà, và nói với bà Maria, mẹ của Hài Nhi: “Thiên Chúa đã đặt cháu bé này làm duyên cớ cho nhiều người Ítraen ngã xuống hay đứng lên. Cháu còn là dấu hiệu cho người đời chống báng; và như vậy, những ý nghĩ từ thâm tâm nhiều người sẽ lộ ra. Còn chính bà, một lưỡi gươm sẽ đâm thấu tâm hồn bà.”

Lại cũng có một nữ ngôn sứ tên là Anna, con ông Ponuên, thuộc chi tộc Ase. Bà đã nhiều tuổi lắm. Từ khi xuất giá, bà đã sống với chồng được bảy năm, rồi ở goá, đến nay đã tám mươi tư tuổi. Bà không rời bỏ Đền Thờ, những ăn chay cầu nguyện, sớm hôm thờ phượng Thiên Chúa. Cũng vào lúc ấy, bà tiến lại gần bên, cảm tạ Thiên Chúa, và nói về Hài Nhi cho hết những ai đang mong chờ ngày Thiên Chúa cứu chuộc Giêrusalem.

Khi hai ông bà đã làm xong mọi việc như Luật Chúa truyền, thì trở về nơi cư ngụ là thành Nadarét, miền Galilê. Còn Hài Nhi ngày càng lớn lên, thêm vững mạnh, đầy khôn ngoan, và hằng được ân nghĩa cùng Thiên Chúa.

Sau nhị bản về truyền tin và sinh hạ, Chúa Thánh Thần biểu lộ nơi bà Elisabeth và Đức Maria. Giờ đây đến lượt ông Simêôn và bà Anna. Trình thuật Thăm viếng kết thúc chu kỳ loan báo và kết lại chung nhau. Trình thuật Tiến dâng kết thúc chu kỳ sinh hạ và hoàn thành lời: “Vì chính mắt con được thấy ơn cứu độ”. Trình thuật Tiến dâng Đức Giêsu trở thành bản đầu tiên của nhị bản kết thúc: Việc tiến dâng Đức Giêsu tại Giêrusalem nối theo việc thăm viếng Đền thờ. Nhưng trong phần một mối liên hệ hoàn toàn giữa Đức Giêsu và cha mẹ và phần hai cho thấy cái khoảng cách giữa họ (2,41-52). Trong Tin

mừng Luca mọi việc đều đi đôi hoặc trong một loạt song song. Ví dụ như trong sách Công vụ tông đồ cũng thấy những nhóm đôi như vậy: Phêrô và Gioan, Banaba và Saolê... không quên Đức Maria và ông Giuse trong trình thuật thời thơ ấu, Đức Maria và những người anh em Đức Giêsu khi Công vụ bắt đầu (1,14). Đức Maria không bao giờ một mình nhưng chỉ thấy trong đoạn truyền tin thôi.

Luca khám phá ra sao khuôn mặt Đức Maria trong trình thuật tiền dâng Đức Giêsu trong Đền thờ, đồng hành với hai nhân chứng vạch ra ý nghĩa: Simêôn dưới luồng Thánh Thần và bà Anna ngôn sứ? Điểm tương phản nơi đây muốn nhấn mạnh mối liên kết tiếp nối giữa Đức Giêsu và Ítraen tại Đền thờ, và cái khoảng cách sâu giữa Ítraen hiện tại và những thực tại mới mẻ. Sứ điệp Simêôn gọi lên khoảng cách đau buồn đó, và lời sấm Anna tiếp tục báo cho “những ai đang mong chờ ngày Thiên Chúa cứu chuộc Ítraen” tức là sự giải phóng họ (Lc 2,34-35.38).

Trình thuật nêu rõ, cha mẹ Đức Giêsu giữ theo luật Môsê, đưa Đức Giêsu vào Đền thờ dâng hiến. Hai lần tác giả Luca nói cha mẹ Đức Giêsu đưa Đức Giêsu vào Đền thờ theo Luật (2,22-23.27), thế nhưng trong Kinh Thánh không nói đến điều này. Theo sách Lêvi 12,6-8: *“Khi mãn thời gian thanh tẩy, dù sinh con trai hay con gái, nó phải đem đến cho tư tế, ở cửa Lều Hội Ngộ, một con chiên một tuổi làm lễ toàn thiêu, và một bồ câu non hay một chim gáy làm lễ tạ tội. Tư tế sẽ tiến dâng chúng trước nhan Đức Chúa và cử hành lễ xá tội cho nó và nó sẽ được thanh tẩy sau khi đã xuất huyết. Nếu không có*

phương tiện kiếm được chiên, thì nó sẽ bắt một đôi chim gáy hay một cặp bò cừ non, một con để làm lễ toàn thiêu, một con để làm lễ tạ tội. Tư tế sẽ cử hành lễ xá tội cho nó, và nó sẽ ra thanh sạch” (x. Lv 5,7). Hành vi chỉ dành cho người đàn bà hoàn thành sau 40 ngày nếu như sinh một con trai, và 80 ngày nếu sinh đứa con gái. Ngoài ra, việc thực hồi con đầu lòng cũng có khác biệt. Theo sách Xuất hành 13,1-2, Thiên Chúa nói cùng ông Môsê: “*Hãy thánh hiến cho Ta mọi con so, mọi con đầu lòng trong số con cái Ítraen, dù là người hay là thú vật: nó thuộc về Ta*”. Theo sách dân số, mỗi con đầu lòng cần phải được thực hồi bằng giá mười lăm chỉ bạc và phải làm trong tháng khi mới sinh (3,47 và 18,16). Lần này chính người cha làm và cũng không cần phải dâng tiến trẻ nhỏ vào Đền thờ. Tác giả Luca làm rối bời những hành vi phụng tự trên và nói đến việc thanh tẩy cha mẹ đứa trẻ (Lc 2,22). Vì thế, điều quan trọng nơi Luca nơi việc đưa con trẻ vào Đền thờ theo như bà Anna đã làm cho trẻ nhỏ Samuen (1Sm 1,22-28). Luca cũng muốn cho thấy cha mẹ Đức Giêsu nhiệt thành với Lê Luật và gắn bó vào Ítraen. Đức Giêsu được đưa vào Đền thờ và gắn với Đấng Người sẽ gọi Cha của Ta. Thế nhưng khi Luca gắn bó vào việc tôn kính Đền thờ cũng gây nên khó khăn cho tương quan giữa các Kitô hữu và Ítraen, hay tương quan giữa những Kitô hữu và những người kính sợ Thiên Chúa bao quanh với nhóm người Kitô hữu đến từ dân ngoại. Lời Simêôn cho thấy Đức Maria bị chạm bởi những vết thương và xâu xé khác nhau, từ bất đồng giữa các môn đệ, hay ngay từ những người anh em Đức Giêsu với các môn đệ khác, và việc đó xảy ra ngay trước khi Đức Giêsu chịu chết, và sau đó còn mãnh liệt hơn.

- **Câu 25-35:** Lời Simêôn chúc phúc gây ngạc nhiên cho cha mẹ Đức Giêsu (2,33) và kèm theo một lời sấm cho Đức Maria. Ông Simêôn mở đầu diễn đạt niềm vui (2,25-32) nhưng lời sấm loan báo những ngày đen tối (2,34-38). Hai đoạn va chạm nhau: Một mở ra

ơn cứu độ cho mọi dân tộc giống như Ítraen, và hai lại nhắm Ítraen. Trong thế giới Do thái thế kỷ thứ I, một quan niệm tôn giáo phổ quát cũng đã có như thấy trong thánh thi Anna với ông ngụy Philon, và trong đó cũng có niềm tin mạnh mẽ đầy nghiêm khắc liên quan cách xử sự. Nếu như ơn cứu độ Thiên Chúa trải dài ra cho mọi dân tộc theo cái nhìn người Pharisêu, nhưng tương quan và cách cư xử giữa Ítraen và các dân tộc cũng còn nóng bỏng. Việc đó cũng đúng trong các cộng đồng Kitô hữu tiên khởi bị xâu xé giữa nhau.

Theo Luật Môsê, cha mẹ Đức Giêsu đi hành hương Giêrusalem, và Chúa Thánh Thần linh hứng cho ông Simêôn tuyên lời sấm trên trẻ nhỏ và mẹ Người. Người Do thái gương mẫu “công chính và đạo đức” đang chờ đợi “niềm an ủi cho Ítraen” (câu 25) tức là thời đại thiên sai. Chủ đề an ủi thường thấy tác giả Đệ nhị Isaia đề cập (40, 1tt), và từ Hípri “Manahem = an ủi” trở thành một trong những tước hiệu dành cho Đấng Mêsia. Vì vậy, sau bà Elisabeth và ông Dacaria tràn đầy Thánh Thần, ông Simêôn đồng hóa Đức Giêsu như “Chúa Kitô của Đức Chúa” hay “Đấng Mêsia của Đức Chúa” như vua Saun chỉ định Đavít trong 1Samuen 24,7. Vị vua được Thiên Chúa xúc dầu để trị vì trên Ítraen và cứu dân Thiên Chúa. Ông Simêôn đang trông chờ cái chết bông ẵm trên tay niềm hy vọng. Trong thể văn những bài ca Kinh Thánh, thánh thi Simêôn đã cho thấy sứ vụ Đức Giêsu. Vị ngôn sứ đã thấy dấu chỉ loan báo, và việc chờ đợi Đấng Mêsia đã chấm dứt. Ôn cứu độ loan báo bởi Isaia (40,5) và ông Dacaria (*Lc* 1,69.71.77) đã khai mạc từ đây với chiều kích phổ quát. Theo Luca, chân trời vượt khỏi dân tộc Ítraen và mọi dân tộc đều liên quan như lời Simêôn loan báo lấy theo lời ngôn sứ Isaia 42,6: “*Ta là Đức Chúa, Ta đã gọi ngươi, vì muốn làm sáng tỏ đức công chính của Ta. Ta đã nắm tay ngươi, đã*

gìn giữ người và đặt làm giao ước với dân, làm ánh sáng chiếu soi muôn nước” (x. Is 49,6)¹.

Tiếp đến Simêôn đưa lời sấm đôi liên quan đến Đức Giêsu và Đức Maria (2,24-35): “*Thiên Chúa đã đặt cháu bé này làm duyên cớ cho nhiều người Ítraen ngã xuống hay đứng lên. Cháu còn là dấu hiệu cho người đời chống báng; và như vậy, những ý nghĩ từ thâm tâm nhiều người sẽ lộ ra. Còn chính bà, một lưỡi gươm sẽ đâm sâu tâm hồn bà*”. Một dấu chỉ đối ngược hay phản kháng đến nỗi lưỡi gươm đâm xuyên tin Đức Maria. Trẻ nhỏ quần tã trong hang đá mang dấu chỉ hạnh phúc trở thành một dấu chỉ phân chia. Giống như Ítraen bị phân chia, mẹ Đức Giêsu bị tổn thương sâu thẳm. Nơi đây thấy rõ chủ đề Kinh Thánh về chia rẽ các tâm hồn, nhưng khó quy chiếu vào một văn bản nào chính thức, nhưng có thể lấy bài ca người tơi tở đau khổ với hình ảnh một Ítraen bị một số người ghét bỏ nhưng lại được một số người khác tôn vinh (Is 52,13–53,12 và Is 49,3). Theo lời Simêôn tuyên sấm, Đức Maria hiện diện trong xâu xé, một cắt đứt bởi lưỡi gươm như ngôn sứ Êdêkien loan báo: “*Hoặc là nếu Ta đem gươm đến phạt xứ ấy và phán: Gươm đao phải rảo qua khắp xứ và Ta sẽ diệt trừ cả người lẫn súc vật khỏi xứ này*” (14,17). Lưỡi gươm phân chia Ítraen chỉ để “số sót lại”. Theo Luca, Đức Maria luôn gắn bó vào Ítraen bằng cách sinh Đức Giêsu và người đầu tiên chịu thử thách xâu xé của dân tộc.

Xâu xé trước hết một cắt đứt nội tâm, giữa một Ítraen tuyên xưng Đấng Mêsia và Ítraen từ chối Đấng Mêsia; và cắt đứt giữa những

¹ Theo tác giả ngụ ngôn Philon, khi trẻ nhỏ Samuen được tiến dâng trong Đền thờ, khuôn mặt ngôn sứ Samuen được ít nhiều thiên sai hóa với những từ ngữ mượn từ sách ngôn sứ Isaia. Vì thế, nếu tác giả Mátthêu nhìn trẻ nhỏ Giêsu theo khuôn mặt ông Môsê, tác giả Luca biên soạn trình thuật thời thơ ấu Đức Giêsu theo những truyền thống về ông Samuen.

nhóm theo Phaolô mở rộng ra các dân tộc và những nhóm Do thái tuyên xưng Đức Giêsu như nhóm ông Giacôbê muốn gìn giữ liên hệ với Ítraen cũ. Sau thời sứ vụ Phaolô và thành Giêrusalem bị thiêu hủy, Luca muốn kết lại mối liên hệ giữa các cộng đoàn Kitô hữu với những diễn từ khác biệt. Luca làm theo cách riêng đưa khuôn mặt Phaolô gần Do thái hơn nhưng vẫn giữ Tin mừng cho mọi dân tộc. Vì thế tác giả cho khuôn mặt Đức Maria giữ cân bằng giữa các nhóm khác biệt, cho nên trái tim ngài bị xé nát. Đức Maria như khuôn mặt đại kết, và căng thẳng về hiệp nhất bắt đầu với đau khổ ý thức về những chia rẽ nội bộ. Sau ông Simêôn, Luca đưa một khuôn mặt phụ nữ khác. Bà Anna giúp tác giả tái lập mối liên hệ thời gian trước và thực tại hôm nay.

- **Câu 36-39**: Sau vị ngôn sứ đến phiên nữ ngôn sứ. Luca cho biết tên bà giống như tên mẹ ngôn sứ Samuen: Anna, một người đàn bà “kính sợ Thiên Chúa từ hồi còn trẻ” giống như ông ngụy Philon viết. Bà 84 tuổi, một tuổi khá lớn đối với thời bấy giờ, và một bà góa đạo đức tham gia vào việc phụng tự ngày và đêm. Tác giả Luca hơi cường điệu điểm này, vì trên nguyên tắc không ai có quyền vào Đền thờ ban đêm. Luca đưa ra nơi đây hình ảnh lý tưởng một bà góa Kitô hữu giống như thư thứ nhất gửi Timôthê (5,5) phác họa. Bà Anna cũng chỉ định Đấng Mêsia, và với ông Simêôn, hai người làm chứng đúng theo Luật Môsê đòi hỏi để nhìn nhận biến cố cứu độ (Đnl 19,15). Tác giả Luca thường có hình ảnh tích cực đối với phụ nữ trong cuốn Tin mừng, vì thế ông đưa ra hình ảnh bà Anna như chứng nhân đi ngược lại với xã hội thời bấy giờ không cho phép người phụ nữ làm chứng công cộng. Lời sấm Simêôn mang cảnh u tối, với bà Anna cảnh mở ra tươi sáng hơn.

Cuối cùng so sánh câu Luca 2,40: “*Còn Hài Nhi ngày càng lớn lên, thêm vững mạnh, đầy khôn ngoan, và hằng được ân nghĩa cùng*”

Thiên Chúa” và Luca 2,52: “*Còn Đức Giêsu ngày càng thêm khôn ngoan, thêm cao lớn và thêm ân nghĩa đối với Thiên Chúa và người ta*” về việc Đức Giêsu ngày càng lớn lên, khôn ngoan và ân sủng với những gì ông Gioan được nơi 1,80: “*Cậu bé càng lớn lên thì tinh thần càng vững mạnh. Cậu sống trong hoang địa cho đến ngày ra mắt dân Ítraen*”. Con trẻ lớn lên như trẻ nhỏ Samuen lớn và “*Thiên Chúa ở cùng ông*” (1Sm 3,19 và 2V 10,10). Luca nhấn mạnh đến khôn ngoan (Lc 7,35; 11,31.49; 21,15; Cv 6,3.10; 7,10.22) và ân sủng Thiên Chúa. Hai điểm quan trọng theo Luca. Khôn ngoan là lý tưởng các kinh sư và các nhà luật thời bấy giờ, và họ được coi như “*những hiền nhân*”, và phẩm chất đó giờ đây được áp dụng cho Đức Giêsu. Nó cũng coi như sửa soạn cho cuộc gặp gỡ giữa Đức Giêsu và các nhà thông thái thời bấy giờ ở đoạn văn kế tiếp. Còn ân sủng Thiên Chúa được áp dụng trong Tin mừng thời thơ ấu cho Đức Maria và Đức Giêsu (1,28.30 và Lc 2,40.52). Nếu như con trẻ lớn lên và thêm vững mạnh gần Thiên Chúa và loài người, Đức Maria đầu tiên chứng giám dưới dấu chỉ ân sủng Thiên Chúa.

Trong đoạn văn Luca 2,22-40, Luca làm nổi bật gương Đức Maria tuân giữ lề luật, và tiên báo việc Đức Maria hiến tế con trong hy tế thập giá. Hôm nay không còn các cơ binh thần thánh tuyên xưng con trẻ lớn lao nhưng chỉ còn hai nhân chứng tầm thường mang niềm hy vọng cho Ítraen. Ông già Simêôn bồng con trẻ trong tay chúc tụng Thiên Chúa vì nhìn thấy ơn cứu độ, ánh sáng mạc khải cho dân ngoại và vinh quang Ítraen. Giuse và Maria sùng sốt. Simêôn còn loan báo những đau khổ Đức Maria phải gặp. Thảm kịch đã thấp thoáng. Simêôn xác quyết bi kịch của Đức Giêsu, và trong tấm bi kịch đó có Đức Maria hiện diện. Đoạn hai ông bà và con trẻ trở về Nazareth.

F36. Đức Giêsu ngồi giữa các bậc thầy Do thái: Luca 2,41-52

Hằng năm, cha mẹ Đức Giêsu tráỵ hội đền Giêrusalem mừng lễ Vượt Qua. Khi Người được mười hai tuổi, cả gia đình cùng lên đền, như người ta thường làm trong ngày lễ. Xong kỳ lễ, hai ông bà trở về, còn cậu bé Giêsu thì ở lại Giêrusalem, mà cha mẹ chẳng hay biết. Ông bà cứ tưởng là cậu về chung với đoàn lũ hành, nên sau một ngày đường, mới đi tìm kiếm giữa đám bà con và người quen thuộc. Không thấy con đâu, hai ông bà trở lại Giêrusalem mà tìm.

Sau ba ngày, hai ông bà mới tìm thấy con trong Đền thờ, đang ngồi giữa các thầy dạy, vừa nghe họ, vừa đặt câu hỏi. Ai nghe cậu nói cũng ngạc nhiên về trí thông minh và những lời đối đáp của cậu. Khi thấy con, hai ông bà sùng sốt, và mẹ Người nói với Người: “Con ơi, sao con lại xử với cha mẹ như vậy? Con thấy không, cha con và mẹ đây đã phải cực lòng tìm con!” Người đáp: “Sao cha mẹ lại tìm con? Cha mẹ không biết là con có bốn phận ở nhà của Cha con sao?” Nhưng ông bà không hiểu lời Người vừa nói.

Sau đó, Người đi xuống cùng với cha mẹ, trở về Nadarét và hằng vâng phục các ngài. Riêng mẹ Người thì hằng ghi nhớ tất cả những điều ấy trong lòng. Còn Đức Giêsu ngày càng thêm khôn ngoan, thêm cao lớn và thêm ân nghĩa đối với Thiên Chúa và người ta.

Luật Môsê ghi phải làm ba cuộc hành hương mỗi năm nhân dịp ba lễ trọng trong Do thái giáo: Vượt qua, Ngũ tuần và lễ Lều. Thế nhưng, người dân giữ phong tục đi hành hương lên Giêrusalem một lần, và Do thái kiều cư lại càng khó giữ luật lệ hơn nữa. Đàn bà và trẻ em dưới mười ba tuổi không phải tuân giữ luật này, nhưng điều đó không ngăn cản cha mẹ công con trên vai như Rabbi Shammai ghi nhận. Trong vòng bảy ngày lễ Vượt qua và lễ Lều, người ta cầu nguyện nơi sân Đền thờ, và họ có thể thấy các rabbi và các học trò học kinh Tora dưới các cột Đền thánh, hoặc trong phòng gọi “ha-Gazith” (bằng đá

đèo). Sau lễ, những đoàn khách hành hương ra về nhưng canh chừng không được vượt quá ba hoặc bốn giờ đi bộ hằng ngày, vì thế việc trở lại làng Nazareth mất khoảng một tuần lễ. Theo Luca, một đoàn hành hương trong đó có cha mẹ Đức Giêsu và ông bà hoàn toàn tin tưởng vào nhau. Và họ đã không thấy Đức Giêsu suốt cả một ngày. Điểm nêu lên với chủ ý nhấn mạnh khoảng cách bắt đầu khơi mào giữa con trẻ với cha mẹ. Đức Giêsu mười hai tuổi giống như trẻ Samuen theo sử gia Flavius Josèphe. Theo ông Ngụy Philon, gia đình Samuen cũng làm cuộc hành hương dịp lễ Vượt qua. Đức Maria và ông Giuse gặp thử thách có thể cần thiết, cuộc khủng hoảng tuổi thiếu niên đưa người trẻ cắt đứt một tình yêu hợp nhất để khẳng định căn tính. Tất cả nhắm vào lời nói đầu tiên của Đức Giêsu: “*Cha mẹ không biết là con có bốn phận ở nhà của Cha con sao?*” (2,49). Đức Giêsu đưa vào vị trí tương quan với Người mà Người gọi là Cha, như thế đã mạc khải chính căn tính Người. Lời lại càng đanh thép đến sau lời Đức Maria quở trách: “*Con ơi, sao con lại xử với cha mẹ như vậy? Con thấy không, cha con và mẹ đây đã phải cực lòng tìm con!*”. Để kết thúc Tin mừng thời thơ ấu, nơi chính trung tâm Đền thờ, tác giả Luca kết tóm kitô học nơi Cộng đoàn ông. Đức Giêsu “Con Thiên Chúa”, Người đã thừa cùng cha mình “Cha tôi” (2,49). Từ cũng tìm thấy nơi đoạn cuối cuốn Tin mừng Luca, từ thập giá đến Sống lại (Lc 23,46 và 24,49). Trong Cựu ước về ông Samuen và theo Ngụy Philon đều nói Thiên Chúa gọi ông Samuen trong Đền thờ. Thiên Chúa gọi ông ba lần bằng cách nhái giọng cha Samuen. Và theo truyền thống Do thái, sau đó Thiên Chúa xác định: “*Ta không phải cha ngươi, nhưng Thiên Chúa của cha ngươi*” (xem Midrash Exode Rabba: Exode 3,6).

Ngoài ra văn bản nói hai lần đến “khôn ngoan của Đức Giêsu” (2,40 và 52) lấy lại một trong những chủ đề thường thấy, được biết đến trong các văn bản thời thơ ấu các anh hùng trước đó. Con trẻ Môsê có khôn ngoan người Ai cập theo truyền thống “aggadique” (truyền thống truyền khẩu được ông Têphanô lấy lại theo Công vụ 7,22). Theo Luca, giữa Đền thờ ngay trung tâm điểm Do thái, Đức Giêsu “ngồi giữa các thầy dạy”. Người lấy chỗ các rabbi, và được mọi người ngưỡng mộ “về trí thông minh”. Ông Ngụy Philon cũng chỉ định Samuen như “ánh sáng khai sinh ra khôn ngoan”.

Tóm lại, khi lên 12 tuổi, Đức Giêsu lại lên Đền thờ lần thứ hai. Nếu lần trước, Đức Giêsu được mặc khải qua bài thánh ca “Nunc Dimittis” và sấm ngôn Simêôn, giờ đây Đức Giêsu tỏ bày khôn ngoan cho các tiến sĩ luật, cùng lúc nêu lên mối liên hệ với Cha trên trời. Ông Giuse và bà Maria lại ngạc nhiên thêm một lần nữa. Luca còn nhấn mạnh “nhưng ông bà không hiểu lời Người vừa nói”. Người đọc Tin mừng cũng ngạc nhiên khi đọc thấy Đức Maria không hiểu gì khi chính ngài đã nhận được nhiều mặc khải đến từ thiên sứ Gabriel, các mục tử, ông già Simêôn... Thật vậy, ánh sáng trong ngày thăm viếng Elisabeth dường như xa vời. Trong hành trình đức tin, Đức Maria cũng có giai đoạn đi trong tăm tối khi mầu nhiệm Con Thiên Chúa chưa tỏ dạng, những đêm tối mà thánh Phaolô nhắc trong thư thứ nhất gửi giáo đoàn Côrintô 13,12: *“bây giờ chúng ta thấy lờ mờ như trong một tấm gương, mai sau sẽ được mặt giáp mặt. Bây giờ tôi chỉ biết có ngần có hạn, mai sau tôi sẽ được biết hết như Thiên Chúa biết tôi”*. Dù không hiểu nhưng Đức Maria không bỏ cuộc. Khi trở về Nazareth, Đức Maria lại một lần nữa *“ghi nhớ tất cả các điều ấy trong lòng”*.

F4. Công vụ các Tông đồ 1,14

Sau khi Đức Giêsu về trời, cộng đoàn tiên khởi tụ họp tại một ngôi lầu trên với ba nhóm. Nhóm đầu tiên gồm 11 môn đệ, tiếp đến nhóm các bà trong đó có thân mẫu Đức Giêsu, và cuối cùng nhóm “anh em” Đức Giêsu. Đức Maria được chỉ định trong nhóm các bà chứ không cùng nhóm anh em Đức Giêsu. Một cách nào đó, ngài đã “tách rời” khỏi nhóm họ hàng và thật tình liên đới với nhóm các bà đã đến chăm sóc mộ Đức Giêsu. Nhóm giữ vai trò quan trọng trong việc khai sinh lòng tin vào sự sống lại vì họ là chứng nhân. Trong đó, chỉ một mình Đức Maria được nêu danh tánh là thân mẫu Đức Giêsu, trung tâm điểm gạch nối giữa các môn đệ và nhóm anh em Đức Giêsu. Đức Maria giữ vai trò đặc biệt trong cộng đoàn tiên khởi hình ảnh Giáo hội sắp khai sinh, mang lòng tin vượt qua thử thách lớn. Đức Giêsu đã chết, nhưng Đức Maria còn lại với các môn đệ và anh em để cầu nguyện đợi chờ Chúa Thánh thần. Một dân tộc mới được khai sinh từ việc Đức Giêsu vắng bóng nhờ Chúa Thánh Thần.

Thật vậy, văn bản Công vụ tông đồ 1,14 phong phú đồng thời rất đơn giản. Vai trò Đức Maria không biết rõ hơn nhưng chỉ biết mẹ ở với các tông đồ và những anh em, nhưng anh em cho đến nay dường như ở bên phía kẻ không tin, vì Gioan cho biết: “*anh em Ngài không tin vào Ngài*” (7,5). Nhưng vào thời kỳ giữa lúc Chúa Giêsu lên trời và Thánh Thần hiện xuống, mười một tông đồ, Đức Maria và các anh em cùng nhau cầu nguyện chờ đợi Thánh Thần.

Dữ kiện đầu tiên xác nhận lòng tin Đức Maria. Sự kiện hẳn không làm ngạc nhiên sau khi đọc Tin mừng thời thơ ấu. Nhưng đối với anh em Đức Giêsu phải xem đó như một cái gì mới và rất đáng lưu ý. Việc

phải được liên kết với câu chuyện Chúa Kitô hiện ra với Giacôbê được Phaolô kể lại: “*Tiếp đến, Người hiện ra với ông Giacôbê, rồi với tất cả các Tông Đồ. Sau hết, Người cũng đã hiện ra với tôi, là kẻ chẳng khác nào một đứa trẻ sinh non*” (1Cr 15,7). Người ta suy ra Đức Giêsu có can thiệp nơi thân quyền Người sau khi sống lại. Đức Giêsu có hiện ra lần nào với Maria không: Hẳn phải đáng tin nhưng vì không có một lời nào nói đến chuyện đó trong Tân ước, nên khi phải nói đến, có lẽ không chống cũng không bênh. Điều đã được viết ra giữa Chúa Phục Sinh và Thánh Thần hiện xuống, Đức Maria cầu nguyện với mười một tông đồ, Mẹ đã đi vào hiệp nhất và niềm hy vọng của Giacôbê. Mẹ tham gia vào Giáo hội tông đồ, với thứ bậc tầm thường của người phụ nữ như việc thường xảy ra ở xã hội Palestine, nhưng mẹ hiện diện trong niềm vui phục sinh. Việc duy nhất được trình bày trong văn bản, nhưng lại lớn lao: Maria thực sự ẩn mình trong cuộc sống công khai của Đức Giêsu như tại Cana và lại tái xuất hiện lúc Chúa chịu treo trên thập giá trong Tin mừng Gioan.

F5. Đức Maria trong truyền thống Gioan

Thánh Gioan nói về Đức Maria trong Tin mừng qua hai trình thuật: Tiệc cưới Cana 2,1-12 và dưới chân thập giá 19,25-27¹. Trong hai trình thuật, mẹ Đức Giêsu mở đầu và kết thúc sứ vụ Đức Giêsu tại Cana và tại đồi Golgotha. Tại Cana Đức Maria can thiệp và nói để niềm vui ngày cưới không bị dứt đoạn, còn tại Golgotha Đức Maria đứng giữa thử thách không nói lời nào. Giữa hai trình thuật, không thấy Gioan nói gì về Đức Maria. Tác giả có nói đến mẹ Đức Giêsu với lời: “*Ông này chẳng phải là ông Giêsu, con ông Giuse đó sao? Cha mẹ ông ta, chúng ta đều biết cả*” (6,42), nhưng đúng hơn một lời phản kháng đến từ những người chống đối Đức Giêsu; họ không biết cha

¹ A.Serra, Marie à Cana. Marie près de la croix, Lire la Bible 64, Paris, Cerf, 1983.

thật của Người là ai. Danh Cha trên trời được nói đến nhiều lần trong nhiều đoạn khác nhau trong Tin mừng Gioan, nhưng vai trò mẹ Đức Giêsu kín đáo tế nhị hơn nhiều. Hai trình thuật nói trên theo Gioan không có bản song song với Tin mừng Nhất Lãm và cho biết tư tưởng riêng của Gioan về Đức Maria.

F51. Đức Maria tại Cana: Gioan 2,1-12

Ngày thứ ba, có tiệc cưới tại Cana miền Galilê. Trong tiệc cưới có thân mẫu Đức Giêsu. Đức Giêsu và các môn đệ cũng được mời tham dự. Khi thấy thiếu rượu, thân mẫu Đức Giêsu nói với Người: “Họ hết rượu rồi.” Đức Giêsu đáp: “Thưa bà, chuyện đó can gì đến bà và tôi? Giờ của tôi chưa đến.” Thân mẫu Người nói với gia nhân: “Người bảo gì, các anh cứ việc làm theo.”

Ở đó có đặt sáu chum đá dùng vào việc thanh tẩy theo thói tục người Do thái, mỗi chum chứa được khoảng tám mươi hoặc một trăm hai mươi lít nước. Đức Giêsu bảo họ: “Các anh đổ đầy nước vào chum đi!” Và họ đổ đầy tới miệng. Rồi Người nói với họ: “Bây giờ các anh múc và đem cho ông quản tiệc.” Họ liền đem cho ông. Khi người quản tiệc ném thử nước đã hoá thành rượu (mà không biết rượu từ đâu ra, còn gia nhân đã múc nước thì biết), ông mới gọi tân lang lại và nói: “Ai ai cũng thết rượu ngon trước, và khi khách đã

ngà ngà mới dãi rượu xoàng hơn. Còn anh, anh lại giữ rượu ngon mãi cho đến bây giờ.” Đức Giêsu đã làm dấu lạ đầu tiên này tại Cana miền Galilê và bày tỏ vinh quang của Người. Các môn đệ đã tin vào Người. Sau đó, Người cùng với thân mẫu, anh em và các môn đệ xuống Caphácnaum và ở lại đó ít ngày.

Tiệc cưới Cana xảy ra vào ngày thứ bảy trong tuần lễ Đức Giêsu khai mào sứ vụ. Cana có thể làng mang tên “Hirbet Cana” cách phía bắc làng Nazareth 14km. Trình thuật mang ý nghĩa gì? Vì nói một tiệc cưới, nhưng trình thuật không chú tâm vào cô dâu chú rể, nhưng trên hành vi Đức Giêsu hoàn thành với sự can thiệp của Đức Maria. Trình thuật cũng không chú tâm việc nước hóa rượu. Tác giả Tin mừng gọi “dấu chỉ”. Tiếng Hy Lạp “semeion” một hành vi quyền năng như một phép lạ. Hành vi dấu chỉ trình bày như mẫu lý tưởng cho mọi dấu chỉ làm dấy lên đức tin và biểu lộ vinh quang Thiên Chúa trong khung cảnh “Kitô học cao”¹ riêng biệt theo Tin mừng thứ tư. Vinh quang Ngôi Lời Thiên Chúa đã lộ ra từ Cana (2,11), đến Bêtania với ông Ladarô (11,4.40), tức là với hai trình thuật trong đoạn thuật chuyện thuộc “Nguồn gốc dấu chỉ” (Ga 2-12). Nhưng còn nhiều dấu chỉ khác còn có thể gọi lên như lời tác giả loan báo (20,30). Những dấu chỉ cụ thể chỉ định Đức Giêsu trước khi một lời tuyên xưng đức tin thốt lên. Và phải vượt qua khỏi bản ghi nhận thường tình như lời Đức Giêsu nói trong Gioan 4,48: “*Các ông mà không thấy dấu lạ điềm thiêng thì các ông sẽ chẳng tin đâu!*”. Dấu chỉ đưa vượt thoát và mạc khải một thực tại khác, siêu việt và vinh quang. Điểm chính trình thuật vượt xa bản ghi thiếu rượu và giải pháp huyền diệu. Tác giả nhấn mạnh đến

¹ Người ta thường phân biệt Kitô học cao = từ phía trên (hay Kitô học từ trên đi xuống) và Kitô học thấp = từ phía dưới (hay Kitô học từ dưới lên), theo chức năng khởi đầu trình bày đức tin: Như Ngôi lời nhập thể, hay những hành động Chúa Giêsu Kitô do các Tin mừng đưa lại cho biết.

điềm quan trọng: “Đức Giêsu đã làm dấu lạ đầu tiên này tại Cana miền Galilê và bày tỏ vinh quang của Người. Các môn đệ đã tin vào Người” (2,11). Từ “khởi đầu hay đầu tiên” mang ý nghĩa một biểu lộ mới làm nở ra trong đức tin (Ga 1,1.2; 2,11; 6,64; 8,25.44; 15,25; 16,4). Tại Cana khai mào một thời đại mới vì nước thanh tẩy trong kế hoạch cứu độ cũ đã trở thành rượu Tân hôn thiên sai. Trình thuật kế tiếp cho thấy Đức Giêsu làm thay đổi Đền thờ để thấy được cái thay đổi triệt căn (Ga 2,13-22).

Trình thuật Cana (Ga 2,1-12) thuộc thể loại văn chương nào? Có thể nói trình thuật Cana, bánh hóa nhiều và đi trên nước không phải những trình thuật phép lạ giống như việc cứu chữa bà nhạc gia ông Phêrô. Những trình thuật nêu trên mang một ngôn ngữ dựa vào một hành vi và một lời Đức Giêsu. Tác giả biên soạn trình thuật theo ánh sáng biến cố phục sinh. Trong trình thuật Cana ngôn ngữ dùng rất gần với ngôn ngữ dụ ngôn mang tính lịch sử. Đức Giêsu trong đó thích lẽ lạc bị coi như “tay ăn nhậu” (Mt 11,19) hay rượu coi như dấu chỉ Nước Trời đến (Mt 22,2tt; 25,1tt; 26,29; Am 9,13tt; Ge 4,18; Is 25,6), và Người lợi dụng cơ hội một tiệc cưới để cho ý nghĩa khởi đầu hành động của mình. Nếu như hành vi làm tại Cana theo lời và hành vi biểu trưng các ngôn sứ Itraen có thể khác lạ với cái nhìn ngày nay, cốt yếu theo cái nhìn tác giả Gioan: Sứ vụ Đức Giêsu bắt đầu. Thời gian tiệc cưới nơi rượu ngon nhất đổ đầy tràn, nhưng không do Thiên Chúa trao ban. Vì tất cả sẽ thay đổi như lời Đức Giêsu nói với các gia nhân: “*Bây giờ các anh múc và đem cho ông quản tiệc*” (2,8). Từ hành vi không đáng kể đưa đến điều bất ngờ, và giống như bánh Manna mới, rượu tiệc cưới đổ tràn đầy. Bữa tiệc bắt đầu như lời sám bữa tiệc Thiên Chúa.

Trong những đoạn sau, tác giả Gioan còn dùng ngôn ngữ biểu tượng trong trình thuật bánh hóa nhiều và Đức Giêsu đi trên mặt nước để nhận diện Đức Giêsu như Ngôn sứ, như ông Môsê mới (Ga 6,1-21; Mc 6,30-44 và những trình thuật về bánh Manna và biển Đỏ theo Xh 14-16). Người là Đức Chúa nuôi dưỡng con cái và đã đàn áp những thế lực xấu xa nơi một biển Đỏ khác. Từ cái không là gì (năm chiếc bánh và hai con cá), bánh trở nên đầy mười hai thùng (Ga 6,9.13). Ân huệ nhưng không và tràn đầy đã thấy tại Cana với sáu chum đá, và mỗi chum chứa đựng từ sáu mươi đến tám mươi lít rượu ngon. Những dấu chỉ tại Cana, tại Bêtania với ông Ladarô mang ý nghĩa “giờ” hiện tại đang tới như một cuộc sống mới được tái tạo. Tại Cana khai mào một cái mới triệt căn, khởi đầu hành động Đức Giêsu sáng tạo tiếp nối từ thời gian trước. Những cái chum dùng cho việc thanh tẩy lại đưa đến rượu ngon. Tư tưởng thay đổi và không liên tục thời gian cứu độ trộn lẫn với cái liên tục và hoàn thành giao ước. Gioan không dùng từ “giao ước”, nhưng việc hoàn thành đi từ lời trao ban cho ông Môsê với những lề luật nghi thức tới Lời mới của Ngôi Lời sáng tạo. Trong Do thái giáo nơi kinh Tora, Thiên Chúa mạc khải cho ông Môsê thường được ví với rượu, nên những lời của Lời còn phải tuyệt vời hơn. Theo ngôn sứ Hôsê 2,24 khi đám cưới giữa Thiên Chúa và dân Người, “rượu mới” mang dấu chỉ thời gian hạnh phúc (Is 62,9), thời gian Đấng Mêsia theo Targum Aram¹ về Sáng thế 49,11 và Isaia 63,1-6. Một thời gian rượu mới như Máccô 2,22: “*Cũng không ai đổ rượu*

¹ Targum có gốc “Akkadien”: targummum hay “Hittite”: tarkammai = cất nghĩa, dịch hay loan báo. Đối với người Do thái, từ này bắt nguồn như sau: Trong khi dân Do thái bị lưu đày sang Babylone, có những ngoại kiều cũng bị đưa về trú ngụ tại Giuđê. Một trong những hậu quả là tiếng Aram thay thế lần lần tiếng Hípri như tiếng nói bản xứ. Khi đến tụ họp tại hội đường để nghe đọc Kinh Tora, dần dần số người nghe không hiểu tiếng Hípri càng ngày càng tăng dần; vì thế những người phụ trách bắt buộc phải đọc tiếp theo bản Hípri một bản dịch thoát bằng tiếng Aram. Bản dịch bằng miệng này được gọi là Targum, vì

mới vào bầu da cũ, vì như vậy, rượu sẽ làm nứt bầu, thế là rượu cũng mất mà bầu cũng hư. Nhưng rượu mới, bầu cũng phải mới!”¹. Nhưng những chum trống rỗng cần phải đổ đầy nước (2,7), nếu không có nước không thể nào có rượu. Vì thế không có loại bỏ nhưng biến đổi nước thành rượu. Biến đổi trong hành vi phục vụ bởi những “diakonoi = những giai nhân”, những người trung gian và đưa đến một thực tại mới: “múc và đem” theo lời Đức Giêsu nói. Phục vụ trở nên nơi cho một sự tái sáng tạo. Tiếp theo, tác giả Tin mừng còn châm biếm cho người quản tiệc (architriclinos)¹ nhận ra rượu ngon. Các gia nhân biết rõ chuyện xảy ra và các môn đệ tin vào Đức Giêsu (2,9.11).

Trình thuật Cana không nên đọc theo kiểu ám dụ cho Đức Giêsu và Mẹ Người ẩn giấu dưới hình ảnh cô dâu và chú rể. Cái nhìn theo tác giả Gioan không phải nơi điểm đó, nhưng chắc cần nhìn Đức Giêsu như chú rể thật của bữa tiệc, người mà ông Gioan Tẩy giả gọi “bạn chú rể” (Ga 3,29). Đức Maria cũng vậy, cô thiếu nữ Sion được nhìn như cô dâu của Thiên Chúa. Hình ảnh Ítraen đôi khi cũng mang những nét bà Mẹ (Is 49,20-22...), Đấng Mêsia, chú rể theo một targum về Thánh vịnh 45. Những nhận dạng thần bí che đậy ý nghĩa trình thuật nhấn mạnh trước hết thời gian không liên tục và đổi mới kế hoạch cứu độ.

dịch bằng miệng và thoát nên chắc chắn người dịch chỉ dịch ý theo như họ hiểu lúc bấy giờ chứ không phải dịch chữ.

¹ Quản tiệc làm trưởng nhóm những gia nhân; bình thường là một người được mời trông coi cho bữa tiệc tiến hành tốt đẹp giống như người lo lắng cho bữa tiệc nơi người La mã (arbiter bibendum); và cũng có thể nhận diện người quản tiệc như người bạn của cô dâu chú rể (Ga 3,29). Ở Ítraen không thấy nói đến phong tục dành rượu ngon cho đâu bữa tiệc khi khách còn biết rượu ngon hay không ngon. Có phải đây chỉ lời dí dỏm để đưa ra nét mới khác biệt hành vi Đức Giêsu?

Vai trò Đức Maria thế nào trong trình thuật Cana? Ngay từ đầu ngài giữ vai trò khá kinh ngạc. Tác giả không nêu danh tánh Đức Maria, và ghi “trong tiệc cưới có thân mẫu Đức Giêsu”, ngoài ra Gioan còn xác định “Đức Giêsu và các môn đệ cũng được mời tham dự”. Cách trình bày trên có khác biệt, Đức Maria tham dự tiệc không cùng cung cách với các môn đệ. Ngài hiện diện trong bữa tiệc như một thường tình, ngược lại Đức Giêsu và các môn đệ được mời một cách đặc biệt.

Đức Maria chủ động cho Đức Giêsu làm dấu chỉ đầu tiên. Đức Maria đưa lời xin bằng một khẳng định “*họ hết rượu rồi*”. Mẫu đối thoại giữa Đức Giêsu và thân mẫu ngắn gọn nhưng sâu xa. Đức Giêsu trả lời mẹ bằng một thành ngữ quen thuộc trong lối nói người Do thái: “*Thưa bà chuyện đó can gì đến bà và con?*”. Trong Kinh Thánh, cụm từ kiểu này thường diễn đạt bất hòa hay hiểu lầm giữa hai người (Tl 11,12-13; Sm 16,9-10; Sbn 35,21; IV 17,17-18, 2V 3,13, và từ nơi miệng người bị quỷ ám theo Mc 1,24; 5,7 và Mt 8,28-29). Câu Đức Giêsu trả lời dĩ nhiên cứng rắn và cách xa với thân mẫu. Với phản ứng mạnh mẽ cộng thêm từ “bà” càng làm cho ý thêm khó hiểu. Theo Gioan, Đức Giêsu dùng từ “bà” khi nói chuyện với người đàn bà xứ Samarie (Ga 4,21), và khi Người gọi bà Maria Magdala nơi mộ (20,15). Cách gọi khá ngạc nhiên, nhất là gọi chính mẹ mình. Sau này tại thập giá, Đức Giêsu cũng dùng từ “bà” nhưng với âm hưởng đôi chút khác biệt. Tại Cana, Đức Giêsu mời gọi Đức Maria đứng bên lề đường Người đi, còn tại thập giá chính Người cách xa mẹ và trao cho người môn đệ. Còn đối với bà Maria Magdala, các thiên thần cũng như Đấng sống lại lấy lại từ “bà” làm khoảng cách giữa họ, nhưng để nói lên mối liên hệ gần gũi kết hiệp họ lại. Bà Magdala được gọi “bà” trước khi được chính thầy mình gọi bằng tên “Maria” (Ga 20,13.15-16), vì biến cố phục sinh đến lấp khoảng cách do cái chết mang tới.

Tại Cana, khoảng cách giữa mẹ và con cũng không ngăn cản người con đi về Caphácnaum với mẹ mình và với các người thân (2,12).

Phản ứng của Đức Giêsu cũng dễ gây ngạc nhiên: *“Thưa bà, chuyện đó can gì đến bà và tôi? Giờ của tôi chưa đến”* (2,4). “Giờ chưa đến” ở đây, nhưng cách đọc có đúng không? Thời bấy giờ, các tác giả không có những dấu chấm, và không ai đọc câu văn như một câu hỏi: “giờ tôi chưa đến sao?”, với một câu trả lời ngầm. Kiểu này cho câu trả lời tích cực hơn Giờ đã đến, và Đức Maria mời gọi hành động. Lối đọc hơi gượng gạo, vì thế người ta thường theo lối giải thích đơn giản hơn coi giờ chưa đến, và Đức Giêsu còn khẳng định trong các đoạn sau nơi Gioan 7,30 và 8,20: *“Bấy giờ họ tìm cách bắt Người, nhưng chẳng có ai tra tay bắt, vì giờ của Người chưa đến”*. Giờ sẽ đến chậm hơn, nhưng nơi Gioan 12,23 *“Đã đến giờ Con Người được tôn vinh”*. Thế nhưng, dù tại Cana giờ chưa đến nhưng Đức Giêsu hành động khai mào và Cana mang dấu chỉ thời gian mở đầu Đức Giêsu biểu lộ xen vào với đoạn cuối trên thập giá. Chính đoạn cuối cho lý do khởi đầu. Tại Cana hành vi Đức Giêsu cho mọi người rượu mới đi ngược lại với lời cho thời gian cứu độ chưa tới. Chỉ một mình Thiên Chúa có thời gian cứu độ. Không điều gì có thể áp đặt cho Thiên Chúa hay Chúa Kitô ngay cả việc xảy ra tại vườn Ghếtsimani (Ga 18,6). Tại Cana và nhiều nơi khác, Đức Giêsu khẳng định: *“Thời (Hy Lạp = Kairos) của tôi chưa đến”*, vì Thiên Chúa chưa chọn giờ vì Đức Giêsu nói: *“Tôi không làm gì tự mình tôi”*. Tại Cana, chính Đức Maria làm cho tiến trình tiến nhanh. Đức Maria được mời gọi vượt trên tình mẫu tử tự nhiên và xuất hiện như người môn đệ. Ngài hiểu nên với tấm lòng tin tưởng tuyệt đối nhưng ngài không nói với Giêsu nhưng nói với gia nhân *“Người bảo gì các anh cứ làm theo”*. Nhờ Đức Maria các môn đệ và gia nhân trở nên những người chứng đặc biệt

về dấu chỉ đầu tiên của Đức Giêsu. Nhờ Đức Maria họ đã thấy vinh quang Thiên Chúa và tin vào Đức Giêsu.

Trong trình thuật còn một điểm khác gây khá ngạc nhiên. Trong sứ vụ công khai, Đức Giêsu theo Gioan là một con người tự do. Người không bị điều gì gò bó ngay cả trong lời Máтта kêu gọi lo lắng để cứu ông Ladarô. Người làm những điều được kêu xin nhưng một cách khác. Đức Giêsu can thiệp cho người bị liệt và cho người mù bẩm sinh, còn những trường hợp khác Người có thể từ chối hay chờ thêm thời gian. Đối với anh em Đức Giêsu (2,1), Người từ chối đề nghị của họ để tiến hành nhanh hành động thiên sai. Người từ chối đi về Giuđê nhưng một khi những anh em ra đi, Người lên đường một cách bí mật (7,3.10). Nơi Gioan 4,47tt, vị sĩ quan cận vệ nhà vua đến xin Người chữa bệnh cho đứa con, và Người đã tiến hành cấp tốc. Và tại Gioan 11,1tt, hai chị em gửi người đến thưa với Đức Giêsu: *“Thưa Thầy, người Thầy thương mến đang bị đau nặng”*. Lời kêu gọi rõ ràng, nhưng Đức Giêsu còn ở lại tại chỗ hai ngày không rời nơi đó (câu 5). Người không làm nhanh chóng và muốn làm theo giờ Thiên Chúa. Tại Cana, Đức Giêsu không đi vào tranh cãi sự kiện Đức Maria nhận xét, nhưng giờ Người chưa đến. Đức Maria làm như giờ đó đã bắt đầu: không phải bắt Đức Giêsu làm phép lạ, nhưng nói các gia nhân sẵn sàng làm theo những gì Ngài nói: *“Người bảo gì các anh cứ làm theo”* (2,5). Không có đoạn Tin mừng nào cho thấy Đức Maria mặc khải căn tính Đức Giêsu. Ngài chỉ cần ở đó và kêu gọi những anh em khác hành động theo. Lời kêu gọi hành động vọng lại lời Kinh Thánh huấn dụ tại núi Sinai. Dân được kêu gọi đáp trả lời Thiên Chúa trao cho ông Môsê và hành động theo hậu quả (Xh 19,7-8). Tại Cana Đức

Maria không làm trung gian giữa Đức Giêsu và các gia nhân, ngài chỉ kêu họ làm theo lời Đức Giêsu. Ngài không hợp tác trực tiếp vào hành vi ở Cana khai mào ơn cứu độ mới, nhưng chuẩn bị cho Đức Giêsu hành động và chuẩn bị các gia nhân nhận lãnh. Đoạn văn không cho phép coi Đức Maria như đáng trung gian làm mất đi vai trò trung gian duy nhất là Đức Giêsu (1Tm 2,5). Đức Maria có một chỗ mang ý nghĩa khi hiện diện ngay trong buổi đầu sứ vụ Đức Giêsu. Con người và vai trò của ngài duy nhất đối ngay với cả bà Maria Magđala, người ưu tiên được thấy và loan báo Đấng sống lại. Tại Cana, Đức Maria đã thật sự dẫn thân.

Điểm cuối cùng trình thuật Cana ghi: “Sau đó, Người cùng với thân mẫu, anh em và các môn đệ xuống Caphácnaum và ở lại đó ít ngày” (Ga 2,12). Mẹ Đức Giêsu chỉ thấy xuất hiện trở lại dưới chân thập giá. Các môn đệ luôn có mặt trong sứ vụ của Đức Giêsu, anh em Đức Giêsu cũng không còn được nhắc tới: “anh em Người không tin vào Người” (Ga 7,3.5.10). Đức Maria làm gì giữa họ? Thật vậy, ngài sẽ không nói gì làm gì cho đến giờ quyết định dưới chân thập giá.

F52. Đức Maria dưới chân thập giá: Gioan 19,25-27

Đứng gần thập giá Đức Giêsu, có thân mẫu Người, chị của thân mẫu, bà Maria vợ ông Colôpát, cùng với bà Maria Mácđala. Khi thấy thân mẫu và môn đệ mình thương mến đứng bên cạnh, Đức Giêsu nói với thân mẫu rằng: “Thưa Bà, đây là con của Bà.” Rồi Người nói với môn đệ: “Đây là mẹ của anh.” Kể từ giờ đó, người môn đệ rước bà về nhà mình.

Trình thuật dưới chân thập giá có đôi chút song đôi gắn liền với trình thuật Cana. Trong hai trình thuật đều nói đến Mẹ Đức Giêsu với cùng từ gọi “bà”, và từ “giờ” cũng trở lại (2,1.4) cho dù không còn mang âm hưởng cường độ giống nhau trong các trình thuật. Đoạn

văn thuộc vào giai đoạn cuối cuộc đời Đức Giêsu, và trình thuật Cana thuộc giai đoạn đầu. Cuộc đối thoại giữa biệt nơi các câu 25-27 coi như dấu dẫn trình thuật Thương Khó: “Sau đó mọi sự đã hoàn tất (*Ga* 19,28). Dưới chân thập giá, Mẹ Đức Giêsu thình lạng, ngược lại với thái độ ngài ở Cana. Ngài đón nhận lời cuối của Con mình. Đức Giêsu lo lắng tới người thân yêu cho đến phút chót trước tiếng kêu khát nước. Với ân huệ trao ban Mẹ Người cho người môn đệ, chương trình Thiên Chúa kết thúc toàn diện cho tới việc hoàn thành Kinh Thánh nhắm vào cái chết của Người.

Theo tác giả Gioan, việc xảy ra tại đồi Golgotha, những người phụ nữ và Mẹ Ngài có đó, rất gần. Vì thế có vấn nạn về phương diện lịch sử, vì bốn người lính canh gác theo luật La mã có bốn phạm cầm người dân lai vãng gần đó. Sử gia Suétone (*Tibère* 61,2) ghi cầm gia đình kẻ bị đóng đinh làm tang chế. Ngoài ra, theo Máccô 15,40 và Matthêu 27,55, các người đàn bà hiện diện ở đó, nhưng “khoảng cách” hay “xa xa”, không có hiện diện các môn đệ vì họ chạy trốn hết (*Mc* 14,50). Tên các bà có hơi khác biệt giữa Máccô và Gioan, và có thể họ đứng gần cửa Ephraim, theo triển bức tường phía tây bắc thành phố, tức là khoảng 100m gần nơi đóng đinh. Thế nhưng theo Gioan, các bà đứng gần thập giá làm giảm đi lời Đức Giêsu tiên báo cô đơn vào giờ Thương Khó (*Ga* 16,32). Có thể tác giả Gioan đưa biểu tượng họ đứng gần thập giá để nhấn mạnh tầm quan trọng lời Đức Giêsu trăng trời. Trong khung cảnh cộng đoàn Gioan điều quan trọng Đức Maria và những người thân yêu nhận lấy những lời trăng trời của Thầy. Tác giả Luca không đề tên các bà và chỉ nói những người biết Đức Giêsu bằng cách lấy lại lời Thánh vịnh 38,12. Và tác giả còn thêm vào “*Đứng đằng xa, có tất cả những người quen biết Đức Giêsu cũng như những phụ nữ đã theo Người từ Galilê; các bà đã chứng kiến những việc ấy*” (*Lc* 23,49). Không một ai bị quên và cũng có sự

tiên dành cho Đức Maria. Để nói lên những khác biệt cũng cần biết đây thuộc một thể loại tác giả Gioan dùng cho lịch sử trở thành biểu tượng, và biểu tượng là lịch sử như ở Cana. Đức Maria trở thành bà mẹ của người môn đệ đích thực.

Trong danh sách Gioan nêu lên có thể đếm thấy ba hoặc bốn người đàn bà tùy theo cách bỏ dấu: Ba người đàn bà bằng cách nhận diện mẹ Đức Giêsu, chị của mẹ Người tức là bà Maria vợ ông Colôpát, và cuối cùng bà Maria Magđala; nhưng có điều khá ngạc nhiên hai người chị em lại mang cùng một tên “Maria”. Vì thế nên phải coi có bốn người đàn bà bằng cách phân biệt chị mẹ Đức Giêsu và vợ ông Colôpát. Các tác giả thường nhấn mạnh đến việc các bà hiện diện trong thảm trạng thập giá, và việc nêu tên có khác biệt theo cái nhìn của từng nhóm người. Theo Gioan, mẹ Đức Giêsu luôn luôn đứng đầu danh sách, chứ không phải bà Maria Magđala theo các danh sách khác, cho dù tác giả Gioan cho bà Maria Magđala một chỗ đứng quan trọng trong cuốn Tin mừng. Mẹ Đức Giêsu giữ một chỗ khác lạ, đứng đầu nhóm nhỏ theo dõi Đức Giêsu. Trình thuật không nhấn mạnh tới điểm nêu trên, nhưng cho thấy Đức Giêsu lo lắng cho các người thân yêu.

Lời Đức Giêsu nói đầu tiên dành cho mẹ mình, rồi mới đến người môn đệ. Khó nhầm được điểm chính, nhưng theo truyền thống hướng về mẫu hệ thiêng liêng của Đức Maria. Ngài làm mẹ người môn đệ trở thành anh hùng được lấy tên đặt cho cộng đoàn Gioan, và sau đó nhận dạng toàn thể Giáo hội¹. Lời đầu tiên nói với Đức Maria chỉ định người môn đệ được thương mến như người con. Sau đó mới đến lời nói với người môn đệ. Hai lời tạo giữa Đức Maria và người môn

¹ Chủ đề xuất hiện nơi hai ông Anselme de Canterbury và Rupert de Deutz vào thế kỷ thứ XII và XIII. Đức Giáo hoàng Phaolô VI vào năm 1964 trong Hiến chế Lumen Gentium về Giáo hội đưa ra hình ảnh Đức Maria là Mẹ Giáo hội.

đệ mỗi liên hệ gia đình mới, vượt qua lời Đức Giêsu nói trong Luca 8,21: “*Mẹ tôi và anh em tôi, chính là những ai nghe lời Thiên Chúa và đem ra thực hành*”. Câu văn đưa mỗi liên hệ gia đình vào trong biểu tượng một cộng đoàn thiêng liêng anh em, và tại thập giá đưa ra trao đổi thực tế một họ hàng mới. Hai lời Đức Giêsu nói tại Golgotha coi như lời trăng trối vay mượn từ công thức mạc khải hay loan báo bắt đầu vởi từ “đây”. Ông Gioan Tẩy giả loan báo căn tính và sứ vụ Đức Giêsu: “*Đây Chiên Thiên Chúa [...] xóa tội trần gian*” (Ga 1,29.36). Từ thập giá Đức Giêsu ban ân huệ một tương quan gia đình không chờ đợi. Khi cái chết đưa xa cách với mẹ mình và người môn đệ, lời tuyên bố kết nối mỗi liên hệ mới cho họ. Giờ đây Đức Maria như bà mẹ người môn đệ, ngược lại ông cũng phải đón ngài vào với mình như người con. Thế nhưng theo tác giả Công vụ tông đồ 1,14 Đức Maria vẫn gắn bó vào với nhóm anh em Đức Giêsu. Như vậy Đức Maria theo thánh Gioan hay vẫn ở với nhóm anh em Đức Giêsu. Hai truyền thống cần được nêu lên.

Mỗi liên hệ gia đình mới giữa Đức Maria với người môn đệ được yêu thương, và ông gắn bó vào thánh Phaolô, làm cho ông trở nên người môn đệ gương mẫu của tất cả những ai tin tụ họp dần dà vào nhóm trở thành như Giáo hội. Với sách Công vụ tông đồ Luca cho thấy cái căng thẳng hướng về kết hợp Giáo hội, nhưng giờ đây dưới hai khuôn mặt Phêrô và Phaolô, dường như quên hẳn khuôn mặt ông Gioan. Trong Tin mừng Gioan, tác giả còn mang lời Đức Giêsu: “*để họ được nên một như chúng ta là một*” (17,22) cho thấy nội bộ cộng đoàn cũng còn những căng thẳng. Theo cách nào đó, mỗi liên hệ giữa Đức Maria và người môn đệ được thương mến mang dấu ấn ước vọng cho một giáo hội hiệp nhất mà Mẹ Đức Giêsu không bị quên lãng. Trước hai lời Đức Giêsu trăng trối đã có dấu chỉ “*chiếc áo dài này không có đường khâu, dệt liền từ trên xuống dưới*” (19,23),

chiếc áo mà các người lính không xé ra. Chiếc áo Chúa Kitô không đường khâu mang dấu chỉ hiệp nhất những người tin, và cần lưu giữ theo hình ảnh Đức Maria và người môn đệ được thương mến gắn liền vào nhau.

Câu hỏi cũng cần nêu lên ở đây Đức Maria đại diện cho ai? Câu hỏi đặt ra vì dân Ítraen thường tự chỉ định dưới nét một người đàn bà, một bà vợ hay một bà mẹ (*Hs* 1-3; *Is* 26,17tt; Targum Diễm ca; Targum Thánh vịnh 45,11tt). Ngôn sứ Giêrêmia 31,4.21 gọi “trinh nữ Ítraen” (xem thêm 14,17). Giêrusalem cũng được chỉ định như một người đàn bà (*Gr* 2,2; *Ed* 16,7tt; 23,2tt), một bà mẹ (*Is* 49,19tt; 60,1-9) hay “thiếu nữ Sion” theo Xôphônia 3,4 và Dacaria 2,14; 9,9. Sau này, những văn bản khai huyền cũng lấy lại những so sánh trên (Khai huyền; Ba rúc 10,7; 4 Étra 9,38). Nếu như Ítraen mang những nét một người đàn bà, Đức Maria có thể nào ở đây đại diện cho Ítraen, hay “nhóm ‘Ítraen sót lại’ và Giáo hội không? nếu như Đức Maria đại diện Giáo hội, làm sao ngài có thể làm mẹ Giáo hội được? Một vài tác giả cho Đức Maria đại diện Ítraen lịch sử, từ đó khai sinh ra Đấng Mêsia, và Ítraen tiếp tục làm thân thể với cộng đoàn canh tân. Lời Đức Giêsu trên thập giá theo Gioan 19,27 muốn kết hiệp hai thời điểm vào một Giao ước: Một bên Đức Maria đại diện Ítraen, và một bên người môn đệ nói lên hiện diện thời gian mới. Tại Cana Đức Maria đặt vào khởi đầu thời gian mới chứ không đại diện cho Ítraen hôm qua. Ngoài ra trình thuật Gioan đào sâu khoảng cách giữa một bên người Do thái đuổi những người tin vào Chúa Kitô khỏi hội đường, và một bên gồm những người coi người môn đệ được thương mến như mẫu gương. Nhận dạng Đức Maria cũ vào Ítraen không đúng lắm cho trình thuật Cana hay trình thuật dưới chân thập giá. Cũng vậy nhận dạng ngài vào

Ítraen mới (Kitô giáo) đưa chú giải trình thuật đi khá xa. Người môn đệ được thương mến đại diện cho cộng đoàn mới kết mối liên hệ với Đức Maria. Ngài mang một vai trò khác biệt.

Gắn bó người môn đệ được thương mến với Đức Maria càng mang ý nghĩa hơn với câu văn cuối cùng Gioan 19,27: “*Kể từ giờ đó, người môn đệ rước bà về nhà mình*”. Những từ Hy Lạp “*eis ta idia*” rất khó dịch vì có nhiều nghĩa “*trong nhà của mình*” hay “*trong khu vực riêng*”. Nhưng có thể cần hiểu theo ý nghĩa “*người nhà*” như Gioan 1,11 tức là trong nhóm những người tụ quanh người môn đệ được thương mến trong đàn chiên thật của Thiên Chúa. Sau này, truyền thống được ông Justin lấy lại (trước năm 66) và được ông Eusèbe thành Césarée (thế kỷ thứ IV) ghi thêm, cho nhà thánh Gioan đặt ở thành Êphêxô, và Đức Maria đã theo ông về đây. Nhưng giả thuyết không vững, vậy phải đặt Đức Maria vào nơi nào?

Đặt hai lời Đức Giêsu trăng trời trên bình diện tác giả biên soạn Tin mừng và cộng đoàn của ông cho thấy như bảo đảm cho nhóm người tụ họp quanh người môn đệ được thương mến và đồng thời cũng chạm đến Đức Maria. Tác giả Gioan và cộng đoàn thuộc người môn đệ được thương mến muốn khẳng định mối liên hệ giữa họ với Đức Maria và chỉ định vai trò ngài nơi trong nhóm họ, thuộc nhóm họ và trở nên Mẹ của họ. Ngoài ra truyền thống theo Luca đặt Đức Maria vào trong nhóm thiên sai những người anh em Đức Giêsu như thấy trong sách Công vụ tông đồ 1,14.

Nói tóm, dấu chỉ Cana tiên báo chuyện xảy ra trên đỉnh đồi Canvê khi “*giờ*” đã hoàn tất (19,25-27). Chung quanh thập giá chỉ còn lại những người trung thành, một vài phụ nữ và người môn đệ Đức Giêsu thương mến. Qua câu “*thưa bà, đây là con của bà*”, Đức Giêsu không nói với cương vị người con nhưng tỏ ra ở đây như Thiên Chúa. Một

lần nữa Đức Maria lại được gọi bằng “bà”, nhưng lúc này giờ thật sự đã đến: “*kể từ giờ đó, người môn đệ rước bà về nhà mình*”. Người môn đệ trở thành “con Đức Maria”, người anh em Đức Giêsu. Khi nhận người môn đệ, Đức Maria đại diện cho dân tộc mới khai sinh ra từ thập giá Đức Giêsu. Đức Maria tượng trưng cho kẻ mang lòng tin đích thực, người môn đệ đầu tiên làm nhân tố khai sinh cộng đoàn tiên khởi.

F53. Người đàn bà trong sách Khải huyền: Chương 12

Trước khi nhìn qua hình ảnh người đàn bà trong sách Khải huyền, thiết tưởng nói sơ qua về cuốn sách cuối cùng trong Tân ước. Tựa cuốn sách cuối cùng trong Kinh Thánh mang tên Khải huyền. Cuốn sách Tân ước cuối cùng, một cuốn sách ghi lại nhiều tai họa: Đói kém, dịch hạch, những cuộc xâm lăng, tinh tú từ trời rơi xuống đất. Một cuốn sách nhiều người thấy trong đó ghi lại nhiều triệu chứng kinh hoàng cho ngày tận thế. Trước cái nhìn sơ khởi như trên, cần đọc rõ hơn lời khởi đầu cuốn sách “*apokalupsis Iésou Christou = Mạc Khải về Đức Giêsu Kitô*”. Chúa Kitô mang nguồn gốc, trao ban sứ điệp cho thánh Gioan, đang sống lưu vong tại đảo Patmos; và cuốn sách biểu lộ Đức Giêsu Kitô hiện diện trong lịch sử Giáo hội và thế giới. Chúa Kitô, con Chiên hiến tế qua máu mình cứu chuộc các tín hữu, và sửa soạn đưa họ vào thành Giêrusalem vĩnh cửu. Sách Khải huyền mang một sứ điệp rõ ràng.

- Tác giả và năm biên soạn

Tác giả sách Khải huyền tự giới thiệu: “*Tôi là Gioan, một người anh em của anh em, tôi cùng chia sẻ nỗi gian truân, cùng hưởng*

vuơng quốc và cùng kiên trì chịu đựng với anh em trong Đức Giêsu. Lúc ấy, tôi đang ở đảo gọi là Pátmô, vì đã rao giảng Lời Thiên Chúa và lời chứng của Đức Giêsu” (1,9). Và trong truyền thống dựa vào những văn bản ông Justin (khoảng năm 160), và Irênê thành Lyon (khoảng năm 180) thường coi ông Gioan ở đây chính cùng với tác giả Tin mừng Gioan, thế nhưng truyền thống không được hoàn toàn chấp nhận.

Vào khoảng thế kỷ thứ III, Đức Giám mục Denys thành Alexandrie nêu lên những khác biệt về văn phong và định hướng thần học giữa Tin mừng Gioan và sách Khải huyền, vì thế không thể nào coi hai cuốn sách có cùng một tác giả (Eusèbe, *Histoire Ecclésiastique*, VII,25). Ngoài ông Denys thành Alexandrie còn có những tác giả khác như Gaius và Eusèbe thành Césarée cũng theo cùng ý kiến, và từ đó truyền thống Hy Lạp không cho Gioan tông đồ như tác giả cuốn Khải huyền.

Thật vậy về mặt văn bản, vấn đề tác giả cũng rất khó giải quyết. Những điểm tương ứng và những khác biệt về động từ hay chủ đề giữa Khải huyền và Tin mừng Gioan cũng khó lượng định. Một mặt có những tương ứng về động từ và chủ đề giữa hai cuốn sách như: làm chứng, chứng nhân, cuộc sống, Nước hằng sống, manna, chiến thắng, Ngôi Lời, Con Chiên... Ngược lại có những khác biệt về ngôn ngữ, văn phong, tiến trình văn chương, thị kiến và biểu tượng, cách dùng những con số, cánh chung luận... Những điểm trên xác thực cần phải để ý tới. Vì thế các nhà chú giải hôm nay trước vấn đề tác giả đều cho rằng: ông Gioan sách Khải huyền không hẳn là ông Gioan tác giả sách Tin mừng thứ tư. Hai ông đều ra cùng môi trường hay một trường phái. Sách Khải huyền thuộc một văn bản thuộc trường phái Gioan¹,

¹ R.E.Brown, *La communauté du Disciple bien-aimé*, collection *Lectio Divina* 115, Cerf, 1983.

phát sinh ra từ cộng đoàn Gioan tại Palestine, vì cuộc chiến Do thái (66-70) đã di chuyển qua thành Êphêxô.

Trong cộng đoàn Gioan có những ngôn sứ. Nhiều lần tác giả Khải huyền có nói tới những anh em ngôn sứ như 22,6.9: *“Thiên thần nói với tôi: “Đây là những lời đáng tin cậy và chân thật; và Đức Chúa là Thiên Chúa ban Thần Khí linh hứng cho các ngôn sứ, đã sai thiên thần của Người đến tỏ cho các tôi tớ Người biết những việc sắp phải xảy đến.” ... Nhưng người nói: “Đừng, đừng! Tôi cũng là một tôi tớ như ông và như các anh em của ông là các ngôn sứ và những người tuân giữ các lời trong sách này. Hãy thờ lạy Thiên Chúa”*. Ông Gioan sống lưu vong tại đảo Patmos thuộc thành phần các ngôn sứ trên, mang tinh thần hun nóng và trong một tình trạng khủng hoảng nhận một sứ điệp gửi cho các Giáo hội miền Tiểu Á.

Theo chứng từ giáo phụ Irênê, tác giả Gioan Khải huyền nhận những thị kiến “vào cuối triều đại hoàng đế Domitien” (*Adversus Haereses* V,30,3). Chứng từ khá quý vì Irênê thuộc đệ tử ông Polycarpe, Giám mục thành Smyrne và ông này lại là đệ tử ông Gioan. Sau triều đại ngắn ngủi của hoàng đế Titus (79-81), ông Domitien lên cầm quyền (81-96) và ông đã lên án các nghị viên cũng như các triết gia chỉ trích chính quyền. Thời bấy giờ, ông còn cho đi tìm bắt tại Palestine những người thuộc dòng dõi Đavít, nhưng khi thấy họ mang thân phận thấp hèn, hoàng đế đã thả họ ra (Eusèbe, *Histoire Ecclésiastique* III,19-20). Vì thế có thể nói sách Khải huyền được biên soạn vào khoảng năm 90-96.

- Thể loại văn chương Khải huyền

Trong Kinh Thánh dù Cựu ước hay Tân ước, những đoạn văn thuộc loại Khải huyền không thiếu. Nơi đây chỉ nhắc lại thể loại Khải huyền trong truyền thống Cựu ước được thấy trong các sách như sau:

- Sách ngôn sứ Đanien. Tác phẩm được biên soạn vào khoảng năm 164. Kinh Thánh Hípri để cuốn sách vào thể loại “Ketoubim = các văn bản”, nhưng Kinh Thánh Kitô giáo theo bản dịch LXX đặt cuốn sách vào thể loại ngôn sứ, sau sách ngôn sứ Êdêkien. Đanien được coi như một trong bốn ngôn sứ lớn. Cuốn sách được biên soạn hoàn toàn theo não trạng Do thái, và đặt vào đó những trình thuật được viết bằng hai ngôn ngữ Sê-mít. Đanien 1 nói về ông Đanien trong triều đình, và Đanien 8-12 những thị kiến thời cánh chung đều được viết bằng tiếng Hípri. Phần ở giữa cuốn sách (*Dn 2-7*) được biên soạn bằng tiếng Aram kể những chuyện ly kỳ về ông Đanien và hai người bạn đồng hành, những giấc mộng và những điều Đanien giải thích cho nhà vua, và một thị kiến cánh chung.

Sách Đanien dùng những công thức văn chương và những từ ngữ thần bí được coi như tác phẩm đầu tiên cho thể loại văn chương Khải huyền Do thái. Ngôn sứ trở thành người thị kiến. Thời gian hoàn toàn được chế ngự và lần đầu tiên có sự chấm dứt của lịch sử. Thiên thần trở thành những vị trung gian cho mặc khải và lời Thiên Chúa. Tác phẩm được biên soạn cho một hoàn cảnh thời bấy giờ chứng giám những phản ứng trước việc người Hy Lạp làm ô uế Đền thờ. Điều đó đưa những người phản kháng khẳng định sắc thái căn tính Do thái và đặt ưu tiên cho khung cảnh văn hóa Sê-mít. Sách Đanien như tác phẩm văn chương lớn khai mào thể loại văn chương riêng biệt Do thái như thể văn Khải huyền, mang sắc thái ngôn sứ và truyền thống khôn ngoan.

- Sách Hênôc. Vị tổ phụ được Thiên Chúa đưa về trời trước lụt đại hồng thủy (St 5,21-24). Cuốn sách chỉ còn lại theo bản dịch tiếng Êthiôpi. Cuốn sách được cộng đoàn Qumrân ưa thích và dùng đến rất nhiều, và họ đã dịch ra nhiều văn bản bằng tiếng Aram.

- Sách Barúc theo bản dịch ngôn ngữ Syriac: Barúc làm đệ tử trung thành của ngôn sứ Giêrêmia và mang sứ mệnh viết lại các sấm ngôn thầy mình (Gr 36).

- Sách Étra thứ IV lấy nhà cải cách Do thái giáo vào khoảng năm 400 trước công nguyên làm tác giả. Thật ra cuốn Étra IV được một người Do thái theo phái Phariseu biên soạn.

Trong Tân ước có diễn từ quan trọng được Đức Giêsu chia sẻ trước khi chịu thương khó, kêu gọi các môn đệ cảnh giác trước những biến cố trầm trọng sẽ xảy ra, cũng thuộc loại Khải huyền: thành Giêrusalem bị thiêu hủy như dấu chỉ ngày tận thế (Mc 13 và những đoạn song song Mt 24–25; Lc 17,27–22,37 và 21,5-36)¹. Diễn từ có những yếu tố cá biệt như sau:

- Các tai họa xảy ra: Chiến tranh, động đất, đói khát.
- Các môn đệ bị bách hại và họ phải loan báo Tin mừng.
- Những đòi phong bại tục: Đồ ghê tởm khốc hại theo từ ngữ đến từ sách Đanien 9,27.
- Con Người biểu lộ trên mây trời và phán xét chung.

Những yếu tố trên cũng thấy nói tới trong Khải huyền Gioan. Trong một ngôn ngữ truyền thống, Đức Giêsu cảnh giác các môn đệ chống lại những lời tiên báo giả trá: “*Anh em hãy coi chừng kẻo bị*

¹ J.Dupont, les trois apocalypses synoptiques, collection Lectio Divina 121, Paris, Cerf, 1985.

người ta lừa gạt... Thật vậy, sẽ có những kitô giả và ngôn sứ giả xuất hiện, làm những dấu lạ và những việc phi thường, để lừa gạt những người đã được tuyển chọn, nếu có thể” (Mc 13,5.22). Đức Giêsu đã cảnh giác họ (Mc 13,9.33.37), vì không một ai biết trước Ngày hay Giờ nào (Mc 13,22); và lời cảnh giác thường được Khải huyền Gioan nhắc lại (3,2.3;26,15).

Trong thư Phaolô cũng tìm thấy những văn bản theo thể loại Khải huyền như: Thư thứ nhất gửi giáo đoàn Thêxalônica 4,13-18, khi thánh Phaolô gọi việc Chúa Kitô đến trên mây trời; thư thứ nhất gửi giáo đoàn Côrintô 15,20-26 và 51-56. Văn bản gọi lên nhiều tượng trưng nằm ở thư thứ hai gửi giáo đoàn Thêxalônica 3,3-10 đề phòng lối sống vô kỷ luật: Con sốt quang lâm!

Đến thời Tông phụ, thể văn Khải huyền cũng không bị quên. Cuối cuốn sách Didachè VXI bao gồm một tổng hợp diễn từ cảnh chung. Ông Hermas trong khi kêu gọi Giáo hội Rôma vào khoảng năm 150 hồi cải lấy lại những hình ảnh truyền thống Khải huyền như nhân cách hóa Giáo hội dưới những nét mặt một người đàn bà già nua, hay việc xây cất một tháp để gọi lên Giáo hội phát triển. Ngoài ra còn có một cuốn Khải huyền với tác giả Phêrô ghi lại chi tiết những nhục hình kẻ bị đày địa ngục.

- Sách Khải huyền Gioan = có nói về mẹ Đức Giêsu không?¹

Người đàn bà trong chương 12 là ai? Nhiều giải pháp được đưa ra như sau:

1. Từ thế kỷ thứ X với ông Oecumenius, truyền thống chỉ định Đức Maria người đàn bà nơi chương 12 sách Khải huyền. Tác giả

¹ Charles Perrot, Marie de Nazareth au regard des chrétiens de premier siècle, Lectio Divina 255, Paris, Cerf, 2013, trang 347-360.

Gioan đã trình bày Chúa Kitô vinh quang ngay thập giá và ông chỉ định Đức Maria vừa bị thử thách vừa dọi chiếu ánh sáng. Vì thế có mối liên hệ giữa người đàn bà nơi Gioan 19,25-27 (dưới chân thập giá) và người đàn bà nơi chương 12 sách Khải huyền, bà mẹ Đấng Mêsia đau khổ với những người thân yêu, nhưng vừa là bà mẹ. Nhiều điểm trong văn bản không khớp như việc người đàn bà bỏ trốn vào sa mạc được nói tới hai lần (12,6 và 14); đau đớn việc sinh nở (12,2) làm cho Đức Maria phải chịu những hậu quả nguyên tội, và điều đó không hài hòa với tư tưởng ở thế kỷ thứ I.

2. Theo thánh Hippolyte ở thế kỷ thứ III, người đàn bà được nhận diện như Ítraen mới trộn lẫn vào toàn thể Giáo hội. Nhưng làm sao cộng đoàn Kitô hữu lại có thể sinh ra Đấng Mêsia cho mình, vì Người chính là Đấng dựng nên cộng đoàn?

3. Theo các tác giả khác, người đàn bà trong sách Khải huyền nhận dạng với hiền thê trên trời, tức là Giêrusalem thiên quốc đến từ trời (*Kh* 19,7tt và 21,9tt). Nhưng nếu Giêrusalem thiên quốc hiện diện trong chương trình Thiên Chúa, loan báo Ítraen mới, Đức Maria không thể nào coi như hiền thê Con Chiên, vì đó là con ngài.

4. Một số nhà chú giải cho người đàn bà Khải huyền như khuôn mặt Ítraen mang niềm hy vọng thiên sai trong thử thách và bị bách hại bởi dân được tuyển chọn. Thành Sion khai sinh ra Đấng Mêsia của họ (*Is* 66,7).

- Một cộng đoàn gốc Do thái tin vào Đức Giêsu

Cuốn sách cuối cùng trong Tân ước mang tên Khải Huyền thường được nhìn nhận đến từ truyền thống Gioan như nói ở trên. Tác giả viết cuốn sách củng cố tinh thần cho một Giáo hội đang bị bách hại. Ngôn ngữ đầy hình ảnh khó hiểu ngoài thế giới Kinh Thánh. Dù cộng đoàn

cởi mở cho mọi dân tộc nhưng vẫn mang sắc thái Do thái rất gần với Do thái giáo khi mười hai chi tộc Ítraen hát chiến thắng. Một trăm bốn mươi bốn ngàn con cái Ítraen giờ đây tuyên xưng Đức Giêsu đi trước đám người đồng đạo đến từ nhóm thờ ngẫu tượng (Kh 7,4tt.9tt; 14,1.3; 21,12). Nhận mạc khải trên, cộng đoàn mang ngôn ngữ Khải huyền đối với các nhóm Do thái khác coi mình bắt nguồn từ Kinh Thánh và mang căn tính riêng biệt. Cộng đoàn tự cho mình thuộc Ítraen muôn thuở và kết thành Ítraen sót lại hay “*người còn lại trong dòng dõi bà*” (12,17). Ngôn ngữ lấy lại từ các ngôn sứ chỉ định Ítraen thật (Am 5,15; Is 7,3 và Rm 9,3). Những người mang lòng tin muốn giữ Lễ luật Thiên Chúa và lòng tin nơi Đức Giêsu, với Lễ luật Môsê kèm theo chứng nhân Đức Giêsu là Đấng Mêsia Kitô đến từ dòng dõi Đavít (Kh 12,12.17; 14,12). Bối cảnh cộng đoàn Khải huyền gần với bối cảnh cộng đoàn ông Giacôbê tại Giêrusalem muốn tái tạo “*lều Đavít đã sụp đổ*” (theo Cv 15,16). Ngoài ra trong một bối cảnh khác, ông Giacôbê áp đặt những qui luật thức ăn dành cho nghi thức trong sạch cần phải giữ trong những bữa ăn với những người mang lòng tin không đến từ Do thái. Thịt thờ ngẫu tượng bị loại bỏ, và tác giả sách Khải huyền đã coi Kitô hữu Thyatrie như một bà Jézabel mới vì đã tuyên sấm và ăn thịt dành cho các ngẫu tượng (Kh 2,20). Ngược lại, thánh Phaolô cho phép ăn và thấy thịt ngon (ICr 8–10). Theo tác giả Khải huyền phải tiếp tục gìn giữ Lễ luật nhưng phải làm chứng mới. “Thành Giêrusalem mới” đến từ trời được cử hành trong Khải huyền (3,12) nhưng không đối chọi giao ước cũ và giao ước mới như lời tác giả thư Gioan thứ nhất đề nghị, đi ngược lại với tư tưởng Phaolô và Máccô (IGa 2,7; 2Cr 3,6tt và Mc 2,21tt). Họ thuộc thành phần những người Do thái chính thực, những kẻ khác thuộc loại nói dối tại hội đường Satan. Viễn ảnh tác giả Khải huyền đặt mình vào di sản Ítraen, và thế giới Khải huyền hoàn toàn khác với thế giới thánh Phaolô.

Với một bối cảnh như trên, từ ngữ “*người còn lại trong dòng dõi bà*” (12,17) có nhắm đến các thánh tại Giêrusalem (Kh 11,18; 18,24...), nhóm người có mối liên hệ nào đó với những người anh em Đức Giêsu gắn bó vào Đức Maria và trước đó tụ họp chung quanh ông Giacôbê tại Giêrusalem và chịu tử đạo vào năm 62 công nguyên. Nhóm bị nhiều thử thách đưa đến cái chết để làm chứng (Kh 6,9; 12,11.17; 18,24). Theo Khải huyền 12, ký ức về mẹ Đấng Mêsia còn sống động giữa họ, như thể gom lại nơi ngài những thử thách Ítraen trước khi ca bài mừng vui cứu độ. Giống như người đàn bà nơi Tin mừng Gioan 16,21: “*Khi sinh con, người đàn bà lo buồn vì đến giờ của mình; nhưng sinh con rồi, thì không còn nhớ đến con gian nan nữa, bởi được chan chứa niềm vui vì một con người đã sinh ra trong thế gian*”. Người đàn bà hay bà mẹ đó là ai mà sách Khải huyền nói đến?

- Mẹ Đấng Mêsia

Ngoài chương 12 và chương 19, hình ảnh người đàn bà trong sách Khải huyền khá tiêu cực như Babylone được coi “*mẹ những gái điếm*” hay người xưng mình là nữ ngôn sứ Jézabel (2,20; 9,8; 14,4; 17,3-18 nhận diện ra Babylone). Người đàn bà nơi chương 12 phải chăng Ítraen, cô con gái Thiên Chúa bị bách hại, hay Ítraen mới (những kitô hữu gốc Do thái), hoặc Đức Maria, mẹ Đấng Mêsia Kitô? Thật vậy, truyền thống thường cho người phụ nữ biểu trưng cộng đoàn Do thái cưu mang Đấng Thiên Sai. Và truyền thống Kitô giáo áp dụng hình ảnh biểu tượng cho Giáo hội và Đức Maria. Lý do nào có thể nhìn trong đó hình ảnh Đức Maria?

Chương 12 mang đoạn huyền kiến về “*người phụ nữ mình khoác mặt trời, chân đạp mặt trăng*”. Mọi hành động trước hết xảy ra trên trời với các tinh tú (12,1-6); rồi đến cuộc chiến giữa các thiên thần

chống lại “con Mãng Xà khổng lồ”, trước khi nó bị vật ngã xuống đất (câu 7-12), và dưới đất nó còn chống trả lại dòng dõi thiên sai (câu 13-18). Trong ba cuộc chiến, cuộc chiến thứ nhất và thứ ba nhắm vào người đàn bà.

Theo khung cảnh một cộng đoàn gần với ông Giacôbê thành Giêrusalem, tác giả chương 12 dùng ngôn ngữ hai mặt. Tác giả chỉ định Ítraen hay bà mẹ Đấng Thiên Sai dưới nét mặt một người đàn bà Do thái đang bị thử thách. Ông gọi lại mối liên hệ với Ítraen qua việc các ngôn sứ bị bách hại, trộn lẫn ký ức mẹ Đấng Thiên Sai. Ítraen bị bách hại bởi “con rắn từ ngàn xưa”, con vật dụ dỗ toàn thể giới có liên quan đến câu chuyện con rắn cám dỗ người nữ trong sách Sáng thế 3,15. Dân tộc Xuất hành bị tổn thương trong lịch sử. Từ Ítraen dấy lên Đấng Mêsia, nhưng không xác định danh tánh. Chỉ có thiên thần Micae được nêu tên, ngoài ra những nhân vật khác không có tên và những thử thách cũng không xác định rõ ràng. Tất cả đều được ám chỉ theo khuôn mẫu Khải huyền thời bấy giờ. Một loại thể văn chiến đấu và điểm chính thường ẩn giấu và mang nhiều ý. Cho dù người đàn bà trong sách Khải huyền trước hết mang hình ảnh Ítraen được cứu độ nơi Chúa Kitô, nhưng không thể nào xóa bỏ hình ảnh mẹ Đức Giêsu đặt trong tiến trình thiên sai. Việc sinh hạ thiên sai trong Khải huyền 12 đã được thể hiện nơi thập giá, và bối cảnh Khải huyền theo tác giả Gioan cũng không thể không biết áp dụng nó vào việc sinh hạ Đức Giêsu. Các trình thuật thời thơ ấu Đức Giêsu theo Mátthêu và Luca đã được lưu hành hai mươi năm trước khi sách Khải huyền được biên soạn. Các tác giả Tin mừng lấy lại một phần truyền thống đến từ môi trường Kitô giáo, vì thế khi nói đến việc Đức Giêsu sinh hạ họ không thể nào không nhắc tới vai trò Đức Maria gắn liền với Ítraen tái tạo trong thảm kịch vũ trụ cứu độ.

- **Khải huyền 12,1-6**: Khung cảnh xảy ra trên trời như tiên báo lịch sử thiên sai. Ngôn ngữ thuộc loại Khải huyền Do thái thời bấy giờ. Tất cả xảy ra trên trời trước khi bị kéo xuống trần gian. Đền thờ trên trời không do con người làm ra, và được nhô ra trước đền thờ trần gian. Giêrusalem đích thực hiện hữu trên trời. Những thực tại trần gian được tiên trưng trên trời, và có trước theo cách Con Người như sách Hênôc ghi được Thiên Chúa dấu kín trước khi tạo thành thế giới (1Hênôc 48,2-3 và 62,7). Tất cả đã được trước theo cái nhìn Thiên Chúa hiện tại hằng hữu, gồm cả Ítraen bị bách hại với Đấng Mêsia, và theo Khải huyền 12,1tt cho tới mẹ Đấng Mêsia. Dưới nét người đàn bà Ítraen trước thời gian hiện tại đã hiện hữu trong chương trình Thiên Chúa. Lý do một Đấng Mêsia có trước trên trời cũng đã được nhóm Pharisêu nhìn nhận như trong 4Étra 13,26: “*Đấng Tối cao gìn giữ từ lâu và qua đó Người sẽ trao nộp cho các thụ tạo của Người*”. Truyền thống Gioan cũng đưa cùng lý lẽ trên nơi Gioan 3,31-32: “*Đấng từ trên cao mà đến thì ở trên mọi người; kẻ từ đất mà ra thì thuộc về đất và nói những chuyện dưới đất. Đấng từ trời mà đến thì ở trên mọi người; Người làm chứng về những gì Người đã thấy đã nghe, nhưng chẳng ai nhận lời chứng của Người*”, và trong Khải huyền 12,5 Đấng Mêsia được giữ trên trời gần ngai Thiên Chúa được chiếu rọi bởi mẹ Người hiện diện: “*Rồi có điềm lớn xuất hiện trên trời: một người Phụ Nữ, mình khoác mặt trời, chân đạp mặt trăng, và đầu đội triều thiên mười hai ngôi sao*” (Kh 12,1).

Dấu chỉ lớn nơi người đàn bà đại diện Ítraen mà mẹ Đấng thiên sai mang hình ảnh sẽ chiến đấu chống lại con Mãng Xà qui tụ nơi nó sức mạnh các ngẫu tượng. Người đàn bà sẽ chiến thắng, và người Con chiến thắng đã niêm ấn trên trời. Từ người đàn bà: mặt trời mang dấu chỉ uy nghi; mặt trăng vẻ đẹp hay vinh quang như lời sách Diễm ca 6,10: “*Kìa bà nào xuất hiện như rạng đông, diễm kiều như vàng*

nguyệt, lộng lẫy tựa thái dương, oai hùng như đạo binh chinh tề hàng ngũ?”. Trong sách Khải huyền còn thêm mười hai ngôi sao tượng trưng các tổ phụ Ítraen theo sách “Testament de Nephtali (chức thư Nephtali): “*Lêvi như mặt trời [...] và Giuđa chiếu rạng như sao và dưới chân với mười hai ánh tia*”. Vinh quang người đàn bà đối ngược lại với hình ảnh Evà vì bà được bao quanh với những tinh tú sáng tạo giữa mười hai chi tộc Ítraen. Nhưng với tương phản mạnh mẽ bà bị thử thách, không những vì sinh nở Đấng Mêsia, nhưng bị con Mãng Xà muốn vồ lấy.

“Bà có thai, đang kêu la đau đớn và quằn quại vì sắp sinh con.3 Lại có điềm khác xuất hiện trên trời: đó là một Con Mãng Xà, đỏ như lửa, có bảy đầu và mười sừng, trên bảy đầu đều có vương miện.4 Đuôi nó quét hết một phần ba các ngôi sao trên trời mà quăng xuống đất. Rồi Con Mãng Xà đứng chực sẵn trước mặt người Phụ Nữ sắp sinh con, để khi bà sinh xong là nó nuốt ngay con bà.5 Bà đã sinh được một người con, một người con trai, người con này sẽ dùng trượng sắt mà chặn dấy muôn dân. Con bà được đưa ngay lên Thiên Chúa, lên tận ngai của Người.6 Còn người Phụ Nữ thì trốn vào sa mạc; tại đó Thiên Chúa đã dọn sẵn cho bà một chỗ ở, để bà được nuôi dưỡng ở đó, trong vòng một ngàn hai trăm sáu mươi ngày”.

Định mệnh tiên báo người đàn bà và người con bị đe dọa. Đấng Mêsia biết cách áp đặt trước sức mạnh sự xấu. Hình ảnh “trượng sắt” nhấn mạnh tính triệt căn phán xét thiên sai. Trong các Thánh vịnh Salomon do một tác giả theo chiều hướng Pharisêu ghi hy vọng Đấng Mêsia Con Đavít tấn công các kẻ tội lỗi: “*Ngài bẻ gãy với một trượng sắt... Ngài tiêu diệt các Nước nghịch đạo bằng một lời từ miệng Ngài*” (17,24). Trong lúc chờ đợi, trẻ Mêsia được đưa về trời và được Thiên Chúa bảo vệ, còn mẹ ngài cũng được đưa ẩn trốn trong sa mạc cho tới thời gian định. Lý do người đàn bà vào sa mạc còn được nhắc lại thêm

lần nữa (12,14) nhưng lần này trong chiều hướng lịch sử chứ không còn tiên báo như phần trên. Tác giả lấy lại ý tưởng Đấng Mêsia tiền tự hữu, bao gồm luôn bà mẹ được chỉ định như Ítraen được chuyển biến. Những hình ảnh đưa ra có thể hơi khác lạ đối với cái nhìn ngày nay, cho dù khám phá ra một phần vọng lại trong sách Isaia 26,17 nơi Ítraen được so sánh với “*người đàn bà mang thai, lúc gần sinh nở, phải quần quai, kêu la vì đau đớn*”, cái đau đớn sinh nở thiên sai (Mt 24,8). Tại Qumran, cộng đoàn Giao ước được trình bày bằng hình ảnh người đàn bà bị bách hại bởi người nghịch đạo, và bà sẽ sinh ra Đấng Mêsia như sách Isaia (9,5-6) loan báo. Vai trò mẹ Đấng Mêsia không bị quên lãng: “*Người đàn bà mang thai sinh ra con đầu lòng [...]; trong làn sóng chết bà sinh ra một con trai [...]* và trong mối liên hệ cõi âm ty sẽ làm dấy lên từ lò thử thách người mang thai một Cố vấn Kỳ diệu, với quyền năng; và ngài sẽ trao nộp những làn sóng một ân sung nhờ người mang thai ông” (Thánh thi III,7-12).

Điều trên cũng khá gần với tư tưởng Khải huyền 12, nhưng có điểm khác biệt nơi lý do những đớn đau thiên sai (câu 2), gọi máu con chiên (câu 11) nhắc lại trước tiên về biến cố thập giá của Đấng sống lại. Chính tại trên trời, nơi Đức Maria sẽ sinh ra trong đau đớn Đấng Mêsia đóng đinh giống như Ítraen mới sinh ra đau đớn. Ngoài ra cách Khải huyền trình bày cũng gần với sách Isaia 66,7 theo bản LXX: “*Trước thời người bị thử thách với những con đau sinh con, nó đã trốn đi và nó đã cho con trai chào đời*”. Khác một chút với người đàn bà trong sách Khải huyền: thử thách đau đớn, sinh con rồi mới trốn đi. Việc trốn đi đều được nói tới trong hai văn bản. Văn bản Isaia 66 được lựa chọn đọc trong sáng ngày Sabát tại hội đường.

- **Khải huyền 12,7-12:** Đưa cuộc chiến trên trời xuống dưới đất. Một cuộc chiến giữa thiên thần Micae chống lại con Mãng Xà, giống

như Đức Giêsu chống Satan rơi từ trời xuống như tia sáng (Lc 10,18). Vì “giờ đây biểu dương uy lực với vương quyền, và Đức Kitô của Người” (câu 10). Những người thuộc nhóm “đã thắng được nó nhờ máu Con Chiên và nhờ lời họ làm chứng về Đức Kitô” (câu 11). Tất cả đều được thực hiện đúng theo chương trình trên trời nơi phần đầu. Ôn cứu độ “bởi máu con chiên” là thập giá Chúa Kitô được ghi trên trời, cũng như chứng từ những Kitô hữu trong tương lai. Nhưng không thấy nhắc đến mẹ Đấng Mêsia, vì chỉ chính Chúa Kitô làm thay đổi kế hoạch cứu độ.

- **Khải huyền 12,13-18:** Lần này biến cố xảy ra trên thế gian chứ không còn trong các tiên báo trên trời. Người đàn bà xuất hiện trở lại và bị con Mãng Xà tấn công: *Khi Con Mãng Xà thấy mình đã bị tống xuống đất, nó liền đuổi bắt người Phụ Nữ đã sinh con trai. Bà được ban cho đôi cánh đại bàng, để bay vào sa mạc, vào nơi dành cho bà, tại đó bà được nuôi dưỡng một thời, hai thời và nửa thời, ở xa Con Rắn. Từ miệng, Con Rắn phun nước ra đằng sau bà như một dòng sông, để cuốn bà đi. Nhưng đất cứu giúp bà: Đất há miệng ra uống cạn dòng sông từ miệng Con Mãng Xà phun ra. Con Mãng Xà nổi giận với người Phụ Nữ và đi giao chiến với những người còn lại trong dòng dõi bà, là những người tuân theo các điều răn của Thiên Chúa và giữ lời chứng của Đức Giêsu. Rồi nó đứng trên bãi cát ngoài biển.*

Toàn bộ văn bản khá bí ẩn theo loại Khải huyền với ngôn ngữ huyền thoại chỉ định một thực tại đau đớn: Câu 13-14 mẹ Đấng Mêsia phải chạy trốn trong sa mạc vì bị Mãng xà đuổi bắt; câu 15-16 bà bị nước dòng sông sự chết đe dọa. Từ cõi âm ty, thế giới kẻ chết, Đấng Mêsia sẽ trỗi dậy. Đại bàng trên trời và đáy sâu thăm sẽ cứu bà.

Nhưng giờ đây bà bị chạm trong “dòng dõi sót lại”, những người tuân theo Lê luật Môsê nhưng tuyên xưng Đức Giêsu (câu 17-18). Cuộc chiến trên trời chấm dứt, nhưng cuộc chiến trên thế gian còn kéo dài cho tới dòng dõi Ítraen thiên sai. Người đàn bà phải trốn, dân tuyên chọn viễn du ngày trước và những Kitô ngày nay bị bách hại. Cánh đại bàng giúp đưa bà trốn trong sa mạc, và tại đó bà được nuôi dưỡng một thời gian “ở xa con Mãng xà” (câu 14). Giống như dân Do thái được Thiên Chúa đưa đi bằng “những cánh đại bàng” theo Xuất hành 19,4 và Đệ nhị luật 32,11. Vì Thiên Chúa bảo vệ dân Người và nuôi dưỡng trong sa mạc trong suốt hành trình Xuất hành. Sa mạc nơi thử thách cũng là nơi Thiên Chúa bảo vệ dân Người (*Gr* 2,2). Điều này chỉ xảy ra trong một thời gian rất ngắn với bốn mươi hai tháng (*Kh* 11,2 và 13,5); từ một ngàn hai trăm sáu chục ngày (11,3 và 12,6), hay một thời gian hai thời và nửa thời (12,14). Ba năm rưỡi gợi nhớ cuộc bách hại của Antiochus Epiphane IV theo sách Đanien (7,25; 12,7). Thời gian thử thách cánh chung Ítraen phải chịu bách hại vào khoảng cuối thế kỷ thứ I. Thử thách bây giờ kèm theo sự bảo vệ cần thiết của Thiên Chúa. Một lần nữa con Mãng xà muốn loại bỏ người đàn bà bởi dòng nước ma quái (*Kh* 12,5.7.15-16). Nước Thiên Chúa nổi giận như lời Thánh vịnh 88,17tt trở thành ở đây nước ma quái đưa đến diệt vong. Nhưng đất “há miệng ra” như cuộc vượt qua biển Đỏ (*Xh* 15,12) và xóa bỏ chương trình ma quái. Con Mãng xà còn giận và tấn công “dòng dõi còn sót lại” tức là dân Ítraen tuyên xưng Danh Đức Giêsu, một dòng dõi thiên sai gắn bó với mẹ Đấng Mêsia. De dọa còn kéo dài và con mãng xà còn đó, chờ đợi nơi bãi cát bờ biển hiểm nguy; con vật còn đó “từ dưới biển đi lên” (*Kh* 13,1). Cuộc chiến sắp kết thúc. Ítraen mang lòng tin nơi Đức Giêsu đã bị chạm giống như mẹ Đấng thiên sai.

Kết luận

Sau khi duyệt qua Tân ước, hẳn ngạc nhiên thấy các tác giả dành cho Đức Maria một chỗ đứng khiêm tốn. Phaolô chỉ có 1 câu rất ngắn, nhưng cũng không nêu tên Đức Maria. Tin mừng Máccô cựa trảo nhất cũng chỉ nói phớt qua. Mátthêu nhìn nhận Đức Maria là mẹ Đấng Thiên Sai. Duy chỉ còn Luca và Gioan dành cho ngài một chỗ đặc biệt: Đức Maria là mẹ Con Thiên Chúa và người môn đệ đầu tiên. Dù ít được nói đến so với 27 pho sách kết thành bộ Tân ước, nhưng Đức Maria đã có một vai trò quan trọng trong lịch sử cứu rỗi.